HOÀNG GIÁP - TS NGUYỄN THỊ QUẾ

MẬU DỊCH TỰ DO
ASEAN - TRUNG QUỐC
Quá trình hình thành và triển vọng



NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TS Hồ Châu - TS Nguyễn Hoàng Giáp - TS Nguyễn Thị Quế
(Đồng chủ biên)

KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TRIỂN VỌNG

(Sách tham khảo)

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
Hà Nội - 2006

Chủ biên

TS Hồ Châu - TS Nguyễn Hoàng Giáp - TS Nguyễn Thị Quế

CÁC CỘNG TÁC VIÊN

1. TS Nguyễn Thế Lực
2. TS Thái Văn Long
3. ThS Ngô Chí Nguyện
4. ThS Nguyễn Danh Trai
5. CN Phan Duy Quang

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ACFTA	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc
AFTA	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
AIA	Khu vực đầu tư ASEAN
AICO	Chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN
AMBDC	Khuôn khổ hợp tác ASEAN về phát triển lưu vực sông Mêkông
AMF	Quỹ Tiền tệ châu Á
APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ARF	Diễn đàn khu vực ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các nước Đông Nam Á
ASEM	Diễn đàn hợp tác Á - Âu
AU	Liên minh châu Phi
CAFTA	Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN
CAN	Cộng đồng các quốc gia vùng Andes
CEPT/AFTA	Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
EAEC	Diễn đàn kinh tế Đông Á
EAFTA	Khu vực mậu dịch tự do Đông Á
EAS	Hội nghị cấp cao Đông Á
EHP	Chương trình Thu hoạch sớm *(chương trình cắt giảm thuế quan đặc biệt)*

EU	Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Hiệp định tự do hóa thương mại
FTAA	Khu vực tự do thương mại toàn châu Mỹ
GATT	Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GMS	Chương trình Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng
IAI	Sáng kiến hội nhập ASEAN
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế
MERCOSUR	Thị trường chung Nam Mỹ
MFN	Mức thuế suất ưu đãi tối huệ quốc
NAFTA	Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ
NATO	Liên minh Bắc Đại Tây Dương
OAU	Tổ chức thống nhất châu Phi
OSCE	Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

Lời Nhà xuất bản

Trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, với những động thái và sắc thái mới, đặc biệt là từ sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á (1997) đến nay, trên thế giới xuất hiện một xu hướng nổi bật là sáng kiến liên kết, hợp tác khu vực.

Hệ quả tất yếu là quá trình liên kết, hợp tác kinh tế khu vực giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) với các đối tác dưới những cách thức phát triển đa dạng, mang tính cạnh tranh - liên kết rất rõ. Tại thời điểm hiện nay, Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện được ký giữa ASEAN và Trung Quốc năm 2002 mà đích hướng tới là thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) đang thu hút nhiều sự quan tâm, chú ý vì những nét mới và những triển vọng thiết thực mà nó mang lại cho các bên trong tương lai.

Sự phát triển quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc cũng đồng thời làm dấy lên một cuộc chạy đua chuẩn bị kí kết hiệp định thương mại của nhiều đối tác với ASEAN. Tình hình này đã tác động mạnh mẽ đến các quan hệ quốc tế cũng như đời sống kinh tế - xã hội của khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, mối quan hệ hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc cũng đang tạo ra những cơ hội phát triển rất lớn nhưng đồng thời cũng đang đặt hai bên trước

những thách thức không nhỏ. Điều này đòi hỏi ASEAN (trong đó có Việt Nam) phải nhận thức đầy đủ về những thế mạnh, những thuận lợi cũng như thách thức để có thể tận dụng được thời cơ, khắc phục những điểm hạn chế để phát triển.

Nhằm góp phần làm sáng tỏ thực trạng hợp tác, liên kết kinh tế ASEAN - Trung Quốc, Nhà xuất bản Lý luận chính trị xuất bản cuốn sách ***Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc: quá trình hình thành và triển vọng****.*

Trên cơ sở những luận cứ thực tiễn từ quá trình nghiên cứu công phu, khoa học, hy vọng cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích đối với các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách, các sinh viên chuyên ngành kinh tế đối ngoại và đông đảo bạn đọc quan tâm.

Trong phạm vi rộng lớn của vấn đề, mức độ khó khăn của việc dự báo những triển vọng phát triển trong tương lai, nhất là trong bối cảnh quan hệ kinh tế quốc tế có những biến động phức tạp như hiện nay, cuốn sách chắc chắn khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Rất mong nhận được những ý kiến bổ khuyết quý báu của độc giả để cuốn sách được hoàn thiện trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Mở đầu

Bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX, dưới tác động mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa kinh tế, ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, làn sóng tự do hóa thương mại diễn ra sôi động chưa từng thấy. Các nước trong khu vực không chỉ đẩy mạnh việc cải thiện quan hệ trên các lĩnh vực, ký kết hiệp định thương mại, gia nhập các tổ chức kinh tế - thương mại, tài chính quốc tế, mà còn tích cực xúc tiến thiết lập các khu vực mậu dịch tự do trên những cấp độ và quy mô khác nhau. Theo hướng này, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) ra đời, Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết, các Hiệp định tự do hóa thương mại (FTA) song phương giữa các nước riêng biệt cũng bùng nổ mạnh mẽ...

Trong bối cảnh đó, các nhà lãnh đạo các thành viên Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc đã ký kết "Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện" ngày 4-11-2002 tại Phnôm Pênh (Campuchia), mở đường cho việc thiết lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) trong những năm tới. Đây là một sự kiện rất mới mẻ, đánh dấu quyết tâm chính trị của các nhà lãnh đạo ASEAN và Trung

Quốc, thể hiện bước phát triển mới của quan hệ giữa hai bên trong thế kỷ XXI. Việc ASEAN và Trung Quốc quyết định thành lập khu vực mậu dịch tự do đã làm dấy lên một cuộc chạy đua chuẩn bị ký kết FTA giữa các nước trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Liên minh châu Âu (EU), Canada, Mêhicô,... với ASEAN. Đồng thời, ACFTA ra đời còn thúc đẩy những nỗ lực tiến tới quá trình nhất thể hóa Đông Á - một ý tưởng vốn được thai nghén từ rất sớm tại khu vực. Triển vọng của quá trình này càng trở nên hiện thực hơn khi Hội nghị cấp cao ASEAN+3, gồm ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (tháng 11-2004 tại Viêng Chăn - Lào) đạt được thoả thuận tổ chức Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) tại Malaixia vào tháng 12-2005 nhằm tiến tới thành lập Khu vực mậu dịch tự do Đông Á (EAFTA) trong tương lai.

Có thể thấy, trước thập niên 90 của thế kỷ XX, nhiều chính khách và học giả, đặc biệt là ở Mỹ và Nhật Bản, chỉ chủ trương ủng hộ một hiệp định thương mại tự do toàn cầu, không muốn có các hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực. Vì theo họ, những hiệp định kiểu đó thường đi trước một bước so với hiệp định thương mại toàn cầu về mức độ tự do hóa, từ đó làm méo mó các quan hệ thương mại quốc tế. Nhưng từ đầu thập niên 90, tư duy này đã thay đổi. Chính Mỹ và Nhật Bản lại là những nước ủng hộ tích cực nhất đối với các hiệp định thương mại song phương và khu vực. Mỹ chủ động lập ra NAFTA và ký hiệp

định tự do thương mại với một số nước. Nhật Bản cũng đã ký các hiệp định tương tự với một số nước và hiện đang chuẩn bị để ký với ASEAN, đồng thời đang tỏ rõ quyết tâm tiến tới xây dựng EAFTA.

Các quốc gia có trình độ phát triển chưa cao hoặc còn thấp như Trung Quốc và nhiều nước ASEAN, nhờ những thành tựu mở cửa, hội nhập quốc tế đã có được những cải thiện rất cơ bản về vai trò, vị trí quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Trong khi đó, một vài nền kinh tế tại khu vực hiện nay trình độ và mức độ mở cửa, hội nhập vẫn thấp, nên đã gặp phải những khó khăn không nhỏ hoặc rơi vào tình trạng trì trệ. Bởi vậy, con đường phát triển đối với mọi quốc gia trong kỷ nguyên toàn cầu hóa sôi động ngày nay tất yếu phải hướng tới chủ động mở cửa hội nhập khu vực và quốc tế.

Thực tế của thế giới đương đại cho thấy, đang diễn ra những nỗ lực mạnh mẽ nhằm thiết lập các khu vực mậu dịch tự do song phương và khu vực trong thế kỷ XXI. Xu hướng này chắc chắn sẽ tác động sâu sắc đến quan hệ quốc tế trên mọi tầm cấp: từ khu vực, liên khu vực, liên châu lục đến toàn cầu. Trong xu hướng chung đó, diễn tiến của quá trình hình thành ACFTA cũng sẽ tác động không nhỏ đến đời sống kinh tế - xã hội của khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam.

Vấn đề đặt ra là quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương diễn tiến ra sao dưới ảnh hưởng của sự ra đời ACFTA? Việt Nam đóng vai trò như thế nào và liệu

chúng ta có thể tận dụng lợi thế địa - chính trị, địa - chiến lược, địa - kinh tế của đất nước để hội nhập khu vực và quốc tế một cách hiệu quả nhất, góp phần đắc lực vào tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xuất phát từ cách tiếp cận này, việc nghiên cứu, làm rõ quá trình hình thành, phát triển và triển vọng của ACFTA có ý nghĩa cấp thiết cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn đối với nước ta và các nước trong khu vực.

"Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện" giữa ASEAN và Trung Quốc được ký kết vào cuối năm 2002, cho nên ACFTA, trên thực tế, mới chỉ khởi tiến một số bước đi ban đầu trong sự hình thành và phát triển. Tuy vậy, quá trình hình thành ACFTA cùng với những tác động của nó đến đời sống quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới đang ngày càng trở thành mối quan tâm rộng rãi của giới nghiên cứu. Cho đến nay, ở trong cũng như ngoài nước, đã xuất hiện một số bài nghiên cứu, khảo sát về ACFTA trên những góc độ khác nhau. Cuộc hội thảo khoa học do *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* tổ chức ngày 22-6-2002 được coi là một trong những nỗ lực đầu tiên nghiên cứu về ACFTA kể từ khi Hội nghị các nhà lãnh đạo ASEAN - Trung Quốc lần thứ 5 (Brunây, tháng 11-2001) phê chuẩn đề xuất thành lập ACFTA. Tiếp đó, giới nghiên cứu Trung Quốc, Việt Nam và một số nước ASEAN khác đã tổ chức một số cuộc hội thảo khoa học về chủ đề này như Hội thảo "Diễn đàn hợp tác kinh tế Trung Quốc - ASEAN" tại Nam Ninh (Trung Quốc, tháng

11-2002), Hội thảo quốc tế "Quan hệ ASEAN - Trung Quốc với phát triển thị trường và thương mại Việt Nam" (Hà Nội, tháng 10-2005),...

Việc nghiên cứu, khảo sát sự hình thành và tác động của ACFTA cũng đã bắt đầu được đề cập trong một số công trình, bài viết trên các tạp chí chuyên ngành thời gian gần đây: PGS, TSKH Võ Đại Lược với bài *Một số ý kiến về ACFTA* và TS Đỗ Tiến Sâm với bài *Bước đầu tìm hiểu về ACFTA* (tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6-2002); PGS, TS Lê Văn Sang - *Về các ý tưởng liên kết kinh tế Đông Á* (tạp chí *Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 39-2002); TSKH Trần Khánh - *Sự tiến triển trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc* (tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 2-2004); Nguyễn Hoàng Giáp - *Sự phát triển quan hệ Trung Quốc - ASEAN tác động đến quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương* (tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1-2005), v.v..

Các hội thảo khoa học, các công trình, bài viết nêu trên đã bước đầu tiếp cận một số vấn đề về nội dung, về những thuận lợi, khó khăn, triển vọng và ảnh hưởng của ACFTA đối với Việt Nam và các nước trong khu vực. Hơn nữa, các tác giả hầu hết đều hướng sự chú ý vào lĩnh vực kinh tế và quan hệ kinh tế, chưa đề cập nhiều đến tác động của ACFTA trên lĩnh vực chính trị - an ninh và các lĩnh vực khác. Nhìn tổng quát có thể thấy, cho đến nay ở trong cũng như ngoài nước chưa có nhiều công trình nghiên cứu về ACFTA một cách hệ thống, chuyên sâu. Điều này càng

chứng tỏ sự cần thiết phải đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện hơn về ACFTA, góp phần làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn thúc đẩy sự ra đời, cũng như thực chất tiến trình và nội dung của ACFTA cùng với những tác động của nó đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam. Đồng thời, trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn của ACFTA, có thể dự báo về triển vọng của ACFTA và đề xuất một số kiến nghị có tính đối sách liên quan đến nước ta.

Chương 1

TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC HÌNH THÀNH KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC

Tháng 11-2002, các nước ASEAN và Trung Quốc ký kết "Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện", theo đó, hai bên quyết định thành lập ACFTA vào năm 2010. Gần một năm sau, vào tháng 10-2003, Trung Quốc chính thức ký tham gia "Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Đông Nam Á". Đây là những sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới về chất trong quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc. Đồng thời, đây cũng là kết quả của sự phát triển bên trong từng quốc gia và là kết quả của xu thế hợp tác, liên kết toàn khu vực dưới tác động trực tiếp của quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra sôi động. Nói cách khác, toàn cầu hóa kinh tế và khu vực hóa là một trong những nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ và thúc đẩy quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc và sự ra đời ACFTA.

Thật vậy, xuất hiện như một tất yếu khách quan trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất vật chất của xã hội

loài người, toàn cầu hóa kinh tế là xu thế lịch sử, tác động toàn diện đến mọi mặt của đời sống thế giới. Toàn cầu hóa dựa trên sự bùng nổ các thành tựu khoa học, kỹ thuật - công nghệ mới không chỉ tiếp sức cho nền kinh tế nhiều nước phát triển rất nhanh chóng mà còn đẩy nhanh phân công lao động quốc tế. Tự do hóa kinh tế và phát triển kinh tế thị trường trên toàn cầu diễn ra phổ biến. Các nền kinh tế dựa vào nhau, liên kết với nhau, xâm nhập lẫn nhau khiến cho tính phụ thuộc giữa các nước ngày càng tăng. Toàn cầu hóa nổi lên như một xu hướng chủ đạo chi phối đời sống nhân loại và hệ thống quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại.

Toàn cầu hóa kinh tế là những mối quan hệ kinh tế vượt qua biên giới quốc gia, khu vực để vươn tới quy mô toàn thế giới. Nó bao hàm quá trình nhất thể hóa về thị trường, vốn, sức lao động, dịch vụ, công nghệ và các quy định pháp chế kinh tế giữa các nước trên cơ sở hợp tác và phân công lao động quốc tế sâu rộng. Toàn cầu hóa kinh tế là trung tâm của xu thế toàn cầu hóa, là cơ sở và động lực thúc đẩy toàn cầu hóa trên nhiều lĩnh vực khác. Trong tư cách một xu thế khách quan, quá trình toàn cầu hóa hiện đang lôi cuốn các nước tích cực và chủ động tham gia với nhiều cấp độ và nội dung khác nhau như hội nhập khu vực và quốc tế, hội nhập kinh tế, hội nhập văn hóa...

Quá trình toàn cầu hóa hiện nay có những biểu hiện khác với quá trình quốc tế hóa diễn ra từ giữa thế kỷ XX về

trước, nguyên nhân là do quá trình này diễn ra trong những điều kiện mới với một số đặc điểm cơ bản sau:

- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, trật tự thế giới hai cực bị phá vỡ. Trong điều kiện đó, Mỹ do có ưu thế nổi trội về nhiều mặt nên tham vọng muốn làm bá chủ thế giới, nhưng trên thực tế lại đang hình thành một trật tự thế giới theo khuynh hướng đa cực. Đồng thời, các nước đang phát triển cố gắng vươn lên để có cơ hội cất cánh, hiện đại hóa.

- Cách mạng khoa học - công nghệ, cách mạng sinh học, cách mạng tin học là động lực thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

- Kinh tế thị trường phát triển với nhiều hình thức dẫn đến sự tăng cường tự do hóa kinh tế và xu thế vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, đấu tranh trong một nền kinh tế thế giới đang chuyển dần sang nền kinh tế tri thức.

- Quan hệ kinh tế không chỉ giới hạn ở lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu mà ngày càng mở rộng trên tất cả các lĩnh vực.

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế được thúc đẩy và bị chi phối bởi những nhân tố mới, bao gồm:

Một là, những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại chủ yếu thuộc về các nước tư bản phát triển do họ có ưu thế về thực lực kinh tế, tiềm lực khoa học hùng mạnh cùng với mạng lưới hơn 60.000 công ty xuyên

quốc gia vươn rộng khắp hành tinh. Hoạt động của các công ty này đã nhanh chóng phá vỡ những rào cản quốc gia và khu vực, khiến cho tài nguyên thiên nhiên, sức lao động cùng với tri thức khoa học và quản lý di chuyển trên thế giới một cách mạnh mẽ. Đây là lực lượng chi phối mang ý nghĩa quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất thế giới hiện nay và mạng lưới hoạt động của chúng đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế.

Hai là, lợi dụng những ưu thế nêu trên, các tập đoàn tư bản độc quyền đang ráo riết thực hiện ý đồ chiến lược biến quá trình toàn cầu hóa thành quá trình tự do hóa kinh tế theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa và áp đặt chính trị theo mô hình phương Tây. Do đó, quá trình toàn cầu hóa bị biến dạng, lệch lạc và bộc lộ thành nhiều mặt tiêu cực. Mô thức hiện nay của toàn cầu hóa đang trong xu hướng bị tư bản hóa, đáp ứng lợi ích và xét trên một góc độ nhất định, nó góp phần mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản độc quyền xuyên quốc gia trên quy mô toàn cầu. Do đó, xu thế khách quan toàn cầu hóa đang đứng trước trạng thái đầy kịch tính. Một mặt, các quốc gia dù lớn hay nhỏ, giàu hay nghèo đều bị cuốn hút hoặc chủ động tham gia vào toàn cầu hóa. Mặt khác, họ phải tiến hành các nỗ lực vừa để đối phó, vừa để tự bảo vệ trong tiến trình hội nhập quốc tế. Toàn cầu hóa không chỉ thuần tuý là một quá trình kinh tế - kỹ thuật mà còn là cuộc đấu tranh kinh tế - xã hội, kinh tế - chính trị và văn hóa - tư tưởng rất gay gắt với thời cơ và thách thức

đan xen nhau đặt ra đối với nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển. Với thực lực nổi trội trên nhiều lĩnh vực trong điều kiện không còn đối thủ như Liên Xô trước đây, Mỹ đẩy mạnh thực hiện tham vọng "lãnh đạo" thế giới, chủ trương "Mỹ hoá" quá trình toàn cầu hóa. Cùng với Mỹ, chiến lược và chính sách của các nước tư bản phát triển hàng đầu khác như một số nước chủ chốt trong EU và Nhật Bản đang thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa vận động theo hướng tự do hóa tư bản.

Ba là, các tổ chức thương mại, kinh tế, tài chính như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), WTO, các tổ chức kinh tế thuộc Liên hợp quốc đang cố gắng thích nghi và tự điều chỉnh với mong muốn đóng vai trò thúc đẩy và trở thành những trung tâm điều phối toàn cầu. Các tổ chức này quy định chính sách và luật lệ của hệ thống kinh tế và tiền tệ thế giới. Điều này được thấy rõ qua vai trò của IMF và WB tham gia giải quyết khủng hoảng kinh tế ở Mỹ latinh, Đông Nam Á, Hàn Quốc. Trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế ngày càng tăng đang thúc đẩy sự mở cửa thị trường tài chính - tiền tệ trong khuôn khổ của WTO, tạo ra sức ép khiến luồng vốn lưu thông với tốc độ và khối lượng lớn hơn, do đó cũng làm cho các thể chế kinh tế toàn cầu được hoạch định bởi lợi ích của nước lớn trở nên bất cập. Ngoài ra, tự do hóa thương mại quốc tế còn gây sức ép dưới dạng thiếu hụt cán cân thanh toán đối với quốc gia tham gia, bất lợi về cạnh tranh cho các nước đang

phát triển trong phạm vi của các vấn đề nảy sinh tranh chấp, khiến cho WTO, IMF, WB không thể kịp thời can thiệp một cách có hiệu quả.

Bốn là, các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại khu vực đã hình thành ở khắp các châu lục với những mức độ và cách thức hoạt động khác nhau như: NAFTA, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR)... Vai trò của các tổ chức này không ngừng tăng trong việc hoạch định đường lối, tổ chức hệ thống kinh tế cấp khu vực cũng như cấp toàn cầu. Chúng còn có tác động tới việc điều chỉnh cơ cấu và vai trò của Liên hợp quốc, thậm chí còn đóng vai trò bổ sung cho Liên hợp quốc cũng như các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế. Vì vậy, hoạt động của hệ thống tổ chức và điều hành kinh tế quốc tế ngày một đa dạng, linh hoạt và hiệu quả hơn, thích ứng với trật tự kinh tế thế giới mới.

Năm là, vai trò của nhà nước quốc gia trong hệ thống tổ chức điều hành kinh tế quốc tế trong điều kiện sự phát triển nhanh của toàn cầu hóa kinh tế thúc đẩy sự cạnh tranh giữa các nước trở nên gay gắt, đồng thời với sức ép của các siêu cường về kinh tế cũng tăng lên đã làm trầm trọng thêm sự chênh lệch về phát triển giữa các quốc gia và trong từng quốc gia, khoảng cách giữa nước giàu và nước nghèo mở rộng. Các chính phủ không kiểm soát được toàn bộ sự lưu thông của các luồng tiền vốn bởi sự chuyển dịch của nó giữa các nước diễn ra với tốc độ vô cùng nhanh nhờ công

nghệ thông tin. Các chính phủ cũng không thể kiểm soát hết được chiều hướng phát triển của tỷ giá hối đoái và mức lãi suất, dẫn đến quyền lực của nhà nước quốc gia trong điều hành kinh tế quốc gia cũng như tác động quốc tế có chiều hướng suy giảm, tuy nhiên nó vẫn còn có vai trò quan trọng đối với quan hệ kinh tế và tiền tệ quốc gia, quốc tế.

Toàn cầu hóa kinh tế đi đôi với khu vực hóa và bao gồm cả các quan hệ kinh tế song phương. Chính vì vậy, toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là hai mặt của cùng một hiện tượng. Tham gia toàn cầu hóa và thực hiện hội nhập quốc tế là hai cách nói khác nhau để diễn đạt một xu thế, một tiến trình thống nhất.

Toàn cầu hóa kinh tế đồng nghĩa với sự mở rộng của thương mại, đầu tư, dịch vụ, chuyển dịch lao động giữa tất cả các khu vực của thế giới. Việc mở rộng thương mại bao gồm cả thương mại hàng hóa vô hình, dịch vụ và bản quyền. Cùng với chúng là sự chuyển dịch lao động và cả các quan niệm giá trị, lối sống đã tác động, làm biến đổi văn hóa của các dân tộc. Do đó, nói tới toàn cầu hóa phải nói tới cả sự chuyển biến trên hai mặt này.

Toàn cầu hóa luôn gắn liền với quá trình khu vực hóa kinh tế thế giới, khu vực hóa là một bộ phận tổ thành của toàn cầu hóa. Xu hướng của khu vực hóa là từng bước phá vỡ tính hạn hẹp để vươn rộng hơn trong không gian toàn cầu. Khu vực hóa kinh tế với biểu hiệu ban đầu rõ nhất của nó là hình

thành thị trường tự do toàn khu vực với mức thuế quan thống nhất, do vậy các nước thành viên vẫn có thể duy trì chế độ bảo hộ tập thể đối với hàng hóa, dịch vụ được cung ứng từ bên ngoài khu vực trong một thời gian nhất định. Đồng thời, thông qua cạnh tranh nội bộ khu vực, các nước thành viên có thể xác định lại các lợi thế và bất lợi của nền kinh tế quốc dân. Trên cơ sở đó, thực hiện tái cơ cấu toàn bộ nền kinh tế theo hướng tối ưu hóa trong phân công nội bộ khu vực dựa trên việc phát huy lợi thế so sánh, tiến tới tự do hóa việc di chuyển vốn, lao động, chuyển giao công nghệ và cuối cùng là một đồng tiền chung cho khu vực.

Sự liên kết giữa các nước trong một vùng, một khu vực về mặt kinh tế hoặc giữa các khu vực ở cấp độ thấp nhất được gọi là "khu vực mậu dịch tự do". Khu vực mậu dịch tự do là hình thức thấp nhất của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Ở hình thức này, các nền kinh tế thành viên tiến hành giảm và loại bỏ dần các hàng rào thuế quan, các hạn chế định lượng và các biện pháp phi thuế quan trong thương mại nội khối. Tuy nhiên, họ vẫn độc lập thực hiện chính sách thuế quan đối với các đối tác ngoài khối. Ví dụ về cấp độ này, có thể kể đến các khu vực mậu dịch tự do như NAFTA, AFTA và cấp độ phát triển cao hơn được gọi là "thị trường chung". Thị trường chung là hình thức liên kết thuế quan cộng với việc bãi bỏ các hạn chế đối với việc lưu chuyển của các yếu tố sản xuất khác. Trong khuôn khổ

một thị trường chung, không chỉ hàng hóa dịch vụ, mà hầu hết các nguồn lực khác (vốn, kỹ thuật, công nghệ, nhân công) đều được tự do lưu chuyển giữa các thành viên như trường hợp của EU.

Trình độ cao nhất của tiến trình hội nhập quốc tế là "liên minh toàn diện". Ở trình độ này, các nước thành viên thống nhất cả về kinh tế lẫn chính trị, bao gồm các chính sách tài chính, tiền tệ, thuế, các chính sách xã hội, thậm chí cả chính sách đối ngoại và an ninh. Như vậy, ở cấp độ "liên minh toàn diện", quyền lực quốc gia trên hầu hết các lĩnh vực được chuyển giao cho một cơ cấu cộng đồng. Đây thực chất là giai đoạn xây dựng một kiểu nhà nước liên bang hoặc các "cộng đồng kinh tế đa quốc gia".

Cùng với sự kết thúc của Chiến tranh lạnh là việc mở rộng mạnh mẽ liên kết kinh tế khu vực, rất nhiều tổ chức kinh tế khu vực dưới nhiều cấp độ và mang tính thể chế ngày càng cao tiếp tục ra đời. Sự đa dạng về cấp độ phát triển, sự khác biệt về các đặc điểm địa - kinh tế, địa - chính trị cùng với những ảnh hưởng về đặc điểm lịch sử, văn hóa đã và đang làm cho các hình thức liên kết kinh tế trở nên nhiều vẻ và rất phong phú. Tuy nhiên, về bản chất, chúng là hiện thân của xu hướng tự do hóa về thương mại và đầu tư quốc tế, đồng thời là những vòng tròn đồng tâm của tiến trình nhất thể hóa nền kinh tế thế giới. Các tổ chức kinh tế khu vực có năm cấp độ sau:

Thứ nhất, sự liên kết khu vực ở quy mô nhỏ hơn với nhiều yếu tố đồng nhất nhằm xây dựng khu vực mậu dịch tự do. Ví dụ: NAFTA, bao gồm Mỹ, Canađa và Mêhicô có hiệu lực từ 1-1-1994, kéo dài khoảng 14 năm và sẽ hết hiệu lực vào năm 2008. NAFTA nhằm xóa bỏ quan thuế và giảm hàng rào phi quan thuế giữa ba nước. Từ đó thúc đẩy tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp có hiệu lực. Thực tế cho thấy, NAFTA là một khu vực buôn bán tự do vào loại lớn nhất thế giới. Lợi ích mà NAFTA mang lại cho các nước thành viên qua việc quan thuế và hàng rào phi quan thuế được xóa bỏ đã tạo điều kiện cho cả ba nước thành viên thâm nhập sâu hơn vào thị trường của nhóm, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi nước theo hướng gia tăng tỷ trọng dịch vụ trong cấu trúc Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và gia tăng phúc lợi xã hội.

Tại Nam Mỹ, sự liên kết khu vực được thể hiện rõ nét thông qua MERCOSUR bao gồm Braxin, Áchentina, Urugoay và Paragoay. Giống như các khối liên kết kinh tế giữa các nước đang phát triển khác trên thế giới, trong chương trình nghị sự của MERCOSUR, biện pháp đầu tiên là tạo ra một không gian kinh tế rộng lớn ở Nam Mỹ thông qua việc ký kết một hiệp định về ưu đãi thuế quan và một

thoả thuận buôn bán tự do vào năm 2000 giữa khối này với Cộng đồng các quốc gia vùng Andes (CAN). Liên minh giữa MERCOSUR và CAN gồm 300 triệu dân với GDP xấp xỉ 1.000 tỷ USD, chiếm khoảng 13% tổng thu nhập thế giới, đã đưa ra một chiến lược để thành lập Khu vực tự do thương mại toàn châu Mỹ (FTAA) vào năm 2005.

Tại Đông Nam Á, các nước ASEAN thiết lập AFTA nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển kinh tế. Từ Hội nghị cấp cao không chính thức ở Manila (Philíppin) ngày 24 -11-1999, ASEAN đã thực hiện một số biện pháp rất mạnh mẽ và táo bạo, đó là rút ngắn thời gian biểu của buôn bán tự do phi thuế quan từ năm 2015 xuống 2010 đối với những quốc gia có trình độ phát triển cao hơn trong khu vực và từ năm 2018 xuống 2015 đối với những quốc gia thành viên mới là Việt Nam, Lào, Miama và Campuchia để tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế trong khu vực.

Thứ hai, hình thành một liên minh kinh tế thống nhất cho toàn khu vực, chẳng hạn như Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) - tổ chức khu vực lớn nhất gồm 53 nước thành viên. Năm 1999 đã diễn ra Hội nghị cấp cao bất thường nhằm thành lập Liên minh châu Phi (AU) theo mô hình EU. Các nhà lãnh đạo AU đã quyết định thành lập Quốc hội chung và Ngân hàng trung ương, có một loại tiền tệ duy nhất và một toà án cho toàn châu lục. Với những bước đi này, các nhà lãnh đạo châu Phi mong muốn sẽ xây dựng

một châu Phi mạnh mẽ và đoàn kết, vững bước sánh vai cùng các châu lục khác.

Ở châu Âu, EU ra đời và mở rộng cùng với tiến trình nhất thể hóa châu lục. Sau lần mở rộng năm 1995, tháng 5-2004, EU kết nạp thêm 10 nước thành viên mới ở Đông Âu và Địa Trung Hải, đưa EU trở thành một trung tâm chính trị, kinh tế, kỹ thuật nổi trội trên thế giới.

Thứ ba, sự liên kết kinh tế giữa các khu vực cũng có chiều hướng gia tăng, ví dụ sự ra đời của Khu vực mậu dịch tự do Địa Trung Hải bao gồm EU và các nước ven Địa Trung Hải. Còn tại châu Á - Thái Bình Dương, APEC được thành lập 11-1989 gồm 12 thành viên ban đầu nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế trong khu vực và hệ thống thương mại đa phương thông qua việc phối hợp hành động giữa các chính phủ thành viên. Hiện nay, số thành viên của APEC đã là 21 nước với số dân khoảng 2,5 tỷ người, sản xuất ra hơn 1/2 GDP của toàn thế giới, chiếm trên 50% tổng mậu dịch thế giới và là một đối tác quan trọng trong hệ thống thương mại toàn cầu. APEC đã lớn mạnh và trở thành tổ chức đi đầu trong tự do hóa thương mại, đầu tư và hợp tác kỹ thuật.

Thứ tư, sự liên kết kinh tế mang tính thể chế cao với phạm vi hoạt động rộng lớn trên quy mô toàn cầu. Đó là WTO được thành lập 1-1-1995, với cơ chế pháp lý điều chỉnh thương mại thế giới trong các lĩnh vực dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ, đồng thời đưa vào khuôn khổ thương mại

đa phương hai lĩnh vực dệt may và nông nghiệp. Về cơ bản, WTO là sự kế thừa và phát triển của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT), ra đời năm 1947. Tuy nhiên, những quy định của WTO có tính ràng buộc chặt chẽ hơn GATT. Đến nay, WTO có 150 nước thành viên, khối lượng thương mại giữa các thành viên chiếm 90% giao dịch thương mại toàn thế giới. Mục tiêu của WTO là đạt đến môi trường buôn bán tự do trên toàn cầu thông qua đàm phán giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

Thứ năm, hình thành các khu vực mậu dịch tự do song phương, ví dụ như Khu vực mậu dịch tự do giữa EU và Mêhicô, Khu vực mậu dịch tự do giữa EU và Chilê, v.v...

Từ sự phân tích trên cho thấy, dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, xu thế hợp tác, liên kết kinh tế phát triển mạnh mẽ trên nhiều cấp độ, tạo điều kiện cho các nước, nhất là các nước đang phát triển có cơ hội để tiếp cận các dòng vốn, công nghệ, kỹ năng và kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường. Các nền kinh tế đang phát triển và kinh tế chuyển đổi do đó sẽ có cơ hội để thực hiện mô thức phát triển rút ngắn, nghĩa là thông qua hội nhập quốc tế để đi tắt đón đầu, tiến tới những bước phát triển cao hơn trên cơ sở thừa hưởng và vận dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài đã được khai thông và kết nối với các nguồn lực bên trong.

Quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc được tăng cường cùng với sự ra đời của ACFTA cũng diễn ra dưới sự

tác động mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đa số các nước ASEAN và Trung Quốc đều là những quốc gia đang phát triển, đều đã và đang xây dựng, phát triển kinh tế thị trường, đều có mục tiêu chung là tận dụng cao nhất nguồn ngoại lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng cường hợp tác ASEAN - Trung Quốc đáp ứng lợi ích thiết thực của cả hai bên. Đối với ASEAN, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại với Trung Quốc, trong đó có việc thành lập khu vực mậu dịch tự do giữa hai bên, sẽ giúp cho ASEAN mở rộng thêm thị trường và phát huy được lợi thế so sánh của mình trong phân công lao động quốc tế. Xét từ góc độ của ASEAN, mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết với Trung Quốc sẽ có lợi trong việc xây dựng quan hệ ổn định với nước láng giềng khổng lồ và nhiều tiềm năng này. Đây cũng là cơ sở để ASEAN cùng Trung Quốc phối hợp giải quyết một loạt các vấn đề chính trị và an ninh, tạo môi trường khu vực hoà bình, ổn định để phát triển. Đặc biệt, quan hệ kinh tế ASEAN - Trung Quốc càng phát triển mạnh trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý những vấn đề tồn tại và những vấn đề mới nẩy sinh trong quan hệ. Hơn nữa, việc thành lập ACFTA sẽ tạo điều kiện để hàng hóa các nước ASEAN thâm nhập vào thị trường rộng lớn với 1,3 tỷ dân, tạo ra sự đa dạng cho sự lựa chọn của các nhà đầu tư của ASEAN.

Đối với Trung Quốc, xét về góc độ kinh tế, ASEAN là thị trường cho các ngành công nghiệp đang trỗi dậy của họ. Trong khi Trung Quốc tiến hành cơ cấu lại các ngành công nghiệp của mình, một số cơ sở công nghiệp có thể được di chuyển sang các nước Đông Nam Á. Một vấn đề mà Trung Quốc đang gặp khó khăn trên con đường phát triển là nguồn nguyên, nhiên liệu. Do đó, hợp tác, liên kết kinh tế, thành lập Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN (CAFTA) sẽ là điều kiện để Trung Quốc tiếp cận với nguồn nguyên liệu như dầu mỏ, gỗ, các sản phẩm nhiệt đới..., vốn là thế mạnh của nhiều nước ASEAN. Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp Trung Quốc đẩy mạnh đầu tư, xuất khẩu, khai thác tiềm năng thị trường nguyên liệu và du lịch của ASEAN.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, xuất phát từ lợi ích của mỗi bên, quan hệ kinh tế - thương mại ASEAN - Trung Quốc có bước phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Cho đến thời điểm ký "Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc" để mở đường cho việc thiết lập ACFTA, trao đổi thương mại và hợp tác kinh tế giữa hai bên đã có bước phát triển với tốc độ cao.

Từ năm 1995 đến nay, kim ngạch mậu dịch song phương giữa Trung Quốc và ASEAN tăng trung bình 15%/năm. Năm 2001, kim ngạch xuất nhập khẩu song phương đạt 41 tỷ USD, tăng 5% so với năm 2000, trong đó

Trung Quốc nhập khẩu 23 tỷ USD, xuất khẩu 18 tỷ USD. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, chỉ trong 8 tháng đầu năm 2002, kim ngạch buôn bán giữa hai bên đạt 33,29 tỷ USD, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2001. Trong đó, Trung Quốc xuất khẩu sang các nước ASEAN đạt 14,584 tỷ USD, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm 2001. Trung Quốc nhập khẩu từ các nước ASEAN 18,708 tỷ USD, tăng 23,4% so với cùng kỳ năm 2001. Năm 2002, kim ngạch mậu dịch hai chiều Trung Quốc - ASEAN đã vượt hơn 4 tỷ USD của năm 2001, chiếm 8% tổng ngoại thương của Trung Quốc. Trung Quốc là bạn hàng lớn thứ 6 của ASEAN. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu Trung Quốc sang ASEAN là máy móc, hàng điện tử, đồ chơi, dệt và hóa chất, trong khi các mặt hàng nhập khẩu từ ASEAN là nguyên liệu, nông sản, sản phẩm cao su, nhựa, quặng và hóa chất.

Được thành lập từ năm 1967, ASEAN đến nay đã trở thành một tổ chức lớn mạnh bao trùm toàn bộ khu vực Đông Nam Á. Các nước trong Hiệp hội có mối quan hệ thiết thực nhiều mặt về an ninh, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. ASEAN đã vươn lên trở thành một tổ chức có ảnh hưởng sâu rộng, có vai trò quan trọng trong cục diện đa nguyên hóa trên thế giới.

Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997-1998 đã làm cho các nước ASEAN bị ảnh hưởng nặng nề, trong khi

đó, các hoạt động khủng bố gây ra mối đe dọa đối với sự ổn định của một số quốc gia trong khu vực. Đầu tư nước ngoài vào khu vực Đông Nam Á bị giảm sút sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ; xuất khẩu cũng suy giảm khiến kinh tế ASEAN lâm vào tình trạng khó khăn.

Trung Quốc là một quốc gia đông dân với tiềm năng thị trường to lớn sẽ là nơi để các nước ASEAN có khả năng tiến hành mở rộng hợp tác và đầu tư để tìm kiếm lợi nhuận. Vì vậy, sự hình thành ACFTA trở thành một sự lựa chọn cần thiết, góp phần để các nước ASEAN giải quyết những khó khăn đang đặt ra hiện nay.

Mặt khác, ASEAN có vị trí địa - chiến lược vô cùng quan trọng, đã từng là địa bàn giành giật ảnh hưởng giữa các cường quốc. ASEAN có hơn 500 triệu dân, là một khu vực sản xuất và tiêu thụ lớn. Khu vực này lại có tài nguyên dầu khí, cao su, gỗ... hết sức phong phú. Đây là những tài nguyên mà Trung Quốc rất cần trong quá trình phát triển. Vì vậy, việc xây dựng CAFTA có lợi cho việc Trung Quốc gia tăng các quan hệ chính trị, ngoại giao, kinh tế mậu dịch với ASEAN, có lợi cho việc đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, mở rộng không gian phát triển kinh tế của Trung Quốc. Đồng thời, họ có điều kiện cải thiện môi trường chính trị, thúc đẩy giải quyết tranh chấp chủ quyền ở biển Đông, đối phó với các hoạt động của tổ chức tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt là tổ chức buôn bán ma tuý quốc

tế, mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực.

Tăng cường hợp tác ASEAN - Trung Quốc là nhu cầu nội tại của mỗi nước thành viên ASEAN cũng như của Trung Quốc trong quá trình mở cửa hội nhập khu vực và quốc tế. Tiến trình liên kết trong nội bộ khối ASEAN trải qua quá trình lâu dài. Cho đến trước khi khởi động AFTA, mọi nỗ lực tự do hóa kinh tế vẫn chỉ rời rạc, hiệu quả thấp và chưa đủ lực đẩy cả khối vận hành theo một mô hình thống nhất.

Tuy nhiên, vào những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, làn sóng bùng nổ đầu tư châu Á, dòng vốn nước ngoài đổ vào Đông Nam Á gia tăng mạnh. Tiếp đó, sự ra đời của AFTA với lộ trình đến năm 2003 hoàn tất việc cắt giảm thuế quan đối với các mặt hàng chế tạo xuống còn từ 0% đến 5%, bước thử nghiệm trước hạn Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (CEPT/AFTA), thông qua Chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN (AICO), sự khởi đầu của lộ trình hình thành Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) vào năm 2010 đối với các nhà đầu tư ASEAN và 2020 đối với các nhà đầu tư ngoài ASEAN, việc thông qua "Tầm nhìn 2020 của ASEAN" (12-1997)... tất cả diễn ra khá dồn dập đem lại cho giới quan sát một sự hứng khởi về đà tăng tốc hội nhập và báo hiệu triển vọng thành công của hợp tác kinh tế ASEAN. Những thành tựu đạt được trong quá trình này được thể hiện trên các lĩnh vực sau đây:

- Cho đến nay, có ít nhất 90% dòng thuế của 6 nước thành viên ban đầu được cắt giảm xuống còn từ 0% đến 5%. Việt Nam và các thành viên mới gia nhập ASEAN cũng đã cắt giảm thuế theo đúng lộ trình đã cam kết từ đầu tháng 7-2003.

- 7 nước thành viên đã đồng ý dỡ bỏ danh mục loại trừ tạm thời đối với các thành viên ASEAN trong công nghiệp chế tạo trước năm 2003. Hội đồng AIA đã thúc đẩy lộ trình dỡ bỏ danh mục đầu tư trước năm 2010 đối với 6 thành viên ban đầu và vào năm 2015 đối với các thành viên còn lại.

Nhìn chung, hầu hết các nước thành viên ASAN đều nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy liên kết kinh tế khu vực nhanh hơn và sâu hơn, đã dỡ bỏ nhiều rào cản thương mại nội bộ, có sự phối hợp chính sách đầu tư, cải cách tài chính và công ty, ổn định chính trị, góp phần nâng cao tầm vóc của ASEAN trên vũ đài kinh tế thế giới. Về điều này có thể thấy một vài chỉ số quan trọng như: Tỷ trọng của ASEAN trong GDP thế giới tăng từ 2,4% năm 1970 lên 5% năm 1994 và khoảng 5,7% năm 2000. Kim ngạch thương mại của ASEAN trong thương mại thế giới đã tăng liên tục, từ 1,8% trong xuất khẩu và 2,2 % trong nhập khẩu năm 1970 lên 6,1% và 4,5% năm 1995, 8% và 6% năm 2000. Điều quan trọng hơn, ASEAN là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao và liên tục trong một thời gian dài.

Có thể nói, ASEAN đã có sự biến đổi to lớn từ chỗ chỉ là diễn đàn hợp tác về chính trị nhằm gây dựng hoà bình và an ninh khu vực, đến nay ASEAN đang tập trung thúc đẩy hợp tác kinh tế nhiều hơn với việc thành lập AFTA để dẫn tới sự hội nhập của các nước thành viên trong bối cảnh cạnh tranh thương mại quốc tế ngày càng trở nên gay gắt. Nhờ đó, ASEAN nổi lên như một mẫu hình hợp tác, liên kết kinh tế năng động của thế giới. Sự ra đời các sáng kiến an ninh và kinh tế chung, từ việc làm nòng cốt cho Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) tới hàng loạt chương trình thuộc AFTA, đã khiến cho các nước ASEAN hiện nay có ảnh hưởng quan trọng đối với việc định hình các cơ chế hợp tác kinh tế của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và hệ thống thương mại toàn cầu hơn bất kỳ giai đoạn nào trước đây. Với "Tầm nhìn ASEAN 2020", các nước ASEAN đã cố gắng điều chỉnh chiến lược hợp tác lâu dài, thúc đẩy tiến trình giảm thuế nhằm sớm đạt được chỉ tiêu theo AFTA, điều chỉnh hình thức hợp tác về kinh tế như thành lập AIA, thành lập AICO, mở rộng sự hợp tác về thương mại dịch vụ, hợp tác về bản quyền trí tuệ, về thương mại điện tử, v.v..

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được trong quá trình hợp tác, liên kết nội bộ khối, ASEAN cũng đứng trước những khó khăn nhất định trên con đường phát triển, nhất là trong bối cảnh xu thế toàn cầu hóa. Trước hết, đó là: Tuy thị trường ASEAN có số dân hơn 500 triệu người

nhưng sức mua không lớn do cơ cấu hàng xuất khẩu giữa các nước thành viên tương đối giống nhau và nhiều nước trong khối là những nước đang phát triển. Đại bộ phận các nước ASEAN đều có nhu cầu thu hút một lượng lớn đầu tư nước ngoài để phát triển nền kinh tế của mỗi nước. Mặt khác, toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ buộc các nước ASEAN không chỉ dừng lại ở hợp tác, liên kết nội khối mà cần phải mở rộng ra bên ngoài, do đó xu hướng hướng ngoại (ra bên ngoài khối) vẫn đang chi phối chính sách kinh tế của các nước trong Hiệp hội. Điều này có tác động đáng kể đến tiến trình hình thành ACFTA.

Thực tế cho thấy, khi Chiến tranh lạnh kết thúc, các nước ASEAN và Trung Quốc đều có nguyện vọng hòa bình và ổn định để xây dựng đất nước và đều coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Xuất phát từ những mục tiêu này, các nước ASEAN và Trung Quốc đều điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình với các nước láng giềng, với khu vực theo hướng "cầu đồng, tồn dị", tăng những điểm đồng và nỗ lực từng bước tháo gỡ những điểm khác biệt trong quan hệ giữa hai bên.

Các nước ASEAN đã chú trọng đẩy nhanh tiến trình liên kết khu vực (ASEAN-10), nhanh chóng xóa bỏ sự đối đầu cục bộ giữa ASEAN và Đông Dương từng tồn tại trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Sự thống nhất trong cùng một tổ chức giúp cho các nước thành viên ASEAN có thêm nhiều

cơ hội phát triển, hỗ trợ lẫn nhau cả về kinh tế lẫn an ninh, quốc phòng. Một ASEAN thống nhất trở thành một thực thể quốc tế mạnh trong khu vực giúp cho các nước thành viên nâng cao vị thế và lợi thế trong cạnh tranh, giao lưu quốc tế. Để hội nhập một cách có hiệu quả với khu vực và toàn cầu, các nước ASEAN tỏ rõ sự chủ động mở rộng hợp tác với Trung Quốc nhằm tạo nên sự cân bằng trong quan hệ giữa các nước lớn có lợi ích chiến lược tại khu vực, đồng thời cũng là sự mở đầu tiến trình đi vào một thị trường láng giềng có tiềm năng to lớn vào bậc nhất, tạo tiền đề cho sự phát triển và đưa nền kinh tế của từng quốc gia thành viên hội nhập vào trào lưu phát triển chung của kinh tế thế giới.

Đối với Trung Quốc, sự phát triển của ASEAN, đặc biệt là quá trình hợp tác và liên kết khu vực thể hiện trong việc mở rộng ASEAN ra toàn vùng Đông Nam Á đã tạo điều kiện thúc đẩy sự đối thoại, hợp tác giữa Trung Quốc với tổ chức này. Tăng cường quan hệ hợp tác với ASEAN là một nhu cầu thiết thực của Trung Quốc, bởi vì trên thực tế các nước lớn đều chú trọng và phát huy vai trò chỗ dựa chiến lược của các nước láng giềng, họ luôn coi đây là điểm khởi đầu trong chính sách nước lớn của mình. Ví dụ, Mỹ đã thành công khi lấy Mỹ latinh làm "sân sau" để tăng cường địa vị chiến lược của họ. Đây phải chăng cũng là kinh nghiệm mà Trung Quốc có thể tham khảo, vận dụng trong quá trình thực hiện chính sách ngoại giao nước lớn nhằm

tăng cường vị thế trên thế giới? ASEAN là một tổ chức gồm nhiều quốc gia láng giềng và gần kề càng trở nên quan trọng hơn đối với sự phát triển của Trung Quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế ngày càng sôi động.

Mặt khác, bối cảnh quốc tế sau Chiến tranh lạnh, nhất là sau sự kiện 11-9-2001 cũng tác động không nhỏ đến quan hệ ASEAN - Trung Quốc. Trong khi Mỹ bận rộn với mục tiêu "dân chủ hóa" toàn cầu và mục tiêu chống khủng bố quốc tế, thì phần lớn các nước ASEAN lại giành ưu tiên trước hết cho mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế. Trong khi Nhật Bản chưa thoát ra khỏi sự trì trệ kinh tế kéo dài và nước Nga phải đối mặt với khó khăn trong nước, thì Trung Quốc trở nên hùng mạnh, chủ động tỏ thiện chí và đưa ra nhiều sáng kiến thúc đẩy hợp tác khu vực với các nước thành viên ASEAN. Kết quả là quan hệ giữa ASEAN và Trung Quốc tăng nhanh trong thời gian qua. Điều này đáp ứng nhu cầu của mỗi nước thành viên ASEAN cũng như Trung Quốc trong quá trình mở cửa hội nhập phát triển.

Có thể thấy, đối với các nước đang phát triển thì quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa không chỉ tạo ra cơ hội mà còn đưa lại cả những thách thức lớn. Sự ra đời của WTO, sự phát triển của các thị trường lớn như EU, NAFTA, Nhật Bản,... đã tạo nên sức ép lớn buộc các nước ASEAN cũng như Trung Quốc phải đẩy nhanh tiến trình tự do hóa thương mại và hội nhập, nếu không, những lợi thế so sánh của họ

sẽ ngày càng bị giảm thiểu so với các thị trường lớn. Cho nên, việc các nước ASEAN và Trung Quốc có những bước tiến tích cực trong quá trình hợp tác, liên kết tiến tới sự thành lập ACFTA có thể coi là phương cách tốt để hóa giải sức ép không nhỏ này.

Vả lại, do yêu cầu phát triển nội tại nên các nước ASEAN cũng như Trung Quốc phải đẩy nhanh quá trình hội nhập khu vực và toàn cầu. Hiện nay, ASEAN vẫn là một tổ chức của các quốc gia đang phát triển, do vậy tiềm lực và trình độ phát triển kinh tế, kỹ thuật đều thua kém các trung tâm kinh tế khác. Sức hút kinh tế, kỹ thuật của các trung tâm kinh tế khác đối với các thành viên ASEAN luôn lớn hơn sức hút của chính bản thân ASEAN. Cho đến nay, thương mại giữa các nước ASEAN với nhau vẫn thấp hơn nhiều lần mức buôn bán của ASEAN với các trung tâm kinh tế chủ chốt trên thế giới. Bởi vậy, ASEAN phát triển quan hệ hợp tác, liên kết với Trung Quốc, xây dựng ACFTA sẽ góp phần quan trọng vượt qua sức ép của quá trình khu vực hóa và toàn cầu hóa.

Hơn nữa, tốc độ tăng trưởng nhanh của nền kinh tế Trung Quốc trong tiến trình đi sâu cải cách, mở cửa và hiện đại hóa càng đặt ra yêu cầu bức bách, đòi hỏi nước này phải mở rộng hơn nữa thị trường tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường nguyên, nhiên liệu... Xét trên phương diện này, các nước ASEAN có khả năng đáp ứng nhu cầu của Trung

Quốc một cách hiệu quả. Đồng thời, nếu chậm chân, các nước ASEAN sẽ ký kết thành lập các khu vực mậu dịch tự do với Nhật Bản, hoặc Hàn Quốc thì đây sẽ là một bất lợi đối với Trung Quốc.

Cũng cần thấy rằng, Trung Quốc đã có sự chuẩn bị khá chủ động và tích cực cho sự tham gia khu vực mậu dịch tự do với ASEAN. Họ đã xác định khu vực hợp tác với các nước ASEAN là "tam giác Châu Giang". Tam giác này bao gồm 9 tỉnh (Quảng Đông, Phúc Kiến, Giang Tây, Hồ Nam, Quảng Tây, Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Hải Nam) và 2 đặc khu hành chính là Hồng Công và Ma Cao, tất cả đều nằm trong khu vực thuộc tam giác sông Châu (gọi là Châu Giang). Tam giác Châu Giang cũng có khi gọi là khu vực "Đại Hoa Nam" hay Nam Trung Quốc.

Nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ cả về chính trị, kinh tế, an ninh và đặc biệt là trên lĩnh vực thương mại trong cơ chế hợp tác 10+1 (tức là 10 nước thành viên của ASEAN với Trung Quốc), gần đây phía Trung Quốc đã xác định lấy khu vực "Đại Hoa Nam", tức là các tỉnh và đặc khu thuộc tam giác Châu Giang làm cầu nối trực tiếp tham gia xây dựng khu vực mậu dịch tự do với ASEAN.

Tam giác Châu Giang là khu vực rộng lớn, có diện tích 1.994.500 km^2, chiếm 20,78% diện tích cả nước, dân số là 446 triệu người bằng 34,76% dân số cả nước. Năm 2002, 9 tỉnh trong tam giác Châu Giang đã có tổng sản

phẩm nội địa là 3.447,42 tỷ Nhân dân tệ, chiếm 33,6% của cả nước, nếu cộng thêm hơn 1.000 tỷ đôla Hồng Công tổng thu nhập của 2 đặc khu Hồng Công và Ma Cao thì con số này sẽ rất lớn.

Để có thể chủ động hợp tác với các nước Đông Nam Á, ngay từ đầu năm 2003, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ Trung Quốc, tỉnh Quảng Đông đã tổ chức Hội nghị liên tịch giữa những người lãnh đạo 9 tỉnh trong khu vực để nghiên cứu những nội dung, tính chất, vai trò vị trí và xu thế hợp tác của toàn bộ khu vực này. Đến tháng 8-2003, Hội nghị liên tịch lần thứ nhất giữa giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng đã được tiến hành. Sau đó hai tháng, tổ chức Hội nghị những người phụ trách khoa học - kỹ thuật để bàn kế hoạch hợp tác về vấn đề này với các nước ASEAN. Tháng 11-2003, Hội nghị giao thông vận tải 9 tỉnh lại được triệu tập để bàn kế hoạch triển khai mạng lưới giao thông toàn khu vực với ASEAN. Riêng tỉnh Quảng Đông đã có kế hoạch đến cuối năm 2005 sẽ mở đến tất cả các tỉnh lân cận ít nhất là một tuyến cao tốc và nhiều tuyến đường tiêu chuẩn cấp 2. Bộ Giao thông vận tải Trung Quốc cũng có kế hoạch nối liền các tỉnh trong tam giác Châu Giang bằng đường sắt. Tháng 7-2004, các tỉnh và đặc khu thuộc tam giác Châu Giang triển khai hội thảo hợp tác về các vấn đề thông tin, năng lượng, điện lực, ngành nghề, kêu gọi đầu tư, v.v..

Khái niệm "Tam giác Châu Giang" ra đời bởi hai lẽ: *Một là*, do sức ép cạnh tranh từ "Tam giác Trường Giang". Hiện nay, các tỉnh thuộc tam giác Trường Giang phát triển hết sức nhanh chóng, đang là thách thức đối với "đầu tàu" Quảng Đông ở khu vực miền Nam. Theo thống kê, chỉ tính riêng nửa đầu năm 2003, tuy tất cả các chỉ số phát triển, Quảng Đông vẫn đang dẫn đầu trong cả nước, nhưng tốc độ tăng trưởng thì Quảng Đông không còn dẫn đầu nữa. Tốc độ phát triển của tam giác Trường Giang sở dĩ ngoạn mục đến như vậy là vì người đầu tư đã nhìn thấy khu vực này là một thị trường khổng lồ thống nhất và đầy triển vọng. Trong lúc đó, khu vực tam giác Châu Giang lại nhỏ hẹp, nhiều hạn chế. Trung Quốc chủ trương mở rộng giao thông liên tỉnh trong khu vực, mở rộng giao lưu kinh tế giữa 8 tỉnh nội địa lại với nhau để khắc phục tình trạng "thắt nút chai" hiện nay. *Hai là*, hai đặc khu hành chính Hồng Công và Ma Cao cùng với Trung Quốc lục địa tạo thành một khối thống nhất để hợp tác với ASEAN, thực hiện Hiệp định về khu vực mậu dịch tự do mà Trung Quốc là một bên ký kết. Điều này sẽ tạo cho tam giác Châu Giang một khả năng và cơ hội lịch sử để phát triển đi lên.

Trung Quốc đã nêu ra yêu cầu về "5 phát triển chung", phát triển chung trong khu vực là 1 trong 5 cái chung đó. Trung Quốc cho rằng, một trong hai xu thế lớn về phát triển kinh tế trên thế giới ngày nay là khu vực hóa. Khu vực hóa

giữa Trung Quốc với các nước chung quanh muốn thực hiện tốt, trước hết các khu vực trong nước phải hợp tác với nhau một cách chặt chẽ. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế khu vực, trên thực tế Trung Quốc đã có 3 vòng cung kinh tế lớn được hình thành trên toàn bộ lãnh thổ kéo dài suốt từ Bắc chí Nam. Đó là vòng cung kinh tế Bột Hải, vòng cung kinh tế tam giác Trường Giang và vòng cung kinh tế Châu Giang. Ba vòng cung kinh tế này có tác dụng bổ sung hỗ trợ cho nhau cùng phát triển, hình thành cánh cung kinh tế khổng lồ trên đất nước Trung Hoa. Ngày 5-3-2003, trong báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã nhấn mạnh: khu vực miền Đông, miền Trung và miền Tây cần phải hợp tác bằng nhiều hình thức để hỗ trợ bổ sung cho nhau tạo nên cục diện mới cùng phát triển. Ý tưởng về hợp tác kinh tế khu vực tam giác Châu Giang chính là nhằm thực hiện tư tưởng chiến lược đó.

Trung Quốc cho rằng, trong CAFTA thì tam giác Châu Giang có nhiều ưu thế khá nổi bật:

Thứ nhất, ưu thế về địa lý. Trong tam giác Châu Giang có 4 tỉnh nằm sâu trong đất liền là Tứ Xuyên, Quí Châu, Hồ Nam, Giang Tây, còn 5 tỉnh và 2 đặc khu hành chính khác đều nằm dọc vùng duyên hải hoặc cận kề với các nước vùng duyên hải của ASEAN, các tỉnh và đặc khu này ít nhất cũng có thể gọi là vùng lân cận với ASEAN. Các tỉnh nằm sâu trong lục địa không thể có được ưu thế này.

Thứ hai, ưu thế về con người. Tại các nước Đông Nam Á có rất đông Hoa kiều và người Hoa sinh sống. Họ là cầu nối giữa Trung Quốc với các nước Đông Nam Á. Tổ tiên của họ hầu hết là ở các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, Quảng Tây, Vân Nam, Hải Nam; họ còn có mối quan hệ thân thuộc với đồng bào Hồng Công và Ma Cao.

Thứ ba, ưu thế về bạn hàng. Hồng Công và Ma Cao vốn xưa nay vẫn có quan hệ kinh tế - thương mại rất chặt chẽ với các nước Đông Nam Á. Từ khi Trung Quốc mở cửa, các hải cảng và thành phố vùng duyên hải cũng như các cửa khẩu của Quảng Tây, Vân Nam đều đã phát triển quan hệ hợp tác thương mại với các nước trong khu vực.

Thứ tư, ưu thế về mở cửa. Tại khu vực này đã có Hồng Công và Ma Cao là hai thành phố cảng tự do có trình độ quốc tế hóa rất cao. Còn trong lục địa thì Quảng Châu và Phúc Kiến là hai tỉnh dẫn đầu về mở cửa đối ngoại, đã xây dựng được 4 đặc khu kinh tế. Còn Hải Nam, bắt đầu từ những năm 80 của thế kỷ XX cũng đã trở thành một đặc khu kinh tế lớn. Nhìn chung, nhờ tích lũy được kinh nghiệm của nhiều năm, trình độ mở cửa của các tỉnh thành phố thuộc tam giác Châu Giang đã vượt khá xa so với các tỉnh nằm sâu trong lục địa. Mở cửa đối ngoại đã đặt cơ sở và tiền đề tốt đẹp cho hoạt động kinh tế đối ngoại, đó là thuận lợi bước đầu khi bắt đầu xây dựng khu vực mậu dịch tự do với các nước ASEAN.

Thứ năm, ưu thế về sản nghiệp. Nguồn tài nguyên thiên nhiên của các tỉnh nằm sâu trong lục địa thuộc tam giác Châu Giang là rất đa dạng và phong phú, trữ lượng cũng rất đáng kể, như sắt, măng gan, khí thiên nhiên, muối mỏ của Tứ Xuyên; thuỷ ngân, than đá của Quí Châu; lưu huỳnh, đồng, chì, kẽm và lân của tỉnh Vân Nam, đặc biệt tỉnh này có mỏ đá quí nổi tiếng trên thế giới. Còn nông, lâm, ngư, súc sản cũng rất phát triển ở các tỉnh Hồ Nam, Giang Tây và Tứ Xuyên. Đây còn là những tỉnh sản xuất lương thực cho cả nước. Qua nhiều năm mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tại khu vực này cũng đã hình thành các ngành công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp dệt may, điện tử, hóa chất; ngành dịch vụ cũng rất phát triển. Riêng Hồng Công và Ma Cao là những thành phố mà ngành dịch vụ đã trở thành nguồn thu nhập chính.

Thứ sáu, ưu thế về tiềm năng. Năm ưu thế trên đã là hiện thực, tam giác Châu Giang còn nhiều ưu thế tiềm tàng rất lớn, có thể nêu ra đây những tiềm năng nổi bật: Đó là, quan hệ kinh tế Hồng Công với lục địa. Quan hệ này đã bắt đầu đàm phán từ tháng 1-2002 và đến 29-6-2003 đã ký kết được thoả thuận về vấn đề thuế quan, bắt đầu có hiệu lực từ 1-1-2006, đối với ngành dịch vụ bắt đầu từ 1-1-2004. Ngày 1-1-2004, một thoả thuận tương tự cũng được ký kết với Ma Cao.

Sự hợp tác chặt chẽ giữa Trung Quốc lục địa với

Hồng Công và Ma Cao là có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đối với Hồng Công và Ma Cao thì đây là cơ hội mới để mở rộng không gian phát triển của mình, tăng cường khả năng cạnh tranh quốc tế, tạo nên một bộ mặt mới cho "Viên ngọc phương Đông" và "Las Vegas phương Đông". Sự hợp tác nêu trên sẽ tăng thêm sức sống mới về kinh tế cho tam giác Châu Giang, nâng sự hợp tác của 3 thành phố lớn là Chu Hải, Hồng Công và Ma Cao lên một tầm cao mới, đặc biệt là sau khi hoàn thành chiếc cầu vượt biển nối liền 3 thành phố này lại với nhau nó sẽ tạo thành một hệ thống kinh tế rất lớn mạnh. Mặt khác, sự ra đời và phát triển của vòng cung kinh tế "Đại Châu Giang" chắc chắn sẽ có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế của toàn bộ miền Nam Trung Quốc. Từ sự hình thành tam giác kinh tế "Đại Châu Giang", sẽ tạo điều kiện từng bước hình thành một tập đoàn kinh tế khổng lồ khác, đó là vòng cung kinh tế "Đại Trung Hoa" bao gồm lục địa Trung Quốc, Hồng Công, Ma Cao và Đài Loan. Đến đây, khả năng thúc đẩy hợp tác kinh tế CAFTA sẽ hết sức mạnh mẽ và khả năng cạnh tranh của Trung Quốc cũng sẽ được nâng lên rất đáng kể.

Về mặt tổ chức, các tỉnh thành thuộc khu vực tam giác Châu Giang đang chuẩn bị thành lập một Uỷ ban kinh tế hỗn hợp để điều phối, thương lượng và đưa ra những quyết sách thích hợp nhằm đẩy mạnh hợp tác có hiệu quả hơn. Uỷ ban này sẽ được Nhà nước qui định chức năng, nhiệm vụ,

phạm vi hoạt động mang đầy đủ tính pháp lý thay mặt chính phủ Trung ương trực tiếp điều hành công việc hợp tác tại tam giác này. Ngoài ra, tại khu vực tam giác Châu Giang cũng sẽ ra đời những tổ chức phi chính phủ hoặc nửa phi chính phủ theo kiểu các hiệp hội ngành nghề để thúc đẩy hợp tác và tổ chức các diễn đàn trao đổi nhằm tạo điều kiện nắm bắt thông tin phối hợp cho có hiệu quả cao.

Để có thể hợp tác tốt hơn nữa với các nước ASEAN, phía Trung Quốc cho rằng họ còn nhiều việc phải làm, cụ thể là những vấn đề sau đây:

Một là, phải có tầm nhìn xa trông rộng, không nên chỉ nhìn thấy lợi trước mắt mà phải có tầm nhìn chiến lược để thấy hết ý nghĩa to lớn trong hợp tác kinh tế với các nước ASEAN. Do đó, phải đặt nền móng vững chắc cho hợp tác lâu dài.

Hai là, phải có tính quy phạm, không nên tuỳ tiện hoạt động mà phải tuân thủ những qui định của WTO và những hiệp định đã ký kết với ASEAN theo trình tự của hợp tác song phương hoặc đa phương để cho khu vực này thực sự trở thành khu vực hợp tác lý tính, có quy phạm và tin cậy lẫn nhau.

Ba là, phải có tính thống nhất hoàn chỉnh. Xây dựng khu kinh tế tam giác Châu Giang trở thành một khu kinh tế hoàn chỉnh, đây là vấn đề trọng tâm, để từ đó phát huy sức mạnh tập thể đối với các nước ASEAN, đặc biệt là các hạng mục hợp tác quan trọng.

Bốn là, phải có tính linh hoạt. Theo quan điểm của Trung Quốc, đã là thị trường thì "biến ảo đa đoan", thời cơ không phải lúc nào cũng xuất hiện mà sẽ "lúc ẩn, lúc hiện", vì vậy trong việc hợp tác với các nước ASEAN cũng phải hết sức năng động linh hoạt. Trong những tình huống không vi phạm nguyên tắc, không ảnh hưởng đến lợi ích chung thì phải tuỳ cơ ứng biến, phát huy thế mạnh của khu kinh tế Châu Giang để có thể liên doanh trực tiếp với các đối tác ASEAN. Về phương thức hợp tác, nội dung hợp tác cũng phải linh hoạt theo tình hình thực tế để quyết định.

Năm là, phải chú trọng tính hiệu quả. Nói đến hợp tác là phải nói đến tính bình đẳng cùng có lợi, nhường nhịn nhau để cùng giành thắng lợi. Chỉ khi nào cả hai bên cùng nhau hợp tác có hiệu quả thì hợp tác đó mới lâu dài, kiên trì mục tiêu thì hiệu quả hợp tác sẽ càng to lớn.

*

* *

Quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế với những tác động nhiều mặt của nó trong điều kiện môi trường an ninh - chính trị thế giới diễn ra nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt sau Chiến tranh lạnh, đã và đang tạo không chỉ thời cơ mà còn cả những thách thức lớn đối với tất cả các nước. Đương nhiên, đối với các nước đang phát triển thì thách thức của toàn cầu hóa kinh tế trở nên nặng nề hơn. Động thái tăng cường hợp tác, liên kết ASEAN - Trung Quốc thời gian

gần đây phản ánh nhận thức mới của hai bên đối với việc khắc phục những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế. Sự thành công của việc triển khai thực hiện ACFTA sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả hai bên trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

Chương 2

LỢI ÍCH CỦA ASEAN VÀ TRUNG QUỐC TRONG VIỆC HÌNH THÀNH KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC

Việc ký kết Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc (11-2002), trong đó có quyết định thành lập ACFTA trong vòng 10 năm tới, tạo ra một bước phát triển mới về chất trong quan hệ giữa ASEAN và Trung Quốc, hứa hẹn đem lại những lợi ích thiết thực cơ bản cho các thành viên tham gia. Đây là một trong những cơ sở quan trọng thúc đẩy tiến trình hình thành ACFTA.

1. Lợi ích về kinh tế

Trong số các lợi ích được trù tính sẽ đem lại cho các nước ASEAN và Trung Quốc từ việc thành lập khu vực mậu dịch tự do giữa hai bên, thì lợi ích về kinh tế, thương mại có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Có thể thấy một số lợi ích cụ thể, thiết thực sau:

Một là, ACFTA sẽ mở ra một thị trường thương mại

nhiều tiềm năng đối với sự phát triển kinh tế của ASEAN và Trung Quốc.

So với các khu vực mậu dịch tự do khác hiện nay trên thế giới, ACFTA có số dân lớn nhất (khoảng 1,8 tỷ dân), quy mô kinh tế gần 2.000 tỷ USD và tổng kim ngạch thương mại gần 1.300 tỷ USD.

Nhu cầu về vốn, kỹ thuật, thị trường tiêu thụ cho sự phát triển kinh tế Trung Quốc đang đòi hỏi nước này phải củng cố và mở rộng quan hệ với các nước. Tuy trọng điểm quan hệ luôn được đặt vào các đối tác lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU, nhưng ASEAN với sự gần gũi về địa lý, thị trường hơn 500 triệu dân và nguồn tài nguyên đa dạng lại có nhịp độ tăng trưởng cao, đã ngày càng được Trung Quốc coi trọng. ASEAN là một thị trường nhiều tiềm năng, không xa lạ gì đối với Trung Quốc và có thể bổ sung cho sự phát triển kinh tế của nước này.

Trung Quốc là nước đông dân, nguồn lực tài nguyên tính theo đầu người là tương đối thấp, nên nhu cầu về tài nguyên trở nên rất cấp bách, nhất là trong thời điểm nền kinh tế phát triển nóng (luôn từ 8-10%) như hiện nay. Trong khi đó, các nền kinh tế ASEAN (trừ Xingapo) là những nền kinh tế hiện còn đang dựa chủ yếu vào tài nguyên và xuất khẩu hàng hóa sơ cấp. Do vậy, ASEAN đã và sẽ tiếp tục xuất sang Trung Quốc một khối lượng lớn cao su tự nhiên, đường, gỗ, gạo, dầu cọ, dầu thô... Tuy nhiên,

do trình độ phát triển của sản xuất, nên hai bên cũng có thể bổ sung lẫn nhau về tài nguyên thiên nhiên. Có thể thấy rõ điều này qua cơ cấu hàng hóa mậu dịch song phương giữa Trung Quốc với 5 nước ASEAN là Thái Lan, Philíppin, Xingapo, Brunây, Malaixia năm 1998: Hàng xuất khẩu của 5 nước này sang Trung Quốc chủ yếu gồm thiết bị nghe nhìn điện tử (29,98%), khoáng sản (11,18%), sản phẩm cao su (8,8%), dầu mỡ động thực vật (8,36%) và chế biến giấy (6,41%). Hàng nhập khẩu của họ từ Trung Quốc chủ yếu gồm: thiết bị nghe nhìn điện tử (41,56%), sản phẩm thực vật (8,71%), sản phẩm dệt (8,24%), khoáng sản (7,92%), kim loại và chế phẩm kim loại (7,62%).

Cho đến nay, Trung Quốc cũng vẫn là nước có tỷ trọng xuất khẩu hàng sơ cấp khá lớn, chiếm tới 1/5 tổng kim ngạch xuất khẩu và họ cũng xuất một phần đáng kể sang các nước ASEAN với các mặt hàng như hạt có dầu, bông... Mặc dù vậy, ASEAN vẫn có những lợi thế so sánh đủ mạnh về tài nguyên thiên nhiên để không những không lo ngại về sự đe dọa của hàng xuất khẩu sơ cấp của Trung Quốc mà còn tiếp tục mở rộng thị phần của mình nhờ những mặt hàng đặc sản nhiệt đới.

Nhìn tổng thể, ASEAN là một đối tác quan trọng để Trung Quốc mở cửa đối ngoại, phát triển hợp tác cùng có lợi. Trung Quốc và các nước ASEAN có vị trí địa lý gần nhau, đặc biệt là các tỉnh ở phía Tây Nam Trung Quốc tiếp

giáp trực tiếp với Việt Nam, Lào và Mianma nên giao lưu mậu dịch có ưu thế địa lý độc đáo. Các nước Đông Nam Á lại là một trong những nơi tập trung nhiều Hoa kiều - đó là nhân tố giúp cho giao lưu phát triển kinh tế càng thêm thuận lợi. Trung Quốc càng hợp tác chặt chẽ với ASEAN, hàng hóa Trung Quốc càng xâm nhập vào thị trường này ngày càng nhiều hơn.

Càng về những năm gần đây, khi các ngành công nghiệp địa phương của Trung Quốc đã có những bước phát triển mới, thì Trung Quốc cũng là nơi cung cấp bổ sung cho ASEAN nhiều mặt hàng chế tạo. Hàng hóa của Trung Quốc chất lượng khá tốt, đặc biệt là giá thành rất rẻ đáp ứng với những vùng còn nghèo của ASEAN như các nước Đông Dương và Mianma - nơi nền kinh tế còn chậm phát triển nhất trong Hiệp hội. Trình độ kinh tế và cơ cấu ngành ở các vùng phía Đông, miền Trung và miền Tây của Trung Quốc còn có sự chênh lệch lớn. Các nước ASEAN cũng có sự chênh lệch, phân tầng về kinh tế và cơ cấu ngành nghề với 3 tầng (tầng thứ nhất gồm Xingapo, Brunây; tầng thứ hai - Malaixia, Thái Lan; tầng thứ ba - Việt Nam, Mianma, Campuchia, Lào). Như vậy, về trình độ phát triển và cơ cấu ngành nghề ở các vùng của Trung Quốc có thể bổ sung cho các nước ASEAN thuộc các tầng nấc khác nhau.

Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, cho đến nay 3/4 hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc là hàng hóa thành phẩm.

Còn các nước ASEAN (trừ Xingapo, Thái Lan, Malaixia, Philíppin) thì đều xuất hàng sơ chế là chủ yếu. Hiện nay, hàng cơ điện chiếm 24% hàng xuất khẩu của Trung Quốc, trong khi đó đa số các nước ASEAN lại có nhu cầu lớn về nhập khẩu các loại hàng này, nên đây là sự bổ sung rất hiệu quả cho nhau trong hợp tác và phát triển giữa ASEAN với Trung Quốc, góp phần mở rộng thị trường trao đổi mậu dịch giữa hai bên.

Ngoài ra, hai bên cũng có sự bổ sung lẫn nhau về ưu thế thành phẩm công nghiệp. Tuy thiết bị nghe nhìn là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu nhất của 4 nước ASEAN (Xingapo, Thái Lan, Malaixia, Philíppin) và Trung Quốc, nhưng ưu thế mỗi bên hiện nay có khác nhau. Bốn nước ASEAN nói trên nhập khẩu hàng cơ điện của Trung Quốc chủ yếu là đồ điện cơ khí thông dụng, còn Trung Quốc nhập khẩu hàng cơ điện từ 4 nước này phần lớn lại là sản phẩm cao cấp. Về xuất khẩu hàng điện tử công nghiệp, 4 nước ASEAN từ lâu đã tương đối có ưu thế, trong khi Trung Quốc còn ở vào thế khá yếu, nhưng xuất khẩu đồ điện gia dụng của Trung Quốc lại chiếm ưu thế. Về xuất khẩu thành phẩm công nghiệp, hàm lượng kỹ thuật của 4 nước ASEAN cao hơn Trung Quốc. Mặc dù mấy năm gần đây, xuất khẩu hàng công nghệ cao của Trung Quốc đã tăng khá nhanh nhưng ưu thế vẫn kém 4 nước ASEAN.

Theo thống kê của Hải quan Trung Quốc năm 2001,

tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Trung Quốc với ASEAN đã đạt 54,77 tỷ USD tăng 31,6% so với năm 2001. Theo dự tính của Tổng Thư ký ASEAN đến năm 2010, tổng kim ngạch mậu dịch trong ACFTA sẽ từ 1,23 nghìn tỷ USD năm 2000 lên gần bằng kim ngạch mậu dịch trong Khu vực mậu dịch tự do EU, Bắc Mỹ. Khi hoàn thành xây dựng ACFTA, xuất khẩu của Trung Quốc vào ASEAN sẽ tăng 55,1%; của ASEAN vào Trung Quốc sẽ tăng 48%[1].

Tính chung từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, kim ngạch buôn bán giữa Trung Quốc và ASEAN luôn gia tăng với tốc độ 20%/năm. ASEAN liên tục trong 10 năm liền là bạn hàng lớn thứ 5 của Trung Quốc và là bạn hàng lớn nhất trong các nước đang phát triển đối với Trung Quốc. Chỉ trong 10 tháng đầu năm 2003, thương mại song phương vẫn tiếp tục phát triển nhanh, kim ngạch thương mại đã vượt năm 2002, đạt 62,6 tỷ USD tăng 44,1%. Gần đây, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo dự báo rằng, kim ngạch trao đổi thương mại của Trung Quốc với 10 nước ASEAN sẽ vượt qua mức 100 tỷ USD mỗi năm vào thời điểm kết thúc năm 2005, lớn gấp ba lần so với kim ngạch trao đổi thương mại giữa Trung Quốc với ASEAN cách đây hai năm[2].

---

(1) Nguyễn Kim Lân: *Hợp tác ASEAN và Trung Quốc - cơ hội và thách thức*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 7-2004, tr.69-70.

(2) Thông tấn xã Việt Nam (Tài liệu tham khảo đặc biệt): *Cộng đồng kinh tế ASEAN và ảnh hưởng của Trung Quốc*, ngày 7-1-2004, tr.6.

Như vậy, đối với Trung Quốc và ASEAN việc xây dựng khu vực mậu dịch tự do chung là một bước tiến quan trọng trong việc để cả hai bên tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế đa phương. Đồng thời, sự tăng cường hợp tác kinh tế của Trung Quốc với khu vực và với các nước láng giềng ASEAN sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển chung ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Hai là, ACFTA sẽ mở ra thị trường vốn và công nghệ tuy không lớn nhưng quan trọng đối với sự phát triển của kinh tế hai bên.

Các nhà đầu tư ASEAN tuy không trường vốn, công nghệ chưa cao so với các nhà đầu tư Âu - Mỹ, nhưng lại có ưu thế về văn hóa, địa lý, đặc biệt là lực lượng kinh tế người Hoa, nên đây cũng là thị trường vốn và công nghệ không kém phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc. Với nhịp độ tăng trưởng 8-9% mỗi năm, nhu cầu đầu tư sản xuất, tiêu dùng tăng nhanh và không ngắt quãng trong suốt hai thập niên, đồng thời với chính sách mở cửa thông thoáng cùng hàng trăm triệu lao động giá rẻ và dễ tiếp thu đào tạo, huấn luyện, Trung Quốc là một thị trường cực kỳ hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Riêng trong lĩnh vực tiền lượng, thì tiền lương của công nhân Trung Quốc có sức cạnh tranh rất cao, chỉ khoảng 56 USD/ tháng, trong khi lương tháng của công nhân Thái Lan là 217 USD (thời kỳ trước khủng hoảng). Trong giới đầu tư có nhận xét rằng,

hiện nay lương trung bình của người lao động Inđônêxia thấp hơn của lao động Trung Quốc là 20%, nhưng năng suất lao động của người Trung Quốc lại cao gấp 3 lần của người Inđônêxia[1]. Tuy thu nhập của người lao động Trung Quốc còn rất thấp, nhưng với số dân đông, mức sống đang ngày càng cải thiện về chất, cơ cấu tiêu dùng được thay đổi theo hướng ngày càng hiện đại, Trung Quốc là thị trường khổng lồ đầy hứa hẹn. Một nhà kinh doanh đã nói một cách hình ảnh rằng: chỉ cần gấu áo của mỗi người Trung Quốc dài thêm vài phân thì ông ta sẽ có thêm rất nhiều cơ hội đầu tư. Chính vì vậy mà các nhà đầu tư ASEAN, tuy không trường vốn nhưng cũng đang tham gia đầu tư vào Trung Quốc một cách tích cực.

Mới chỉ tính đến cuối năm 2001, các nước ASEAN có tổng số vốn cam kết đầu tư vào Trung Quốc là 53,468 tỷ USD, trong đó vốn đã thực hiện là 26,175 tỷ. Đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN tuy có tăng, nhưng còn ở mức khiêm tốn. Đến cuối năm 2001, Trung Quốc có 740 dự án đầu tư vào ASEAN với số vốn cam kết đạt 1,091 tỷ USD.

Việc hình thành ACFTA có vai trò rất quan trọng trong việc mở rộng thu hút vốn và công nghệ nước ngoài, kể cả từ ASEAN vào Trung Quốc. Về kỹ thuật - công nghệ, Trung Quốc tuy lạc hậu so với một số nước ASEAN về trình độ hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ sản xuất;

---

(1) Theo Tạp chí *FEER*, ngày 1-10-1998.

nhưng Trung Quốc cũng có một số công nghệ, ngành kỹ thuật mũi nhọn như hàng không vũ trụ và nguyên tử (Inđônêxia đã thuê tên lửa đẩy của Trung Quốc để phóng vệ tinh nhân tạo) có thể xuất khẩu hoặc làm dịch vụ cho các nước ASEAN.

Mặt khác, Trung Quốc hiện nay đang có một đội ngũ lớn cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có tay nghề cao, được đào tạo cơ bản nhưng lương thu nhập còn thấp. Trong khi đó, một số nước ASEAN lại thiếu lực lượng nhân viên kỹ thuật tay nghề cao nên có thể bổ sung cho nhau. Cả Trung Quốc và ASEAN đều là những thị trường có tiềm năng lớn lại ở gần nhau nên việc bổ sung, hỗ trợ, thẩm thấu vào nhau giữa các nền kinh tế là rất thuận lợi, đáp ứng với nhu cầu phát triển nhanh của mỗi nước. Trung Quốc và ASEAN có một số lĩnh vực có thể đầu tư lẫn nhau, tiềm năng này đang được khai thác và nó là tiền đề cho sự hợp tác phát triển hơn nữa của mỗi bên trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Tính đến hết năm 2003, về cơ bản, trong các nước ASEAN mới chỉ có Xingapo, Thái Lan và Malaixia là những nước có quan hệ đầu tư cấp nhà nước vào Trung Quốc, nhưng số lượng còn nhỏ và chủ yếu tập trung vào các đặc khu kinh tế ven biển của Trung Quốc. Các nhà kinh doanh ASEAN đa phần vẫn đắn đo, phần còn lại đều thâm nhập vào Trung Quốc bằng con đường phi chính phủ hoặc thông qua môi giới trung gian. Một số công ty và đặc biệt là

các nhà đầu tư gốc Hoa ở các nước ASEAN thường phải qua Hồng Công mới vào được Trung Quốc lục địa. Còn các công ty lớn, các công ty xuyên quốc gia của ASEAN về cơ bản vẫn chưa chuyển động là bao đối với thị trường Trung Quốc vì thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc còn mới mẻ đối với họ. Do vậy, khi "Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện" ASEAN - Trung Quốc được ký kết (11-2002) đã phần nào giải tỏa tâm lý lo ngại của các nhà kinh doanh ASEAN.

ACFTA được thiết lập cũng sẽ tạo khả năng cho các công ty xuyên quốc gia làm ăn hiệu quả của Trung Quốc tăng cường đầu tư vào ASEAN. Về đầu tư lẫn nhau giữa hai bên, có thể thấy: Tuy đầu tư trực tiếp của ASEAN vào Trung Quốc không phải là nguồn đầu tư chủ yếu, nhưng mấy năm gần đây, đầu tư trực tiếp trên thực tế của 5 nước ASEAN vào Trung Quốc vẫn tăng khá nhanh từ 2,4% năm 1992 lên 9,2% năm 1998. Tính đến năm 2001, ASEAN đã có 17.972 dự án đầu tư vào Trung Quốc với tổng đầu tư theo ký kết là 53,468 tỷ USD chiếm 7,2% tổng kim ngạch đầu tư nước ngoài. Còn Trung Quốc, tuy kim ngạch đầu tư trực tiếp vào ASEAN còn rất ít, nhưng mấy năm gần đây đã tăng nhanh với tốc độ trung bình hàng năm trên 60%. Các doanh nghiệp xe máy, xe đạp, sản phẩm đồ điện và hàng công nghiệp nhẹ của Trung Quốc cũng đã ồ ạt tiến vào Việt Nam. Theo đà phát triển về kinh tế, sự nâng cao năng lực

kinh doanh của các doanh nghiệp, được sự hỗ trợ về tài chính, tiền tệ và chính sách của nhà nước Trung Quốc, ngày càng có nhiều doanh nghiệp của nước này "đi ra bên ngoài". Các nước ASEAN có vị trí địa lý láng giềng, có lịch sử văn hóa gần gũi với Trung Quốc, chắc chắn sẽ trở thành một trong những mục tiêu chủ yếu của các doanh nghiệp Trung Quốc.

Tập đoàn điện tử hàng đầu Trung Quốc - TCL đã bắt đầu xây dựng các nhà máy ở Đông Nam Á nhằm khai thác triệt để ưu đãi thuế quan của khu vực mậu dịch tự do khi xuất hàng sang các nước ASEAN. Cùng với mối liên hệ của mạng lưới mậu dịch ở hải ngoại của ASEAN, sản phẩm của các công ty Trung Quốc đầu tư tại ASEAN sẽ có mặt ở khắp nơi trên thế giới. Trước đây, các nhà đầu tư của các nước ASEAN và Trung Quốc thường xuyên phải đối mặt với các nhân tố không xác định và những rủi ro của thị trường, nhưng nó sẽ giảm đi cùng với việc thống nhất thị trường. Đó chính là một trong những nguyên nhân lý giải cho việc Trung Quốc gần đây trở thành nước thu hút đầu tư nước ngoài lớn thứ 2 trên thế giới (sau Mỹ). Ngoài ra, các nhà đầu tư thế giới cũng có thể nhận ra rằng triển vọng của một thị trường chung bao trùm cả khu vực Đông Á là vô cùng hấp dẫn. Chắc chắn vì những lý do này mà trong thời gian tới cả Trung Quốc và các nước ASEAN sẽ lại cùng nhau thành công trong việc thu hút được nhiều nhà đầu tư

với khối lượng lớn hơn nhiều so với khi hai bên chưa quyết định thiết lập khu vực mậu dịch tự do. Cùng với sự phát triển ổn định ở tốc độ cao, sự hợp tác kinh tế, chính trị giữa Trung Quốc và ASEAN ngày một tăng cường, đây là những động thái tốt cho khả năng nở rộ đầu tư từ phía ASEAN và Trung Quốc trong thời gian tới.

Ba là, ACFTA giúp Trung Quốc thực hiện nhanh chiến lược phát triển vùng Tây Nam.

Trung Quốc hiện đang có hai chiến lược phát triển kinh tế liên quan trực tiếp đến hợp tác Trung Quốc - Đông Nam Á. Đó là chiến lược phát triển khu vực "Đại Tây Nam" và chiến lược phát triển "Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ". Hai chiến lược phát triển đó nằm trong chiến lược chung "phát triển ba ven" (ven biển, ven biên và ven sông). Quan trọng nhất là chiến lược phát triển khu vực Đại Tây Nam Trung Quốc[1].

Khu vực Đại Tây Nam Trung Quốc gồm các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên và Tây Tạng, có tổng diện tích 2,56 triệu km^2 và dân số khoảng 250 triệu người. Có thể coi Vân Nam là "cửa ngõ" mở ra thế giới bên ngoài ở phía Nam của Trung Quốc. Vân Nam có đường biên giới chung với Mianma dài 1.997 km, với Lào - 710 km và với Việt Nam - 1.300 km. Tổng cộng tuyến biên giới

---

[1] Nguyễn Huy Quý: *Đôi điều suy nghĩ về quan hệ Trung Quốc - ASEAN*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3-1997, tr.52.

của tỉnh này với các quốc gia ASEAN là 4.007 km. Cho nên, việc cải cách mở cửa phát triển khu vực Đại Tây Nam Trung Quốc gắn bó chặt chẽ với việc mở rộng quan hệ hợp tác với các nước ASEAN. Nhận thức được điều này, nên ngay từ năm 1994, Trung Quốc đã có kế hoạch phát triển các đặc khu kinh tế cửa khẩu với các nước ASEAN có chung biên giới; đẩy mạnh hợp tác và phát triển dự án tiểu vùng sông Mêkông; phát triển tuyến đường sắt Xingapo - Côn Minh và các tuyến đường bộ khác...

Tuy nhiên, tất cả những công việc nêu trên mới chỉ tạo tiền đề cho khu vực Đại Tây Nam phát triển. Còn trong tương lai không xa, khi ACFTA ra đời với những cơ chế hợp tác toàn diện giữa ASEAN - Trung Quốc được ký kết, thì việc phát triển vùng Bắc và Đông Bắc ASEAN và vùng Đại Tây Nam của Trung Quốc sẽ có những bước phát triển nhanh chóng. Cả hai bên sẽ hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau, biến vùng núi cao hẻo lánh chậm phát triển thành khu vực kinh tế sôi động với những tiềm năng sẵn có, đặc biệt là lĩnh vực năng lượng và du lịch.

Bốn là, ACFTA tạo mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, tăng cường an ninh kinh tế và lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa của ASEAN và Trung Quốc.

Thực hiện hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc, thành lập ACFTA cũng chính là một bước thực hiện khu vực hóa và tham gia vào quá trình toàn cầu hóa của hai

bên. Trong quá trình này, kinh tế các nước ASEAN và kinh tế của Trung Quốc có sự thâm nhập, bổ sung, hỗ trợ nhau cùng phát triển theo hướng "trong anh có tôi, trong tôi có anh". Rõ ràng là, các mối quan hệ và hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc sẽ tăng lên đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn, đồng thời những lo ngại, nghi kỵ lẫn nhau trước đây sẽ dần giảm đi mà thay vào đó là sự hiểu biết hữu nghị, cùng hợp tác và đấu tranh để tiến tới những lợi ích chung. Điều này, giúp cho các nước ASEAN và Trung Quốc có thể tăng cường được an ninh kinh tế, tránh những rủi ro như khủng hoảng tài chính ở Đông Nam Á năm 1997, còn Trung Quốc giảm bớt những khó khăn về năng lượng, nguyên liệu, lương thực nhất là cho các vùng thuộc khu vực Đại Tây Nam.

Mặt khác, mở rộng quan hệ kinh tế - thương mại với ASEAN - nơi có những nền kinh tế đạt trình độ phát triển hơn giúp khu vực Đại Tây Nam Trung Quốc học tập, ứng dụng được những kinh nghiệm phong phú và trình độ quản lý kinh tế của các nước ASEAN tiên tiến như Xingapo, Thái Lan, Malaixia,... giúp cho các doanh nghiệp Trung Quốc có thêm kinh nghiệm hợp tác làm ăn, cạnh tranh quốc tế. Tốc độ tăng trưởng nhanh của kinh tế Trung Quốc đòi hỏi nước này phải mở rộng hơn nữa địa bàn tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường nguyên, nhiên liệu... Về vấn đề này, các nước ASEAN là nguồn đáp ứng nhu cầu của Trung

Quốc nhanh và hiệu quả nhất. Hơn nữa, nếu chậm chân các nước ASEAN ký kết thành lập các khu vực mậu dịch tự do với Nhật Bản hay Hàn Quốc sớm hơn thì lợi thế cạnh tranh của hàng hóa Trung Quốc hiện nay sẽ bị suy giảm gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của Trung Quốc.

Tóm lại, việc thực hiện ACFTA đem lại cho hai bên nhiều lợi ích thiết thực đối với sự phát triển kinh tế. Đối với Trung Quốc đây cũng là một bước đưa nền kinh tế của khu vực Đại Tây Nam và các tỉnh duyên hải phía Nam Trung Quốc tham gia vào khu vực hóa và toàn cầu hóa. ACFTA tạo ra mối quan hệ hợp tác, đan xen, ràng buộc lẫn nhau, hỗ trợ bổ sung cho nhau cùng phát triển giữa nền kinh tế hai bên.

Năm là, ACFTA góp phần đẩy mạnh quan hệ ASEAN - Trung Quốc, đây là cơ sở quan trọng đối với cả hai bên trong quá trình mở cửa hội nhập với khu vực và thế giới.

Việc thành lập ACFTA vào năm 2010 sẽ là bước tiến dài trong quan hệ giữa hai thực thể này. Khu vực mậu dịch tự do này sẽ làm cho sự hợp tác kinh tế song phương mật thiết hơn, có lợi cho cả hai bên, thực hiện hỗ trợ phát huy lợi thế của nhau, mở rộng quy mô thương mại và hợp tác kinh tế, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các nước có liên quan, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế khu vực, cùng nhau đối phó với những thách thức của toàn cầu hóa kinh tế và nhất thể hóa khu vực.

Đối với ASEAN, việc xây dựng ACFTA là cơ sở cho ASEAN mở rộng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc - một thị trường lớn đầy tiềm năng, thúc đẩy thực hiện hơn nữa đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, giảm thiểu sự lệ thuộc lớn vào thị trường các nước phương Tây, từ đó giảm thiểu những dao động của nền kinh tế do ảnh hưởng của thế giới bên ngoài gây nên. Điều này dễ dàng nhận thấy trong năm 2001, kim ngạch thương mại của ASEAN với đa số đối tác thương mại giảm do nền kinh tế thế giới xấu đi, duy chỉ có thương mại của Trung Quốc với ASEAN tiếp tục tăng trưởng đạt 41,61 tỷ USD[1].

Đối với Trung Quốc, xây dựng khu vực mậu dịch tự do với ASEAN là một biện pháp quan trọng trong việc nước này tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế đa phương, đồng thời tăng cường hợp tác kinh tế khu vực với các nước láng giềng. Thắt chặt quan hệ kinh tế với các nước ASEAN có lợi cho việc đẩy nhanh bước tiến đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại. Quan hệ kinh tế đối ngoại giữa Trung Quốc và ASEAN chủ yếu trên ba phương diện chính là: mậu dịch song phương, đầu tư lẫn nhau, du lịch hai chiều. Hiện nay, ASEAN là đối tác lớn thứ 5 của Trung Quốc đứng sau Nhật Bản, Mỹ, EU và Hồng Công, còn Trung Quốc là đối tác lớn thứ 6 của ASEAN.

[1] Thiếu Liêm: *Công tác đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ mới*, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 2-2003, tr.43.

Phát triển quan hệ nhiều mặt giữa Trung Quốc với ASEAN và ngược lại là cơ sở cho mỗi bên có điều kiện thuận lợi hơn, có vị thế cao hơn, lợi thế so sánh tốt hơn trong quan hệ với các nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cùng với các khu vực khác trên thế giới. Nền kinh tế Trung Quốc và nền kinh tế của các nước ASEAN có thêm điều kiện bổ khuyết, hỗ trợ lẫn nhau tạo thêm lợi thế khi quan hệ với các nước khác. Hiện nay nếu một quốc gia nào đó có ý định hợp tác, đầu tư làm ăn với một nền kinh tế nào của ASEAN hay Trung Quốc, họ đều phải tính đến triển vọng vào năm 2010 sẽ được hưởng quy chế ưu đãi của khu vực mậu dịch tự do khổng lồ này. Vì vậy, việc tăng cường quan hệ giữa ASEAN với Trung Quốc có tầm quan trọng đặc biệt, nó là cơ sở để các quốc gia thành viên thực hiện đường lối ngoại giao đa phương, mở cửa hội nhập hiệu quả vào kinh tế khu vực và thế giới.

2. Lợi ích về chính trị

Trước hết, việc tăng cường quan hệ ASEAN - Trung Quốc về mọi mặt có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì, củng cố và tăng cường hòa bình, an ninh trong khu vực. Xét trên mọi phương diện, đây là một trong những lợi ích thiết thực về mặt chính trị đối với cả Trung Quốc và cả ASEAN. Môi trường an ninh, chính trị khu vực được củng cố và tăng cường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cả hai bên.

Hòa bình, ổn định và an ninh của khu vực Đông Nam Á tùy thuộc vào các yếu tố bên trong và bên ngoài khu vực. ASEAN đã mở rộng ra toàn khu vực Đông Nam Á và các quốc gia thành viên đều cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, do vậy khả năng gây mất ổn định trong nội bộ khu vực là không lớn, có thể loại bỏ. Trong những thập niên qua, sự không ổn định của khu vực thường do những tranh chấp giữa các cường quốc bên ngoài ASEAN gây ra. Chiến lược của các cường quốc đối với ASEAN trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI có thể vẫn còn nhiều điểm khác nhau, nhưng có một điểm chung là muốn cho khu vực này hòa bình, ổn định. Lợi ích chiến lược cũng như lợi ích thương mại, kinh tế của các cường quốc ở Đông Nam Á trong các thập kỷ tới gắn nhiều hơn với sự hòa bình ổn định của khu vực. Đông Nam Á là một thị trường mới trỗi dậy, có tốc độ tăng trưởng cao, là một trong những đầu mối giao thông liên lạc quan trọng của thế giới, do đó các quan hệ kinh tế, thương mại giữa các cường quốc với ASEAN ngày càng tăng lên. Sự mất ổn định của Đông Nam Á không có lợi gì cho các cường quốc, trong đó có Trung Quốc.

Mặt khác, để có được môi trường hòa bình, ổn định, các quốc gia Đông Nam Á cũng luôn phải điều chỉnh sao cho cân bằng quyền lực giữa các cường quốc trong khu vực. Một diễn đàn an ninh đa phương với cơ chế đủ mặt các

cường quốc liên quan ở khu vực là một sáng kiến quan trọng trong bước đường tìm kiếm hòa bình, ổn định. Hơn nữa, hòa bình, ổn định của Đông Nam Á cũng không tách khỏi hòa bình, ổn định của châu Á - Thái Bình Dương cũng như của toàn thế giới. Vì vậy, mở rộng quan hệ hợp tác với nước láng giềng Trung Quốc to lớn là một bước đột phá quan trọng trong việc đảm bảo hòa bình, an ninh khu vực. Vị thế, vai trò của Trung Quốc đang không ngừng tăng lên ở khu vực cũng như thế giới, tăng cường hợp tác với Trung Quốc cũng chính là tạo thế cân bằng về quyền lực với Mỹ và Nhật Bản ở khu vực.

Sau sự kiện 11-9-2001, an ninh ở khu vực Đông Nam Á có phần bất ổn hơn, bởi ở đây có sự hiện diện của mạng lưới khủng bố Hồi giáo cực đoan. Cùng với việc gia tăng chống khủng bố trên toàn cầu, Mỹ và Nhật Bản đã đưa lực lượng quân sự của mình vào Đông Nam Á nhằm bảo vệ huyết mạch giao thông và việc cung cấp dầu cho Nhật Bản. Khác hẳn thập niên 90 của thế kỷ XX, những năm đầu thế kỷ XXI này ở khu vực Đông Nam Á lại hiện diện khá đầy đủ các cường quốc nhưng chiến tranh không hề trở lại. Hiện nay, tại Đông Nam Á với việc hình thành ACFTA là một sự hấp dẫn lớn đối với các cường quốc đang có lợi ích ở khu vực. Trong tình hình hiện nay, việc giải quyết những tranh chấp, xung đột giữa các nước ASEAN, giữa ASEAN với Trung Quốc chỉ có thể là đối thoại và hợp tác. Xu thế hòa

bình và ổn định của Đông Nam Á đã nằm trong xu thế phát triển chung của thế giới. Việc thành lập cộng đồng kinh tế, cộng đồng an ninh, cộng đồng văn hóa xã hội của các nước ASEAN trong một tương lai gần là một bước tiến trong quá trình nhất thể hóa khu vực. Tuy còn rất nhiều khó khăn nhưng việc tiến tới cơ chế cộng đồng là hướng đi đúng. Một ASEAN thống nhất sẽ là một thực thể mạnh chủ động trong quan hệ với các cường quốc mà không sợ bị thua thiệt.

Ở góc độ chính trị, quan hệ hợp tác kinh tế mật thiết sẽ có lợi cho việc tăng cường quan hệ hợp tác chính trị. Việc thành lập ACFTA sẽ củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác tin cậy lẫn nhau giữa Trung Quốc với các nước ASEAN, đồng thời có lợi cho hòa bình và ổn định ở châu Á. Từ đó tạo ra một môi trường khu vực lành mạnh để phát triển kinh tế của các nước. Hợp tác khu vực tiến triển tốt sẽ giúp cho Trung Quốc và ASEAN khai thác hiệu quả hơn nữa các điều kiện quốc tế thuận lợi, đặc biệt ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương đối với sự phát triển của mỗi nước.

Có thể nêu khái quát những lợi ích về chính trị của ASEAN và Trung Quốc khi ACFTA hình thành là:

- Giúp hai bên củng cố vững chắc thêm quốc phòng - an ninh

ACFTA hình thành và đi vào hoạt động sẽ giúp cho quan hệ giữa Trung Quốc với các nước ASEAN ngày càng gắn bó, khăng khít thêm. Trên lĩnh vực quốc phòng - an

ninh, ASEAN là chỗ dựa quan trọng để Trung Quốc bảo vệ chủ quyền, lợi ích của mình. ASEAN là vành đai bên ngoài, phía Nam trực tiếp bảo vệ an ninh quốc gia của Trung Quốc. Đa số các nước ASEAN là những nước vừa và nhỏ, không tạo nên mối đe dọa nào về mặt quốc phòng - an ninh đối với Trung Quốc. Nhưng, các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ, đang lợi dụng việc tăng cường hợp tác quân sự với ASEAN để kiểm soát khu vực, đồng thời ngăn chặn, bao vây và kiềm chế Trung Quốc. Điều này đe dọa an ninh, ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược phát triển của Trung Quốc, đồng thời gây áp lực đối với các nước ASEAN, có khả năng làm mất sự ổn định và phát triển của khu vực. Do vậy, Trung Quốc cần các nước ASEAN để tạo thế cân bằng tránh sự kiềm chế, gây sức ép của Mỹ. Trung Quốc luôn khẳng định là "làng giềng tốt, bạn bè tốt, đối tác tốt" của các nước Đông Nam Á. Các nước ASEAN không phải là kẻ thù mà là bạn bè và đối tác chiến lược, có thể hợp tác lâu dài, đồng thời cũng là địa bàn thiết yếu bảo đảm môi trường an ninh phía Nam Trung Quốc.

Mặt khác, ACFTA hình thành tạo ra mối quan tâm lớn đối với các cường quốc đang có chung lợi ích ở khu vực. Lợi ích của Trung Quốc đan xen hòa quyện, thâm nhập vào lợi ích không chỉ của các nước ASEAN mà của cả các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, EU tại khu vực này. Vì vậy, việc giải quyết những tranh chấp, xung đột trong khu

vực sẽ có lợi cho đối thoại hòa bình.

- Củng cố và phát triển hơn quan hệ hợp tác tin cậy lẫn nhau giữa Trung Quốc với các nước ASEAN láng giềng

Đây chính là lợi ích căn bản không chỉ của Trung Quốc mà của cả các nước ASEAN khi tham gia vào ACFTA. Nếu thiếu đi lòng tin vào nhau sẽ không thể phát triển kinh tế, thương mại chung, không thể có an ninh, ổn định chung trong khu vực. Ý thức được vấn đề này, nên việc xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị với các nước xung quanh chính là một khâu quan trọng trong chiến lược của Trung Quốc và ASEAN. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc gần đây xác định rõ: Phải tiếp tục kiên trì chính sách láng giềng hữu nghị, xử lý tốt, thỏa đáng mối quan hệ với các nước xung quanh. Trung Quốc nêu chủ trương tạo cảm giác an toàn mới, lấy tin tưởng lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi và hợp tác làm hạt nhân thúc đẩy đối thoại và hợp tác an ninh trong khu vực.

Mặt khác, từ trước đến nay ASEAN luôn coi phát triển quan hệ với Trung Quốc là trọng tâm đối ngoại của mình. Xét ở góc độ này, không phải đợi đến khi ACFTA hình thành và đi vào hoạt động, mà trong những năm gần đây, với sự nỗ lực của cả hai phía, quan hệ giữa ASEAN và Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng. Niềm tin chính trị song phương được nâng cao rõ rệt, sự giao lưu về kinh tế ngày càng thường xuyên, lĩnh vực hợp tác không ngừng mở

rộng, xuất hiện cục diện thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển trên mọi tầng nấc, mọi lĩnh vực hợp tác. Đây chính là lợi ích và ý nghĩa chính trị của việc hình thành và đưa ACFTA thành hiện thực.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á mở rộng quan hệ kinh tế và văn hóa với cố hương của họ

Trong bối cảnh gia tăng tình hữu nghị và hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc, người Hoa ở khu vực này hơn lúc nào hết có điều kiện thuận lợi để mở rộng quan hệ kinh tế và văn hóa với cố hương của họ. Cùng với nguồn vốn khá dồi dào, hệ thống kinh doanh độc đáo, lợi thế về ngôn ngữ và văn hóa, người Hoa có thể dễ dàng hơn các nhà kinh doanh nước ngoài khác trong việc tìm kiếm lợi nhuận tại Trung Quốc. Thêm vào đó, chính sách ưu đãi với các nhà đầu tư nước ngoài cũng cuốn hút các doanh nghiệp người Hoa đầu tư vào thị trường này. Ngoài ra, từ thập niên 90 trở đi, chính phủ các nước ASEAN, nhất là những nước có nhiều tiền vốn và kinh nghiệm thương trường như Xingapo khuyến khích đầu tư hai chiều, không hạn chế các nhà doanh nghiệp nước mình chuyển vốn ra nước ngoài để kinh doanh. Với không khí cởi mở và hợp tác cùng có lợi, tư tưởng bài Hoa hay nghi ngờ lòng trung thành của họ đối với Tổ quốc mà họ đang sống trở nên ít đi. Nhiều chính phủ Đông Nam Á kêu gọi dân chúng học tập người Hoa vươn lên làm giàu.

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc nhiều năm qua có sự đóng góp không nhỏ của một bộ phận người Hoa ở nước ngoài, đặc biệt là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Môi trường đầu tư kinh doanh có nhiều thuận lợi, cũng như những chính sách khuyến khích, ưu đãi từ phía Chính phủ Trung Quốc đã thu hút được ngày càng nhiều doanh nhân gốc Hoa từ các nước trên thế giới đến Trung Quốc để sinh sống làm ăn. Doanh nhân người Hoa đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc tăng mạnh. Ngày càng có nhiều doanh nhân gốc Hoa sống các nước vùng Đông Nam Á đầu tư kinh doanh và sản xuất tại Trung Quốc.

Chẳng hạn, ông Chan Hian Siang, một doanh nhân Xingapo gốc Hoa, từ 10 năm trước, đã đầu tư 33 triệu USD để xây dựng một nhà máy sản xuất hóa chất tại Thượng Hải. Công việc kinh doanh thuận lợi, nhu cầu các loại hóa chất trên thị trường Trung Quốc tăng nhanh trong những năm gần đây. Năm 2003, Chan đã đầu tư trên 20 triệu USD để mở rộng sản xuất, và năm 2004 đã xây dựng thêm một nhà máy sản xuất hóa chất khác có vốn đầu tư lên tới 40 triệu USD. Chan cho biết, công việc tiến triển rất tốt, lợi nhuận cao hơn nhiều so với việc kinh doanh ở Xingapo.

Trung Quốc đã trở thành địa điểm hấp dẫn cho các nhà doanh nghiệp gốc Hoa ở các nước Đông Nam Á, bởi lẽ họ có lợi thế về ngôn ngữ, nền văn hóa, cũng như tạo mối quan hệ với chính quyền địa phương. Tại đây, các doanh nghiệp gốc Hoa được Chính phủ Trung Quốc tạo nhiều ưu đãi như giá

thuê đất thấp, giảm tiền điện, thuế kinh doanh,... Nhưng "chất xúc tác" quan trọng nhất là vấn đề lợi nhuận. Ông Wang Gungwu, một học giả tại Viện Đông Á (Xingapo) cho rằng, ngày càng có nhiều doanh nhân gốc Hoa đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc vì tại thị trường rất sôi động này có nhiều cơ hội thành công hơn. Bên cạnh đó, chính phủ một số nước cũng khuyến khích những doanh nhân gốc Hoa đầu tư vào Trung Quốc, qua đó sẽ thúc đẩy mối quan hệ song phương. Hàng hóa sản xuất tại các công ty do những doanh nhân gốc Hoa tại Trung Quốc có thể xuất khẩu trở lại vào thị trường các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Bên cạnh đó, cũng ngày càng có nhiều người Hoa trở về hẳn Trung Quốc để sinh sống. Năm 2002, có gần 20.000 Hoa kiều hồi hương và dự đoán sẽ tiếp tục tăng nhanh trong những năm tới. Theo thống kê của Chính phủ Trung Quốc, có hơn 580.000 sinh viên nước này đã đi du học trong vòng 25 năm qua, và 150.000 người trong số đó đã trở về làm việc tại Trung Quốc (tốc độ tăng khoảng 13%/năm). Hơn 90% trong tổng số những người hồi hương có trình độ từ thạc sĩ trở lên và được đào tạo tại những nước tiên tiến nhất. Đây là một tài sản lớn rất cần cho sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc hiện nay. Bởi chỉ có khoảng 1% dân số Trung Quốc có trình độ đại học, nền kinh tế còn theo "số đông", dựa vào nguồn lao động dồi dào và mức lương thấp. Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế tri thức ngày càng có vai trò quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế, Trung Quốc đang chuyển dần cơ cấu nền kinh tế

của mình. Giáo sư Henry Wang, một quan chức cấp cao của Hiệp hội Western Returned Scholars Association cho biết: Trung Quốc rất cần tri thức và thách thức lớn nhất của nước này là vấn đề nguồn nhân lực.

Những người Hoa hồi hương trở về làm việc trong các viện nghiên cứu, các cơ quan Chính phủ, nhưng đông nhất là tham gia vào lĩnh vực kinh doanh. Riêng tại thủ đô Bắc Kinh, có tới 3.300 doanh nghiệp do Hoa kiều hồi hương thành lập, trong đó có những công ty tư nhân thuộc loại lớn nhất nhì Trung Quốc như UTSarcom (kinh doanh về lĩnh vực viễn thông), Sohu (lĩnh vực Internet), v.v..

Hiện tại, Trung Quốc có nhiều chính sách nhằm khuyến khích, lôi cuốn những người Hoa trở về. Chính phủ đã thiết lập nhiều khu công nghiệp dành riêng cho Hoa kiều hồi hương, cho thuê đất với giá rẻ, đóng thuế thấp, cho vay vốn để kinh doanh lúc ban đầu... Chính phủ Trung Quốc tổ chức những buổi họp mặt để tuyên dương, để nghe những nguyện vọng, những suy nghĩ của những người Hoa kiều hồi hương, qua đó có những điều chỉnh phù hợp. Đối với một số Hoa kiều hồi hương, ngoài yếu tố thuận lợi trong cuộc sống và kinh doanh, họ còn thực sự mong muốn đóng góp một phần vào sự phát triển của đất nước Trung Quốc.

Theo đánh giá, trong khoảng nửa đầu thập niên 90 bình quân hàng năm Trung Quốc thu hút được khoảng 20 - 25 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong số đó có khoảng 65-70% nguồn vốn xuất xứ từ Hồng Công và Ma Cao và

khoảng 7-8% xuất xứ từ Đài Loan. Từ nửa sau những năm 90 đến nay, vốn FDI đổ vào Trung Quốc hàng năm đạt mức kỷ lục với con số khoảng 45 tỷ USD. Trong số này, tỷ lệ vốn có xuất xứ từ Hồng Công giảm mạnh, chỉ chiếm khoảng một nửa. Trong khi đó thị phần đầu tư của Đài Loan, các nước ASEAN và các nơi khác (chủ yếu là Nhật Bản, Mỹ và EU) tăng lên nhanh. Đối với ASEAN thì vốn FDI của 5 nước thành viên cũ năm 1992 mới chỉ chiếm có 2,4% tổng FDI của Trung Quốc. Thế nhưng con số đó đến năm 1994 tăng lên 5% và đạt tới 9,2% (khoảng 4 tỷ USD) vào năm 1998. Từ sau cuộc khủng hoảng 1997-1998, tỷ lệ đầu tư của ASEAN vào Trung Quốc có giảm đi, nhưng vẫn ở chỉ số cao từ 7-8%. Trong tổng số vốn cam kết của ASEAN đầu tư vào Trung Quốc khoảng 53,5 tỷ USD, có một phần không nhỏ là nguồn vốn xuất xứ từ cộng đồng người Hoa và Hoa kiều ở Đông Nam Á. Hầu hết các nhà đầu tư từ các nước ASEAN chuyển vốn đến Trung Quốc kiếm lời là những người có nguồn gốc Hoa. Họ thường hợp tác với các công ty của Hồng Công trong việc đầu tư vào Trung Quốc.

Ngoài việc thúc đẩy và mở rộng quan hệ bạn hàng giữa ASEAN và Trung Quốc, người Hoa Đông Nam Á còn đóng vai trò đáng kể phát triển du lịch, hợp tác văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa hai thực thể này. Với không khí cởi mở, thiện chí và cầu thị từ hai phía, hàng triệu lượt người Hoa hàng năm về thăm cố hương, tìm cơ hội kinh doanh tại Trung

Quốc. Ngược lại hàng vạn người Trung Quốc làm ăn khá giả thực hiện các cuộc du ngoạn, tìm cơ hội đầu tư tại các nước ASEAN. Hàng ngàn công nhân, sinh viên và chuyên gia của Trung Quốc được gửi sang nhiều nước Đông Nam Á. Ngược lại có hàng vạn học sinh, sinh viên các nước ASEAN được gửi đến Trung Quốc để học tập, v.v.. Ngoài ra, hàng năm các tổ chức xã hội và nghiệp đoàn truyền thống của người Hoa Đông Nam Á như Phòng Thương mại, Hội đồng hương, đồng tộc, các câu lạc bộ doanh nghiệp và văn hóa... thường xuyên tiếp xúc với các hội đoàn tương ứng tại Trung Quốc để mở rộng quan hệ hữu nghị và quan hệ hợp tác. Rõ ràng, những giao lưu này đóng góp không nhỏ cho tăng cường quan hệ giữa người Hoa và Trung Quốc nói riêng, Đông Nam Á - Trung Quốc nói chung.

Cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á chiếm tới 95% trong tổng số người Hoa sống trên thế giới, họ đang nắm khoảng 2.000 tỷ USD vốn lưu động và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của nhiều nước ASEAN cũng như trong quan hệ giữa các nước ASEAN và Trung Quốc. Nên việc thành lập ACFTA còn giúp cho Trung Quốc có điều kiện hợp tác làm ăn cũng như quan tâm giúp đỡ cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á. Việc thể chế hóa các điều kiện làm ăn, đi lại, chính thức hóa về mặt quan hệ nhà nước giữa Trung Quốc với các nước ASEAN đã tạo điều kiện thuận lợi lớn cho cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á. Việc

miễn thị thực nhập cảnh giữa các quốc gia ASEAN và giữa Trung Quốc với các quốc gia ASEAN cùng với việc giảm thuế trong thực hiện quy chế mậu dịch tự do chính là điều kiện tốt cho các doanh nhân người Hoa mở rộng làm ăn, tăng cường đầu tư về quê nhà cũng như tăng tình cảm quê hương đất nước. Những điều này sẽ là "lợi thế kép" cho Trung Quốc trong phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á nói riêng và với thế giới nói chung.

Như vậy, trên góc độ chính trị, ACFTA đã góp phần tăng cường môi trường hòa bình, an ninh trong khu vực tạo điều kiện cho công cuộc cải cách, mở cửa phát triển của Trung Quốc và ASEAN tiến lên vững chắc. Đồng thời, việc mở ra khu vực mậu dịch tự do chung còn giúp hai bên xây dựng, củng cố niềm tin chính trị với nhau. Đối với Trung Quốc, họ còn có điều kiện tăng cường mối liên hệ với cộng đồng người Hoa ở ASEAN, điều này sẽ tác động trở lại đến sự ổn định và phát triển của khu vực.

3. Lợi ích về văn hóa - xã hội

Lợi ích lớn nhất về văn hóa - xã hội từ việc thành lập ACFTA là mở rộng giao lưu, tăng thêm hiểu biết lẫn nhau, xóa dần tâm lý lo ngại và nghi kị lẫn nhau, phát triển trao đổi văn hóa, thông tin, du lịch giữa các vùng miền của Trung Quốc với các nước ASEAN.

Cả Trung Quốc lẫn các nước ASEAN không những có nhiều nét tương đồng về văn hóa mà còn chung thân phận

lịch sử là phải chịu sự xâm lược và thống trị của thực dân phương Tây. Cả hai bên đều hiểu rất rõ về giá trị của một nền chính trị độc lập. Với điều kiện lịch sử như vậy, lẽ ra các nước Đông Nam Á và Trung Quốc hơn ai hết dễ dàng thông cảm và dễ dàng xích lại gần nhau hơn. Nhưng thực tế không đơn giản như vậy, để có thể thực sự hiểu được nhau và có được mối quan hệ đối thoại như hiện nay, các nước ASEAN và Trung Quốc đã trải qua nhiều bước thăng trầm, kéo dài từ đầu thập niên 50 của thế kỷ XX đến nay. Vì vậy, có thể nói rằng giai đoạn hiện nay là thời kỳ phát triển nhất trong quan hệ song phương ASEAN - Trung Quốc. Rõ ràng là hiện nay cả Trung Quốc và các nước ASEAN đều mong muốn cải thiện và phát triển mối quan hệ một cách tích cực và chủ động chứ không phải chỉ là kế sách thích nghi tạm thời. Việc thành lập một ACFTA là một trong những biểu hiện đỉnh cao trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước ASEAN hiện nay. Đây cũng là một bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử sâu sắc, phù hợp với xu thế vận động của khu vực và thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Cùng các nước ASEAN xây dựng một thị trường tự do thống nhất là một kết quả của chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc. Thông qua việc thực hiện khu vực mậu dịch tự do, hai bên tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị, điều đó còn đồng nghĩa với việc tạo dựng được sự hiểu biết tin tưởng, tạo cảm giác an toàn giữa hai bên. Với sự nỗ lực của cả hai phía, cảm giác

về một mối đe dọa trực tiếp từ phía Trung Quốc trong các nước ASEAN đã giảm đi rõ rệt. Gần đây, quan hệ giữa Trung Quốc và các nước ASEAN đã phát triển nhanh chóng, niềm tin chính trị tăng lên đã tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy giao lưu lẫn nhau về văn hóa thông qua những hình thức đa dạng, phong phú như triển lãm và biểu diễn nghệ thuật, hợp tác nghiên cứu lịch sử - văn hóa truyền thống, trao đổi học thuật,...

Cùng với sự phát triển về mặt kinh tế, chính trị, giao lưu trao đổi văn hóa, thông tin, du lịch giữa Trung Quốc với các nước ASEAN cũng tăng nhanh. Về du lịch, trước đây chủ yếu là du khách của các nước ASEAN đến Trung Quốc, nay lượng khách đến không những tăng mà lượng người Trung Quốc đi du lịch các nước ASEAN cũng tăng lên nhanh chóng. Các nước ASEAN đều lập văn phòng điều phối du lịch ở Bắc Kinh nhằm thu hút được ngày càng nhiều du khách. Campuchia cho phép khách du lịch Trung Quốc được sử dụng đồng Nhân dân tệ tại khu du lịch Ăngco, còn Thái Lan tích cực thực hiện những biện pháp nhằm bảo vệ quyền lợi của du khách Trung Quốc... Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế hiện nay ở Trung Quốc cho thấy, Đông Nam Á là một sự lựa chọn hàng đầu của người Trung Quốc khi muốn đi du lịch nước ngoài.

Chính những nhu cầu hoạt động giao lưu đó đã tạo điều kiện thúc đẩy ACFTA phát triển. Ngược lại, cũng từ đây mọi tranh chấp bất đồng nảy sinh trong quá trình thực hiện

cũng được giải quyết trên cơ sở hòa bình, hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau. Điều này không những phù hợp với lợi ích của nhân dân Trung Quốc, nhân dân các nước ASEAN mà còn có lợi cho việc thúc đẩy hòa bình, ổn định và phồn vinh của khu vực Đông Nam Á cũng như trên toàn thế giới.

*

*   *

Việc ký kết "Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện" ASEAN - Trung Quốc (11-2002) và việc ACFTA bắt đầu đi vào thực hiện từ 1-7-2003 và sẽ được hoàn thành trong vòng 10 năm là những dấu mốc quan trọng trên lộ trình tiến tới một thị trường chung thống nhất giữa Trung Quốc và ASEAN. Thị trường này sẽ đưa lại cho hai bên nhiều lợi ích cả trên lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội. Toàn cầu hóa và khu vực hóa sẽ thúc đẩy hơn nữa việc hình thành ACFTA; đồng thời sự ra đời của nó cũng là một trong những cách thức để cả hai bên đối phó với những thách thức đặt ra của xu thế toàn cầu hóa. Thông qua khu vực mậu dịch tự do, các nước ASEAN và Trung Quốc sẽ có khả năng tăng cường sự bổ sung, hỗ trợ nhau cùng phát triển theo hướng bền vững. Sự thịnh vượng của Trung Quốc và ASEAN cũng là sự thịnh vượng chung của châu Á - Thái Bình Dương. ACFTA sẽ là mô hình và tạo nên động lực mới cho sự phát triển chung của khu vực và thế giới trong thế kỷ XXI.

Chương 3

SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC

1. Từ một đề xuất đến một "Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện" giữa ASEAN và Trung Quốc

Tháng 9-2000, tại Hội nghị các nhà lãnh đạo ASEAN và Trung Quốc lần thứ 4 tổ chức tại Xingapo, đề xuất xây dựng CAFTA của Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ nhận được sự tán đồng của các nước ASEAN. Cuối tháng 3-2001, ASEAN và Trung Quốc thành lập một nhóm chuyên gia nghiên cứu tính khả thi của việc xây dựng ACFTA. Kết quả nghiên cứu của tổ chuyên gia cho rằng, tính bổ sung lẫn nhau trong lĩnh vực thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc là rất rõ ràng, xây dựng khu vực mậu dịch tự do có thể tạo ra lượng giao dịch thương mại lớn hơn, có thể thúc đẩy việc nâng cấp cơ cấu ngành nghề của hai bên. Nói cách khác, hai bên đều thu lợi từ việc thiết lập khu vực mậu dịch tự do.

Tháng 11-2001, tại Hội nghị các nhà lãnh đạo ASEAN và Trung Quốc lần thứ 5 tổ chức ở Brunây, các nhà lãnh

đạo ASEAN và Trung Quốc đã phê chuẩn đề xuất về một "Khuôn khổ hợp tác kinh tế" và thành lập ACFTA trong vòng 10 năm, và trao quyền cho các bộ trưởng cùng quan chức cấp cao khác của hai bên tiến hành đàm phán. Từ ngày 3 đến ngày 5-11-2002, trong Hội nghị các nhà lãnh đạo ASEAN và Trung Quốc tổ chức tại Phnôm Pênh (Campuchia), hai bên đã ký "Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện" giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Hiệp định này có hiệu lực từ 1-7-2003.

Mục tiêu của Hiệp định nêu trên là nhằm củng cố và tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa các nước ASEAN và Trung Quốc. Theo đó, hai bên cam kết thực hiện tự do hóa từng bước, thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ cũng như thiết lập một chế độ đầu tư thuận lợi, minh bạch và tự do; tìm kiếm các lĩnh vực mới và xây dựng các biện pháp phù hợp vì hợp tác kinh tế gần gũi hơn giữa các bên, tạo thuận lợi cho các nước thành viên mới của ASEAN hội nhập kinh tế hiệu quả hơn và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các bên.

Nội dung quan trọng nhất của Hiệp định là kế hoạch xây dựng ACFTA trong vòng 10 năm tới. Đây sẽ là khu vực mậu dịch tự do có số dân đông nhất gồm 1,8 tỷ người, GDP gần 2.000 tỷ USD và tổng kim ngạch thương mại khoảng 1.200 tỷ USD. Hai bên bày tỏ sự tin tưởng rằng, việc thành lập ACFTA sẽ tạo nên mối quan hệ đối tác và

tạo ra một cơ chế quan trọng để củng cố hợp tác và hỗ trợ sự ổn định kinh tế ở Đông Á.

Với những thoả thuận căn bản đã đạt được trước đó, đến tháng 11-2004, tại Hội nghị cấp cao ASEAN được tổ chức tại Viêng Chăn (Lào), lãnh đạo các nước ASEAN và Trung Quốc đã chính thức ký kết Hiệp định thực hiện lộ trình thành lập ACFTA. Theo Hiệp định này, thuế nhập khẩu hàng hóa giữa ASEAN và Trung Quốc sẽ bắt đầu được cắt giảm từ năm 2005 và sẽ xoá bỏ hoàn toàn vào năm 2010. Riêng đối với 4 nước gia nhập ASEAN muộn hơn gồm Việt Nam, Lào, Mianma và Campuchia sẽ được kéo dài lộ trình đến năm 2015.

Cũng tại Hội nghị Viêng Chăn, cả ASEAN và Trung Quốc đã đồng ý thiết lập một cơ chế để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện lộ trình ACFTA. Hai bên đều khẳng định việc ký kết Hiệp định Viêng Chăn chỉ là giai đoạn đầu mang tính tổng thể. Để hiện thực hóa ACFTA theo đúng lộ trình, hai bên sẽ tiếp tục đàm phán trong các giai đoạn sau nhằm đi đến những thoả thuận về các vấn đề cụ thể như tự do hóa thương mại, dịch vụ và khuyến khích đầu tư.

2. Lộ trình ACFTA

**** Thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư***

- Về thương mại hàng hóa

Các cuộc đàm phán giữa ASEAN và Trung Quốc về Hiệp

định cắt giảm và loại bỏ thuế quan cũng như về các vấn đề khác như quy tắc xuất xứ, các biện pháp phi thuế quan, các biện pháp tự vệ trên cơ sở các nguyên tắc của GATT, vấn đề trợ cấp, chống bán phá giá và sở hữu trí tuệ..., đã bắt đầu vào đầu năm 2003 và kết thúc vào cuối năm 2004. Đây là cơ sở để tiến tới thiết lập ACFTA về thương mại hàng hóa vào năm 2010 với ASEAN - 6 và Trung Quốc; và vào năm 2015 đối với 4 nước thành viên ASEAN mới. Các mặt hàng nằm trong chương trình cắt giảm hoặc xoá bỏ thuế quan ngoại trừ các mặt hàng thuộc "*Chương trình Thu hoạch sớm*" - Chương trình cắt giảm thuế quan đặc biệt (Early Havest Programe - EHP) bắt đầu từ ngày 1-1-2004 đối với một số mặt hàng - được xếp vào 2 danh mục là danh mục hàng thông thường và danh mục hàng nhạy cảm.

Các mặt hàng nằm trong danh mục hàng thông thường của mỗi bên do chính bên đó liệt kê. Đối với các nước ASEAN - 6 và Trung Quốc, thời điểm cắt giảm bắt đầu từ năm 2005 và kết thúc vào năm 2010 với mức thuế suất đối với phần lớn các mặt hàng là 0%. Một số mặt hàng thuộc danh mục cắt giảm thông thường có thể duy trì mức thuế suất 5% vào năm 2010 và tiếp tiếp tục giảm xuống 0% vào năm 2012, nhưng số lượng các mặt hàng này được giới hạn ở một mức trần nhất định. Với 4 nước thành viên ASEAN mới, khoảng thời gian này là từ 1-1-2005 đến năm 2015 với mức thuế suất khởi điểm cao hơn và lịch trình cắt giảm khác biệt.

Các mặt hàng nằm trong danh mục hàng nhạy cảm của mỗi bên cũng do chính bên đó liệt kê. Các mặt hàng thuộc danh mục hàng nhạy cảm sẽ được khống chế mức trần về số lượng. Các mức thuế cụ thể với thời hạn nhất định được các bên thống nhất không ngăn cản việc đẩy nhanh cắt giảm hoặc xoá bỏ thuế quan của bất cứ bên nào nếu bên đó muốn. Với các nước ASEAN - 6 và Trung Quốc, mức thuế suất ưu đãi tối huệ quốc (MFN) đối với các mặt hàng thuộc danh mục hàng nhạy cảm có thể được duy trì đến năm 2010 và sẽ phải giảm xuống một mức nhất định trong khoảng từ 10-20%.

- Về thương mại dịch vụ và đầu tư

Các cuộc đàm phán nhằm từng bước tự do hóa thương mại dịch vụ với phần lớn các lĩnh vực đang được tiến hành nhằm đi đến sự nhất trí trong các vấn đề sau:

+ Xoá bỏ từng bước về cơ bản toàn bộ các phân biệt đối xử giữa các bên, ngăn cấm đưa ra thêm các biện pháp phân biệt đối xử mới liên quan đến thương mại dịch vụ giữa các bên.

+ Mở rộng hơn mức độ và phạm vi tự do hóa thương mại dịch vụ so với những cam kết của các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc theo Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ của WTO.

+ Tăng cường hợp tác dịch vụ giữa các bên nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, cũng như nhằm đa

đạng hóa việc cung cấp và phân phối dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ tương ứng của các bên.

Để thúc đẩy đầu tư và tạo ra một chế độ đầu tư tự do, thuận lợi, minh bạch và cạnh tranh, các cuộc đàm phán giữa các bên về thương mại đầu tư cũng đang được xúc tiến nhằm đi đến thống nhất trong các vấn đề như: tự do hóa từng bước chế độ đầu tư; tăng cường hợp tác đầu tư và cải thiện tính minh bạch các luật lệ và quy định đầu tư.

**** Chương trình Thu hoạch sớm (EHP)***

Nhằm thúc đẩy việc thi hành Hiệp định hợp tác kinh toàn diện, ASEAN và Trung Quốc đã nhất trí thực hiện EHP bắt đầu từ ngày 1-1-2004 đối với một số mặt hàng, mà trước hết tập trung vào một số mặt hàng nông sản và công nghiệp.

- Đối với thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư

Các mặt hàng trong EHP sẽ chia thành 3 nhóm căn cứ vào mức thuế suất MFN của chúng. Đối với các nước thành ASEAN đã gia nhập WTO và Trung Quốc kể từ ngày "Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện" có hiệu lực (1-7-2003), thì mức thuế suất MFN áp dụng sẽ là mức thuế suất MFN tương ứng áp dụng từ ngày 1-7-2003. Đối với các nước thành viên ASEAN đến ngày 1-7-2003 chưa là thành viên WTO, thì mức thuế suất MFN áp dụng sẽ là mức thuế suất mà các nước này áp dụng cho Trung Quốc từ ngày 1-7-2003.

Theo tinh thần của "Hiệp định khung về hợp tác kinh toàn diện", các bên tham gia nhất trí sự dành đối xử đặc

biệt, khác biệt và linh hoạt cho các nước thành viên ASEAN mới (Việt Nam, Lào, Mianma và Campuchia). Do đó, tuy cùng phân thành 3 nhóm mặt hàng (nhóm mặt hàng 1, 2, 3) căn cứ vào mức thuế suất MFN để tiến hành cắt giảm thuế, nhưng mức thuế suất căn cứ áp dụng với hàng hóa của ASEAN - 6 và Trung Quốc so với mức thuế suất của các nước thành viên ASEAN mới là khác nhau và theo hướng ưu đãi cho các nước thành viên ASEAN mới. Đồng thời, thời gian cắt giảm thuế của ASEAN - 6 và Trung Quốc cũng nhanh hơn nhiều so với các nước còn lại. Nội dung chi tiết của lộ trình cắt giảm thuế quan trình bày ở biểu 1 và biểu 2 dưới đây.

Lộ trình cắt giảm thuế quan trong khuôn khổ Chương trình Thu hoạch sớm

Biểu 1: Đối với ASEAN - 6 và Trung Quốc

- Nhóm mặt hàng 1 (tất cả các mặt hàng có thuế suất MFN lớn hơn 15%):

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn ngày 1-1-2004	10%
Không muộn hơn ngày 1-1-2005	5%
Không muộn hơn ngày 1-1-2006	0%

- Nhóm mặt hàng 2 (tất cả các mặt hàng có thuế suất từ 5% đến 15%, kể cả các mặt hàng có thuế suất bằng 5% và bằng 15%):

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn ngày 1-1-2004	5%
Không muộn hơn ngày 1-1-2005	0%
Không muộn hơn ngày 1-1-2006	0%

- Nhóm mặt hàng 3 (tất cả các mặt hàng có thuế suất nhỏ hơn 5%):

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn ngày 1-1-2004	0%
Không muộn hơn ngày 1-1-2005	0%
Không muộn hơn ngày 1-1-2006	0%

Biểu 2: Đối với các nước thành viên ASEAN mới và Trung Quốc

- Nhóm mặt hàng 1 (nhóm mặt hàng có thuế suất MFN bằng hoặc lớn hơn 30%):

Với Việt Nam:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	20%
Không muộn hơn 1-1-2005	15%
Không muộn hơn 1-1-2006	10%
Không muộn hơn 1-1-2007	5%
Không muộn hơn 1-1-2008	0%
Không muộn hơn 1-1-2009	0%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

Với Lào và Mianma:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	Giữ nguyên *(Lào và Mianma có thể hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2005	Giữ nguyên *(Lào và Mianma có thể hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2006	20%
Không muộn hơn 1-1-2007	14%
Không muộn hơn 1-1-2008	8%
Không muộn hơn 1-1-2009	0%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

Với Campuchia:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	Giữ nguyên *(Campuchia có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2005	Giữ nguyên *(Campuchia có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2006	20%
Không muộn hơn 1-1-2007	15%
Không muộn hơn 1-1-2008	10%
Không muộn hơn 1-1-2009	5%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

- Nhóm mặt hàng 2 (các mặt hàng có thuế suất MFN bằng hoặc lớn hơn 15% và nhỏ hơn 30%):

Với Việt Nam:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	10%
Không muộn hơn 1-1-2005	10%
Không muộn hơn 1-1-2006	5%
Không muộn hơn 1-1-2007	5%
Không muộn hơn 1-1-2008	0%
Không muộn hơn 1-1-2009	0%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

Với Lào và Mianma:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	Giữ nguyên *(Lào và Mianma có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2005	Giữ nguyên *(Lào và Mianma có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2006	10%
Không muộn hơn 1-1-2007	10%
Không muộn hơn 1-1-2008	5%
Không muộn hơn 1-1-2009	0%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

Với Campuchia:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	Giữ nguyên *(Campuchia có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2005	Giữ nguyên *(Campuchia có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2006	10%
Không muộn hơn 1-1-2007	10%
Không muộn hơn 1-1-2008	5%
Không muộn hơn 1-1-2009	5%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

- Nhóm mặt hàng 3 (các mặt hàng có thuế suất MFN nhỏ hơn 15%):

Với Việt Nam:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	5%
Không muộn hơn 1-1-2005	5%
Không muộn hơn 1-1-2006	0-5%
Không muộn hơn 1-1-2007	0-5%
Không muộn hơn 1-1-2008	0%
Không muộn hơn 1-1-2009	0%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

Với Lào và Mianma:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	Giữ nguyên *(Lào và Mianma có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2005	Giữ nguyên *(Lào và Mianma có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2006	5%
Không muộn hơn 1-1-2007	5%
Không muộn hơn 1-1-2008	0 - 5%
Không muộn hơn 1-1-2009	0%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

Với Campuchia:

Thời hạn thực hiện	Mức thuế suất sẽ áp dụng
Không muộn hơn 1-1-2004	Giữ nguyên *(Campuchia có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2005	Giữ nguyên *(Campuchia có thể chủ động hạ xuống nếu muốn)*
Không muộn hơn 1-1-2006	5%
Không muộn hơn 1-1-2007	5%
Không muộn hơn 1-1-2008	0 - 5%
Không muộn hơn 1-1-2009	0 - 5%
Không muộn hơn 1-1-2010	0%

Việt Nam có 484 dòng thuế xuất nhập khẩu từ Trung Quốc. Các mặt hàng nông, thuỷ sản phải cắt giảm từ năm 2004, và đến năm 2008 đạt thuế suất 0%. Bắt đầu từ 1-1-2004, Việt Nam tiến hành cắt giảm 376 dòng thuế, trong đó nhóm mặt hàng có thuế suất trên 30% giảm xuống 20%; nhóm 15-30% xuống còn 10%, nhóm dưới 15% chỉ còn 5%. Các nhóm hàng Việt Nam cắt giảm thuế đều không phải thế mạnh xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường Việt Nam. Các nhóm hàng này bao gồm các loại trứng chim, hải sản, nấm, hoa quả tươi, một số giống cây, các loại gà thịt... thường đi đường tiểu ngạch hoặc nhập về sản xuất trong nước với số lượng ít, không cạnh tranh được với sản phẩm của Việt Nam về chất lượng.

Trong khi đó, Trung Quốc phải cắt giảm 536 dòng thuế đối với hàng xuất nhập khẩu từ Việt Nam. Năm 2004, năm đầu tiên thực hiện EHP giữa hai nước, Trung Quốc tiến hành cắt giảm các nhóm mặt hàng có thuế suất trên 15% xuống 10%, nhóm từ 5-10% xuống 5% và nhóm dưới 5% được hưởng thuế suất bằng 0%. Các mặt hàng này sẽ đạt mức thuế suất bằng 0% trước 1-1-2006.

Như vậy, ngay từ năm 2004 có rất nhiều mặt hàng xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam sang Trung Quốc không phải chịu thuế và sang năm 2005, tất cả các mặt hàng chỉ còn chịu thuế ở mức 0-5%.

- *Một số hoạt động hợp tác kinh tế khác nằm trong EHP giữa các nước ASEAN và Trung Quốc*

Ngoài lộ trình như đã nêu trên đây, ASEAN và Trung Quốc còn cam kết nhanh chóng thực hiện một số hoạt động hợp tác kinh tế khác nhằm đẩy mạnh hơn nữa quan hệ song phương như:

+ Đẩy nhanh việc triển khai các dự án về xây dựng tuyến đường sắt Xingapo - Côn Minh và dự án xây dựng tuyến đường cao tốc Băng Cốc - Côn Minh trong khuôn khổ hợp tác ASEAN về phát triển lưu vực sông Mêkông (AMBDC) và Chương trình Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng (GMS).

+ Triển khai các kế hoạch trung và dài hạn đối với việc phát triển toàn diện GMS, đã được đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh về Tiểu vùng Mêkông mở rộng lần thứ nhất tại Campuchia.

+ Triển khai Biên bản ghi nhớ về hợp tác nông nghiệp đã được các bên ký kết vào cuối năm 2002.

+ Hoàn thành Biên bản ghi nhớ về hợp tác giữa các bên trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.

+ Triển khai các chương trình cụ thể nhằm tăng cường hơn nữa hợp tác về phát triển nguồn nhân lực, sử dụng Quỹ hợp tác ASEAN - Trung Quốc và những nguồn khác.

+ Thiết lập các chương trình kỹ thuật cụ thể để hỗ trợ

hơn nữa những thành viên ASEAN mới nhằm tăng cường năng lực trong quá trình hội nhập khu vực và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên này trong quá trình đàm phán gia nhập WTO.

+ Thiết lập cơ chế hợp tác giữa các cơ quan hải quan, giữa các cơ quan liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các nước.

*

* *

Quá trình hình thành ACFTA tuy chỉ mới khởi tiến bằng những bước đi đầu tiên trong một thời gian chưa dài, nhưng đã cho thấy rõ những nỗ lực tích cực từ cả hai phía hướng mạnh tới các mục tiêu được xác định. Với một lộ trình khá rõ ràng và hàng loạt những thoả thuận đạt được nhằm thực hiện tự do hóa thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, đặc biệt là việc các bên đồng ý thực hiện EHP đã bước đầu tạo ra môi trường thuận lợi thúc đẩy sự hợp tác, liên kết một cách năng động giữa các nước ASEAN và Trung Quốc hiện nay cũng như những năm sắp tới. Việc dỡ bỏ các rào cản thương mại theo các thoả thuận đạt được giữa hai bên chắc chắn sẽ góp phần quan trọng làm giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh tế, đồng thời tạo ra một cơ chế hỗ trợ sự ổn định về kinh tế trong nội bộ vùng. Điều đó không chỉ thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi bên,

mà còn tăng cường trọng lượng tiếng nói của ASEAN và Trung Quốc trong các vấn đề thương mại quốc tế cũng như các vấn đề cùng chung mối quan tâm của cả hai bên trong cục diện quốc tế không ít phức tạp và nhiều bất trắc khó lường hiện nay.

Chương 4

TÁC ĐỘNG CỦA KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC ĐẾN KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ VIỆT NAM

1. Tác động đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương

** Tác động về mặt chính trị - an ninh*

Sự lớn mạnh của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa và hiện đại hóa, về khách quan đã gây ra mối nghi ngại nhất định cho các quốc gia láng giềng ở Đông Nam Á. Sự thịnh hành và phổ biến của thuyết "Mối đe dọa của Trung Quốc" đã từng làm cho hai bên thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Để xóa đi mối ngờ vực của các nước láng giềng Đông Nam Á, Trung Quốc đã luôn tìm mọi cách để xây dựng hình ảnh một Trung Quốc thiện chí, có trách nhiệm trong con mắt các nước Đông Nam Á. Đồng thời, Trung Quốc cũng tìm cách chứng tỏ rằng sự phát triển lớn mạnh và ổn định của họ là có lợi cho sự ổn định, hòa bình và phồn vinh chung của cả khu vực.

Mối quan hệ đối tác chặt chẽ về kinh tế - thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc, sẽ góp phần thúc đẩy lẫn

nhau cùng phát triển. Sự ra đời của ACFTA tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho cả hai bên bởi tiềm lực của khu vực mậu dịch này là rất to lớn và tính bổ sung cho nhau giữa nền kinh tế ASEAN và Trung Quốc là khá cao. Ngoài những lợi ích kinh tế là chủ yếu, ACFTA ra đời còn có lợi cho việc tăng cường hợp tác hữu nghị, đối thoại, củng cố và phát triển hơn quan hệ láng giềng hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Quan hệ mật thiết về mặt kinh tế, sự ràng buộc và tương thuộc nhau chặt chẽ về kinh tế sẽ có lợi cho việc tăng cường sự hợp tác về chính trị. Việc thành lập ACFTA sẽ góp phần củng cố và phát triển hơn quan hệ hợp tác tin cậy lẫn nhau giữa hai bên, nâng cao vị thế của cả hai bên trong quan hệ với các cường quốc khác cũng như trên các diễn đàn đa phương, đồng thời nó còn có lợi cho hòa bình và ổn định ở Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương, từ đó tạo ra một môi trường khu vực lành mạnh để phát triển kinh tế của các nước. Hợp tác và liên kết khu vực sẽ giúp Trung Quốc và ASEAN phát huy cao độ tác dụng quốc tế của mình ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Cho đến nay, châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực chứa đựng nhiều bất ổn tiềm tàng về mặt an ninh. Ở đây có rất nhiều điểm nóng dẫn đến nguy cơ xung đột vũ trang, đe dọa hòa bình, ổn định của khu vực. Bên cạnh đó, châu Á - Thái Bình Dương còn chứa đựng quá nhiều mâu thuẫn về mặt lợi ích giữa các cường quốc với nhau và giữa các cường quốc với các nước nhỏ. Ngay sau Chiến tranh

lạnh, trong khi cuộc chạy đua vũ trang trên thế giới có phần lắng xuống, thì tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, hầu hết các quốc gia đều tăng ngân sách quốc phòng, đẩy mạnh trang bị vũ khí, hiện đại hóa quân đội. Vì vậy, nhìn bề ngoài châu Á - Thái Bình Dương có vẻ là khu vực ổn định, xu thế hòa bình dường như khó có thể đảo ngược, nhưng bên trong nó lại tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột. Sự thiếu niềm tin và nghi kỵ lẫn nhau là một nguyên nhân dẫn đến chạy đua vũ trang và làm cho quan hệ quốc tế trong khu vực phức tạp, khó dự báo. Ở châu Á - Thái Bình Dương lại không có một cấu trúc an ninh tập thể nào mang tính ổn định như Liên minh Bắc Đại Tây Dương (NATO) hay Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE). Vì thế cũng không có một cơ chế nào để kiểm soát tình hình an ninh khu vực. ARF tuy có vai trò nhất định trong việc giữ gìn an ninh khu vực, nhưng nó chỉ là một cơ chế tham khảo ý kiến, một diễn đàn lỏng lẻo không mang tính thể chế, không có hiệu lực kiểm soát an ninh khu vực. Tất cả những yếu tố đó làm cho an ninh châu Á - Thái Bình Dương luôn chứa đựng những nhân tố phức tạp, bất ổn, khó lường.

Trong mối quan hệ giữa các nước khu vực, các quốc gia nhỏ yếu (nhất là các nước Đông Nam Á) thường tỏ ra hoài nghi ý đồ của các nước lớn. Trung Quốc với tư cách là tiêu điểm của rất nhiều vấn đề an ninh khu vực, lại là một cường quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ đã trở thành mối quan

ngại của không ít quốc gia trong khu vực, đặc biệt là các nước Đông Nam Á. Sự hoài nghi của các nước Đông Nam Á đối với Trung Quốc xuất phát từ những lý do sau:

- Những tính toán của Trung Quốc ở biển Đông đã động chạm tới chủ quyền và lợi ích của nhiều quốc gia trong khu vực.

- Sự suy giảm ảnh hưởng của Nga và Mỹ ở khu vực sau Chiến tranh lạnh dẫn tới khả năng Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng ở khu vực này.

- Sự lớn mạnh của Trung Quốc về kinh tế và quân sự được coi là có khả năng đe dọa an ninh và phát triển của các nước trong khu vực.

Đó là những thách thức lớn trong việc xây dựng một mối quan hệ tin cậy và hữu nghị giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Do vậy, việc hai bên thỏa thuận đi tới thiết lập một khu mậu dịch tự do chung, ngoài những mục tiêu kinh tế ra, nó còn có ý nghĩa to lớn về mặt an ninh. Cơ chế hợp tác đa phương thông qua khu vực mậu dịch tự do đã tạo thêm một kênh đối thoại mới để xây dựng lòng tin giữa Trung Quốc và ASEAN, góp phần giải quyết một số vấn đề an ninh chung giữa hai bên. Mối quan hệ tốt đẹp, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa Trung Quốc và ASEAN là một nhân tố rất có ý nghĩa cho việc củng cố hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực Đông Á và châu Á - Thái Bình Dương.

*** Tác động về kinh tế**

Sự ra đời của ACFTA có những tác động tới tiến trình phát triển kinh tế của hai bên và của toàn khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Có thể nêu một cách khái quát sự tác động này trên những khía cạnh chủ yếu sau đây:

- Thúc đẩy gia tăng thương mại nội vùng và thu hút đầu tư vào khu vực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho Trung Quốc, ASEAN và cả khu vực

Một đặc điểm quan trọng trong quan hệ mậu dịch đối ngoại hiện nay của Trung Quốc, của các nước ASEAN và của hầu hết các nước châu Á - Thái Bình Dương là còn phụ thuộc rất lớn vào các nước phương Tây. Kim ngạch thương mại nội vùng còn khiêm tốn. Trong những năm gần đây, tình hình này có được cải thiện dần. Về điều này, có thể thấy rõ qua sự phân tích quan hệ mậu dịch ASEAN - Trung Quốc.

Quan hệ kinh tế đối ngoại giữa ASEAN và Trung Quốc thể hiện trên ba phương diện chủ yếu, đó là mậu dịch song phương, đầu tư lẫn nhau và du lịch hai chiều.

Về mậu dịch song phương, kim ngạch hai chiều giữa Trung Quốc và ASEAN năm 2001 đạt 41,6 tỷ USD so với 7,9 tỷ USD năm 1991, tăng trung bình 20,4%/năm. Tuy nhiên, thị phần của ASEAN trong tổng kim ngạch thương mại của Trung Quốc mới đạt hơn 7% đối với xuất khẩu và hơn 10% đối với nhập khẩu. Còn buôn bán với Trung Quốc mới đạt 5% tổng kim ngạch mậu dịch của ASEAN năm

2000[1]. ASEAN là bạn hàng lớn thứ 5 của Trung Quốc và Trung Quốc là bạn hàng lớn thứ 6 của ASEAN. Tiềm năng trao đổi mậu dịch giữa hai bên còn rất lớn. Do vậy, việc ra đời khu mậu dịch tự do với quá trình dỡ bỏ hàng rào mậu dịch giữa hai bên sẽ làm cho sự hợp tác kinh tế song phương mật thiết hơn, thúc đẩy mậu dịch hai chiều, có lợi cho hai bên phát huy lợi thế lẫn nhau, mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp hai bên, tăng cường đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, từ đó giảm thiểu những bất ổn của nền kinh tế do quá phụ thuộc vào các nền kinh tế phương Tây gây nên. Theo tính toán của Ban Thư ký ASEAN, ACFTA ra đời sẽ làm kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN tăng lên 55,1% và xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc cũng tăng tới 48%. Nhờ vậy sẽ làm GDP của Trung Quốc tăng 0,3% và của ASEAN tăng 0,9%. Đến năm 2010, tổng kim ngạch mậu dịch của ACFTA sẽ tăng trên 30%, cao gần bằng tổng kim ngạch mậu dịch nội bộ EU.

Về đầu tư, hiện nay đầu tư của ASEAN tại Trung Quốc đã lên tới trên 50 tỷ USD, chiếm 6,6% đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc, còn tỷ trọng đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào ASEAN chưa đạt 1 tỷ USD và mới chiếm 1% tổng vốn FDI vào ASEAN. Với sự ra đời của ACFTA sẽ

---

[1] Tổng hợp các số liệu từ Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6-2000 và số 7-2003.

thúc đẩy đầu tư hai bên. Một số công trình nghiên cứu đã nêu dự báo rằng, sự ra đời của ACFTA có thể làm cho đầu tư của ASEAN vào Trung Quốc tăng 48% và đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN sẽ tăng trên 60%.

Về du lịch, trước đây chủ yếu là khách du lịch ASEAN đến Trung Quốc, ngày nay khách Trung Quốc đến ASEAN ngày càng nhiều. Xu hướng này sẽ ngày càng tăng khi ra đời ACFTA.

Với một thị trường liên hoàn rộng lớn, tập hợp những nền kinh tế đang công nghiệp hóa, rất năng động và tăng trưởng mạnh mẽ, có sự ổn định xã hội cao, ACFTA sẽ có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với đầu tư nước ngoài vào khu vực và thúc đẩy trao đổi thương mại với các nước ngoại khối, nhất là các nước ở châu Á - Thái Bình Dương. Điều đó sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển năng động của cả khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

- Sự ra đời của ACFTA sẽ tác động tới tiến trình liên kết và hội nhập trong ASEAN

Các quốc gia ASEAN có sự khác nhau về chính trị, xã hội và trình độ phát triển, song lại có sự tương đồng về cơ cấu kinh tế, cơ cấu hàng hóa. Vì vậy, quá trình liên kết kinh tế và hội nhập khu vực là một quá trình lâu dài, khó khăn và không ít chông gai. Sau 26 năm thành lập, đến năm 1993, khi quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa diễn ra sôi động ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới thì AFTA mới

bắt đầu khởi động, lộ trình hợp tác và liên kết khu vực lần đầu tiên mới được xác định một cách rõ ràng. Tuy nhiên đã hơn 10 năm nay, thương mại nội bộ khối tuy có tăng đáng kể song vẫn còn nhỏ bé và tiến trình hội nhập AFTA còn diễn ra chậm chạp. Thương mại nội bộ khối đã tăng từ 44,2 tỷ USD năm 1993 lên 97,8 tỷ USD năm 2000, nhưng mới chỉ chiếm 26% tổng kim ngạch thương mại quốc tế của 5 nước thành viên ban đầu. Kim ngạch xuất khẩu nội bộ khối năm 2000 mới chỉ đạt gần 90 tỷ USD trong tổng kim ngạch xuất khẩu của ASEAN, chiếm 22,2%, trong khi đó con số này của EU là 54,6% và của NAFTA là 62,6%.

Việc quá phụ thuộc vào mậu dịch ngoại khối là một nhân tố làm cho sự liên kết kinh tế trong ASEAN còn lỏng lẻo và nền kinh tế khu vực này dễ bị chấn động bởi những biến động bên ngoài. Với sự thiết lập ACFTA cùng với tiến trình tham gia APEC và triển vọng của hợp tác Đông Á, các nước ASEAN chắc chắn sẽ phải đẩy nhanh quá trình liên kết khu vực. Trước mắt, ASEAN cần đẩy nhanh lộ trình AFTA, đẩy nhanh các chương trình hợp tác kinh tế khác, trong đó quan trọng là khu vực dịch vụ và đầu tư. Việc thực hiện thành công ACFTA phụ thuộc phần lớn vào khả năng liên kết và tăng cường sức cạnh tranh kinh tế của ASEAN. Nếu các nước ASEAN không mau chóng thúc đẩy hình thành AFTA thì khi ACFTA ra đời, các nền kinh tế trong ASEAN chỉ là những nền kinh tế đơn lẻ, thiếu tính cạnh

tranh trước sự bành trướng kinh tế của người khổng lồ Trung Quốc. Khi đó ASEAN rất có thể sẽ bị hoà tan trong ACFTA. Hàng hóa Trung Quốc sẽ lấn át thị phần của hàng hóa ASEAN ngay tại thị trường ASEAN và đầu tư nước ngoài cũng sẽ đổ dồn về Trung Quốc. Vì vậy, quá trình làm sâu sắc hơn liên kết kinh tế khu vực trong ASEAN cần được đẩy mạnh để sớm tạo ra một thị trường thống nhất, có sức cạnh tranh mạnh mẽ hơn trước khi AFTA hội nhập vào ACFTA. Việc các nước ASEAN thỏa thuận rút ngắn lộ trình AFTA xuống 3 năm, tức là vào năm 2007 với ASEAN - 6 và năm 2012 với ASEAN - 4 là một động thái tích cực theo hướng đó.

- ACFTA ra đời là một nhân tố thúc đẩy làn sóng liên kết kinh tế và tự do hóa thương mại (cả song phương và đa phương) ở khu vực diễn ra sôi động hơn

Làn sóng tự do hóa thương mại và liên kết khu vực đang trở thành một xu hướng đặc biệt năng động tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương mấy năm gần đây. Có nhà nghiên cứu cho rằng, việc đàm phán và ký kết các FTA đang trở thành cơn sốt tại khu vực. Xu hướng đó đã diễn ra sôi động từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX với sự ra đời NAFTA, APEC và rất nhiều những sáng kiến hợp tác khu vực khác như Diễn đàn kinh tế Đông Á (EAEC), ASEAN+3... Xu hướng này bắt nguồn từ sự phát triển rất năng động của khu vực cộng với sự tác động của quá trình

khu vực hóa và toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ sau Chiến tranh lạnh.

Tuy nhiên, làn sóng liên kết kinh tế và tự do hóa thương mại thực sự bùng nổ tại khu vực sau khi Trung Quốc kiến nghị thành lập CAFTA tại Hội nghị cấp cao ASEAN+3 lần thứ 5 tháng 11-2001 tại Brunây. Rõ ràng là, khu vực mậu dịch tự do hình thành đã châm ngòi cho hàng loạt các thỏa thuận và ý tưởng về FTA trong khu vực. Sự bùng nổ các thỏa thuận FTA ở châu Á - Thái Bình Dương không chỉ diễn ra giữa các nước trong khu vực mà cả với các nước ngoài khu vực, không chỉ giữa các quốc gia với nhau mà cả giữa một khối với từng nước riêng lẻ..., đã khiến cho hợp tác khu vực ngày càng trở nên đa dạng hơn với nhiều tầng nấc, nhiều cấp độ và nhiều hình thức khác nhau. Tựu chung lại bao gồm các cấp độ sau:

+ Hợp tác đa phương thông qua Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), APEC được đẩy mạnh và việc các nước trong khu vực gia nhập tiến trình tự do hóa thương mại toàn cầu trong khuôn khổ WTO như Trung Quốc, Campuchia và sắp tới là Việt Nam, Nga...

+ Hợp tác đa phương tiểu khu vực: Đó là việc đẩy nhanh tiến trình AFTA của ASEAN sớm hơn dự kiến ban đầu 3 năm và quyết định về thành lập Cộng đồng kinh tế ASEAN. Cùng với AFTA, Khu vực mậu dịch tự do Nam Á (SAARC) đã được thông qua. Mặt khác, đã xuất hiện ngày

càng nhiều những ý tưởng về việc thành lập Khu vực mậu dịch tự do Đông Bắc Á (gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và rộng hơn nữa là thành lập EAFTA bao gồm Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và 10 nước ASEAN. Mới đây, Thủ tướng Malaixia Badawi còn đề nghị thành lập Nhóm thương mại liên khu vực châu Á kiểu như EU, bao gồm cả Ôxtrâylia và Niu Dilân, đồng thời kêu gọi thành lập Quỹ Tiền tệ châu Á (AMF) để khỏi quá phụ thuộc vào IMF.

+ Hợp tác song phương giữa ASEAN với các nước đối tác, chẳng hạn việc ASEAN ký FTA với Trung Quốc. Điều này đã thực sự làm dấy lên cuộc chạy đua ký kết FTA giữa các cường quốc trong khu vực với ASEAN. Không chịu để thua kém Trung Quốc, Nhật Bản ngay lập tức đã đề nghị ký FTA với ASEAN và thiết lập khu mậu dịch tự do giữa hai bên vào năm 2012. Các văn bản đề nghị của Nhật Bản đã được đệ trình lên Hội nghị cấp cao các quan chức kinh tế các nước ASEAN được tổ chức đầu tháng 9-2004. Ngoài ra, Nhật Bản còn nêu vấn đề thiết lập "*Cộng đồng hợp tác kinh tế với ASEAN*", mở rộng ra cả với 3 nước Đông Bắc Á, Ôxtrâylia, Niu Dilân. Ấn Độ cũng nhanh chóng vào cuộc với đề nghị thiết lập FTA với ASEAN vào năm 2011. Các FTA song phương tương tự giữa ASEAN với Hàn Quốc, Mỹ, Ôxtrâylia và Niu Dilân cũng đang được xúc tiến thương thảo. Các đối tác ngoài khu vực như EU, Canađa, Mêhicô... cũng đang có ý định thương thảo các FTA tương tự với ASEAN.

Có thể nói, ASEAN đã trở thành trung tâm của một làn sóng tự do hóa mậu dịch và liên kết khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương. Việc ký kết FTA với ASEAN đã tạo ra một cuộc chạy đua sôi động giữa các nước trong khu vực, trong đó Trung Quốc là người châm ngòi.

Việc các nước, đặc biệt là các cường quốc trong khu vực, đều rất quan tâm tới việc ký FTA với ASEAN đã phản ánh một cuộc cạnh tranh gay gắt về kinh tế và vị thế ảnh hưởng trong khu vực giữa các cường quốc. Với vị thế địa - chính trị, địa - kinh tế của mình, ASEAN trở thành tâm điểm của cuộc cạnh tranh đó. Các cường quốc đều muốn xác lập ảnh hưởng về kinh tế và chính trị đối với ASEAN, còn ASEAN thì muốn tranh thủ tất cả các nước này để củng cố sức mạnh kinh tế và nâng cao vị thế của mình, đồng thời thông qua các mối quan hệ kinh tế đa dạng để tạo thế cân bằng giữa các cường quốc và đối phó với thế và lực đang lên rất nhanh của Trung Quốc.

+ Các thỏa thuận FTA song phương giữa các nước riêng biệt cũng bùng nổ mạnh mẽ trong mấy năm gần đây. Nước mở màn cho làn sóng này là Xingapo với việc ký FTA với Nhật Bản vào tháng 1-2002, sau đó đã lần lượt ký FTA với Thái Lan, Mỹ và đang đàm phán để ký FTA với Canađa, Ôxtrâylia, Chilê, Mêhicô, Hồng Công... Cuộc đua do Xingapo mở màn đã buộc nhiều nước khác trong ASEAN như Thái Lan, Philíppin, Malaixia phải chạy theo.

Hai năm trở lại đây đến lượt 3 cường quốc kinh tế là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng nhập cuộc.

Sự bùng nổ các thỏa thuận FTA tại khu vực có nhiều lý do, trước hết, nó phản ánh sự phát triển rất năng động của kinh tế khu vực, làm cho vị thế kinh tế của khu vực trong bức tranh kinh tế thế giới ngày một to lớn. Điều đó đã thu hút sự chú ý của tất cả các đối tác trong và ngoài khu vực. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997-1998 đã cho thấy các nền kinh tế khu vực phụ thuộc vào nhau ngày càng chặt chẽ. Vì vậy, những rủi ro từ cuộc khủng hoảng đã tác động tới mọi quốc gia. Nó đặt ra vấn đề đẩy mạnh hợp tác khu vực cũng như tăng cường năng lực thể chế để phối hợp để ngăn ngừa khủng hoảng. Tác động của tiến trình toàn cầu hóa kinh tế, sự cạnh tranh kinh tế khốc liệt giữa các khu vực trên thế giới, diễn biến của tiến trình mở rộng, liên kết hội nhập EU, NAFTA, cũng đã thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình liên kết kinh tế khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương.

Ngoài ra, tính chất bấp bênh của các định chế đa phương toàn cầu, đặc biệt là sự thất bại của vòng đàm phán thương mại toàn cầu của WTO tại Cancun năm 2003, phản ánh mâu thuẫn giữa các nước phát triển và đang phát triển trong tiến trình tự do hóa thương mại toàn cầu có ảnh hưởng không nhỏ đến sự hợp tác khu vực và song phương ở châu Á - Thái Bình Dương.

Bên cạnh đó, sự hoành hành của chủ nghĩa khủng bố đã đặt ra yêu cầu phối hợp đa phương và khu vực theo hướng

tăng cường yếu tố thể chế, phối hợp hành động trong các diễn đàn, các thỏa thuận hợp tác khu vực mà trước đây chỉ mang tính kinh tế, thương mại.

- ACFTA ra đời là một dấu mốc quan trọng thúc đẩy tiến trình đi tới nhất thể hóa Đông Á

Những năm gần đây, người ta ngày càng nói nhiều tới một cộng đồng kinh tế Đông Á, một khu mậu dịch tự do toàn Đông Á, một thị trường chung Đông Á và một đồng tiền chung Đông Á. Điều đó cho thấy tiến trình liên kết khu vực Đông Á ngày càng có nhiều khả năng trở thành hiện thực. Phải nói rằng, nhất thể hóa Đông Á là giấc mơ từ lâu của nhiều quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, do những bất ổn về chính trị, an ninh của khu vực trong nhiều thập kỷ đã cản trở quá trình này. Đến năm 1967, việc thành lập ASEAN là một cột mốc đầu tiên của quá trình khu vực hóa Đông Á. Nhưng suốt hơn hai thập kỷ, ASEAN vẫn tồn tại một cách hình thức và không có một bước đi nào đáng kể trong tiến trình hội nhập.

Đến thập niên 90 của thế kỷ XX, trước sự thay đổi của tình hình khu vực và thế giới, sự phát triển mạnh mẽ của Đông Á và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế khu vực ngày càng chặt chẽ, cộng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế đã tác động mạnh mẽ tới tiến trình hội nhập khu vực. Dấu ấn đầu tiên là năm 1992, khi các nước ASEAN nhất trí thiết lập khu vực mậu dịch tự do và quyết định mở rộng

việc kết nạp thành viên mới là các nước còn lại ở Đông Nam Á. Tiến trình hợp tác, liên kết, nhất thể hóa Đông Nam Á với nhiều sự khác biệt về kinh tế, chính trị diễn ra khá suôn sẻ đã thúc đẩy các sáng kiến hợp tác và liên kết khu vực một cách mạnh mẽ hơn.

Năm 1997, cũng chính ASEAN đã đưa ra sáng kiến hợp tác ASEAN+1, gồm ASEAN với Trung Quốc và ASEAN+3 với ba nước Đông Bắc Á là Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Tiến trình hợp tác ASEAN+1 và ASEAN+3 ra đời là một bước quan trọng trên lộ trình hợp tác Đông Á. Nó thể hiện tinh thần tự tôn khu vực của các nước Đông Á và phù hợp với lợi ích của các bên trong bối cảnh xu thế toàn cầu hóa sôi động hiện nay. Các sáng kiến hợp tác đó là hữu ích nhưng nó không đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập khu vực. Vì vậy, sau đề nghị của Trung Quốc về một khu mậu dịch tự do chung với ASEAN được đưa ra tháng 11-2001, thì một năm sau sáng kiến này đã trở thành hiện thực. Việc ASEAN và Trung Quốc ký FTA là bước mở đầu quan trọng cho tiến trình nhất thể hóa Đông Á. Sau Trung Quốc, các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ cũng lần lượt đàm phán để ký FTA với ASEAN. Như vậy, các sáng kiến hợp tác ASEAN+1 đã dần dần trở thành những cơ chế hợp tác ngày càng chặt chẽ. Tiếp theo sự hội nhập của ASEAN với AFTA, việc ra đời ACFTA và các FTA giữa ASEAN với Nhật Bản, Hàn Quốc... là những

cột mốc trên con đường nhất thể hóa Đông Á. Kịch bản về nhất thể hóa Đông Á có thể chia thành ba bước: 1) AFTA; 2) Các khu mậu dịch tự do ASEAN+1; 3) EAFTA. Hai bước trên đang trở thành hiện thực và bước thứ ba có nhiều triển vọng.

Như vậy, việc ra đời ACFTA đã tạo cơ sở cho việc thiết lập sự liên kết ASEAN+3, nó thúc đẩy kinh tế Đông Á phát triển theo hướng nhất thể hóa. Ngay khi Hiệp định về ACFTA được ký kết, nó đã kích thích mạnh mẽ các sáng kiến hợp tác khu vực toàn Đông Á. Từ sáng kiến hợp tác ASEAN+3 năm 1997 đến "Tuyên bố chung hợp tác Đông Á" giữa ASEAN với ba nước Đông Á năm 1999 đã từng bước hiện thực hóa sự liên kết toàn Đông Á. Thậm chí, Thủ tướng Hàn Quốc còn phát biểu rằng, Đông Á cần lập ra AMF để thay thế sự phụ thuộc vào IMF và cuối cùng cần tiến đến một Liên bang chặt chẽ kiểu EU. Sau khi ACFTA được ký kết, thủ tướng Nhật Bản đã hoan nghênh sự kiện này và coi đây là bước phát triển của cơ chế hợp tác ASEAN+1 và là lộ trình để tiến tới thể chế hóa hợp tác toàn Đông Á.

Trong chuyến thăm các nước Đông Nam Á năm 2002, Thủ tướng Nhật Bản Koizumi đã đưa ra ý tưởng về một Cộng đồng kinh tế Đông Á để thay thế cho cơ chế ASEAN+3. Còn Thủ tướng Malaixia lại kêu gọi thành lập *Nhóm kinh tế Đông Á* để thay thế cho ASEAN+3. Ông

tuyên bố rằng: "Chúng ta cần phải chấm dứt việc núp sau danh nghĩa giả mạo ASEAN+3 để tự gọi mình là *Tổ chức kinh tế Đông Á*"[1].

Sự ra đời ACFTA ảnh hưởng tới sự phát triển của toàn khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhất là Đông Á, thúc đẩy hợp tác ASEAN+3 sâu sắc hơn để tiến tới hình thành một không gian kinh tế thống nhất ở khu vực. Như thế, với việc ra đời và tiến triển tích cực của ACFTA, thì việc nhất thể hóa kinh tế Đông Á sẽ trở thành hiện thực trong tương lai nếu kinh tế khu vực vẫn phát triển tốt và trong khu vực không có sự biến động lớn về kinh tế, chính trị, an ninh. Với tầm vóc kinh tế ngày càng lớn mạnh, với tính độc lập, tính tự tôn khu vực và những thay đổi to lớn của tình hình khu vực và thế giới, chắc chắn Đông Á sẽ hướng tới sự liên kết ngày càng chặt chẽ hơn.

Hợp tác Đông Á thể hiện ý thức tự chủ, nhu cầu tập hợp lực lượng để nâng cao vị thế của Đông Á trên thế giới. Chủ nghĩa khu vực ở Đông Á còn nhằm tạo ra vị thế riêng của Đông Á trong APEC, ngăn chặn sự thao túng quá lớn của WTO do Mỹ và EU kiểm soát. Thông qua việc thành lập EAFTA thì khu vực này sẽ có ảnh hưởng và vị thế đủ lớn trong hợp tác và cạnh tranh cùng có lợi với một EU và một NAFTA đang ngày càng lớn mạnh.

---

[1] Nguyễn Xuân Thắng: *Sự điều chỉnh chiến lược hợp tác khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong bối cảnh quốc tế mới*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 2004. tr.80.

- ACFTA ra đời có tác động tới sự phân hóa giàu nghèo và khoảng cách phát triển giữa các quốc gia trong khu vực

Xu thế khu vực hóa ở châu Á - Thái Bình Dương mà bước đầu là sự hình thành các khu vực mậu dịch tự do đã phản ánh bức tranh kinh tế sôi động của khu vực, thuận theo lôgíc của tiến trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Vì thế, AFTA ra đời vừa phù hợp với xu thế hội nhập ở châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời nó có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của các thành viên và toàn vực Đông Á, có lợi cho mỗi thành viên khi tham gia vào hợp tác và cạnh tranh trong nền thương mại đa phương ở khu vực và thế giới. Với một thị trường lớn, một khu vực giàu tiềm năng phát triển và bao gồm những nền kinh tế khá đa dạng về trình độ phát triển, ACFTA có thể giúp các nền kinh tế thành viên bổ sung lẫn nhau trong quá trình phát triển. Sáng kiến hội nhập ASEAN (IAI) do ASEAN đề xướng và được Trung Quốc trợ giúp có thể giúp thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên.

Sự thông thoáng về giao lưu thương mại, đầu tư và du lịch trong khối cũng thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở các vùng biên giới các nước thành viên. Điều đó góp phần quan trọng làm giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo giữa các nước và giữa các vùng trong nội bộ mỗi nước. Thu hẹp khoảng cách phát triển và giảm bớt phân hóa giàu nghèo giữa các

nước thành viên là điều kiện quan trọng đảm bảo cho sự liên kết và hội nhập sâu hơn, hiệu quả hơn trong ACFTA.

Tuy nhiên, cần thấy rằng ACFTA là loại hình hợp tác Nam - Nam. Loại hình này thường làm gia tăng khoảng cách phát triển kinh tế giữa các nước thành viên bởi tính bổ sung cho nhau không lớn mà tính cạnh tranh lại cao. Tất cả các thành viên trong ACFTA đều là các nước đang phát triển, đều có nhu cầu rất lớn về thu hút vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Trình độ phát triển của các nước khá tương đồng, cơ cấu ngành và hàng hóa lại tương đối giống nhau. Do đó, sự cạnh tranh giữa các nước là rất gay gắt. Với lợi thế về nhiều mặt, Trung Quốc sẽ có sức hút mạnh mẽ đối với đầu tư nước ngoài. Một khả năng là phần lớn đầu tư nước ngoài sẽ chảy vào Trung Quốc. ASEAN sẽ bị thua thiệt và việc giữ các nhà đầu tư có mặt trên lãnh thổ của mình cũng là điều khó khăn.

Ngoài ra, do lợi thế cạnh tranh của ASEAN kém hơn Trung Quốc nên Trung Quốc có thể lấn át thị trường hàng hóa và dịch vụ của ASEAN. Bên cạnh đó, ngay trong nội bộ ASEAN, sự phát triển và lợi thế cạnh tranh cũng rất khác biệt giữa các thành viên. Cho nên, ACFTA hình thành cũng có thể làm gia tăng khoảng cách phát triển và sự phân hóa giàu nghèo giữa các thành viên, giữa các nhóm nước và các vùng. Hơn nữa, nếu các đối tác ngoài khối biết khai thác triệt để quan hệ thương mại và đầu tư với khối này theo hướng tập

trung vào các thành viên có lợi thế hơn thì đó lại là một nhân tố thúc đẩy gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các thành viên trong khối nói riêng và ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Để giải quyết thách thức này, ngoài nỗ lực của các nước kém phát triển hơn, còn cần đến sự hợp tác giúp đỡ của các thành viên phát triển hơn trong khối và một chiến lược hợp tác đa dạng với các đối tác ngoại khối của ASEAN nhằm tạo thế cạnh tranh mới đối với một Trung Quốc đang ngày càng trỗi dậy mạnh mẽ.

2. Tác động đối với Việt Nam

Là một thành viên của ASEAN, lại là một nước láng giềng có đường biên giới chung khá dài với Trung Quốc, việc hình thành ACFTA sẽ là cơ hội lớn để Việt Nam tăng cường hợp tác toàn diện với Trung Quốc. Xuất phát từ những nội dung của Hiệp định về ACFTA, xuất phát từ đặc điểm kinh tế xã hội và quá trình hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc trong thời gian qua, việc hình thành ACFTA được đánh giá sẽ tác động đáng kể đến mối quan hệ hợp tác Việt - Trung, nhất là vùng biên giới và dải ven biển Móng Cái - Hải Phòng với Trung Quốc cả mặt tích cực lẫn tiêu cực.

**** Một số tác động tích cực***

- Cơ hội lớn cho hàng Việt Nam vào Trung Quốc

Thực hiện theo chương trình EHP của "Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện" giữa ASEAN và Trung Quốc,

Chính phủ Việt Nam đã ban hành *Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam cho các năm 2004-2008* với việc giảm 484 dòng thuế nhập khẩu các mặt hàng nông, thuỷ sản. Cũng theo lộ trình này, Trung Quốc cũng phải cắt giảm 536 dòng thuế đối với hàng nhập khẩu từ Việt Nam. Việt Nam là nước được đánh giá có lợi thế nhất khi thực hiện EHP.

Theo kế hoạch, ACFTA sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm. Trung Quốc và 6 nước ASEAN phát triển cao hơn sẽ hoàn thành các cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ và đầu tư sớm hơn 5 năm bắt đầu từ ngày 1-1-2005 và hoàn thành vào năm 2010. Bốn nước còn lại (trong đó có Việt Nam) phát triển thấp hơn sẽ hoàn thành lịch trình vào năm 2015. Để khuyến khích các nước ASEAN tiếp tục xây dựng khu vực tự do với mình, Trung Quốc đã đề nghị một chương trình EHP kéo dài trong 3 năm. Đây là sự nhượng bộ của Trung Quốc để tạo điều kiện thuận lợi cho các nước ASEAN thông qua việc cắt giảm thuế quan đối với một số mặt hàng nông sản và hàng tiêu dùng sản xuất trong khối.

Theo chương trình EHP, thời gian thực hiện và cắt giảm thuế xuống 0% sẽ sớm hơn và nhanh hơn so với lộ trình 10 năm xây dựng ACFTA. Đối với Việt Nam, thời gian thực hiện cắt giảm sẽ bắt đầu từ 1-1-2004 đến hết năm 2008. Mức thuế suất cắt giảm quy định cho từng năm theo từng nhóm mặt hàng phân theo mức thuế suất MFN ở thời

điểm 1-7-2003. Tổng hợp chung vào năm 2004, các nước ASEAN - 6 và Trung Quốc sẽ có mức thuế suất không quá 10%, Việt Nam không quá 20% đối với mặt hàng thực hiện EHP. Các mặt hàng tham gia EHP là những mặt hàng các nước có lợi thế, có khả năng xuất khẩu sang Trung Quốc và ngược lại. Vì vậy, nó sẽ đem lại lợi ích ngay khi thực hiện EHP. Các chuyên gia kinh tế cho rằng: Việt Nam được đánh giá là nước có lợi thế nhất khi thực hiện EHP. Hầu hết các mặt hàng tham gia EHP của Việt Nam đều có lợi thế xuất khẩu và có khả năng tăng xuất khẩu theo chương trình EHP. Việt Nam sẽ xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu không chỉ đối với thị trường Trung Quốc mà còn đối với các nước thành viên ASEAN.

Thực hiện theo cam kết, Việt Nam đã cắt giảm 376 dòng thuế, cụ thể nhóm hàng thuế suất trên 30% xuống còn 20%; nhóm 15-30% xuống 10%; nhóm dưới 15% xuống 5%. Trong năm 2004, các nhóm mặt hàng có thuế suất 15% xuống 10%; nhóm từ 5-10% xuống 5 % và nhóm dưới 5% được hưởng mức thuế 0%. Cũng theo lộ trình này Việt Nam dự kiến sẽ có 484 mặt hàng (từ chương 1 đến chương 8 trong biểu thuế hiện hành) sẽ cắt giảm đến năm 2008. Những mặt hàng còn lại (chừng 26 mặt hàng) còn cần phải bảo hộ nên được quyền chưa tham gia EHP.

Theo thống kê của Bộ Tài chính, có 2 nhóm mặt hàng chủ lực trong EHP mà Việt Nam xuất khẩu nhiều, gồm các

nhóm mặt hàng thủy sản và hoa quả tươi, hạt điều. Thuế nhập khẩu hiện nay của Trung Quốc đối với nhóm hàng thủy sản phần lớn là từ 12-21% sẽ giảm xuống 10% và 5%. Thuế nhập khẩu của các mặt hàng hoa quả tươi có khung thuế suất là 12-30% và phần lớn là trên 20% sẽ giảm xuống 10% và 5%. Đây chính là lợi thế để các mặt hàng thủy sản, hoa quả tươi của Việt Nam tăng kim ngạch xuất khẩu vào Trung Quốc. Ông Dư Tiểu Đông, Trưởng Ban Thông tin kinh tế của Ủy ban Xúc tiến mậu dịch quốc tế Trung Quốc cho biết, hiện nay Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn thứ ba và là nơi có nguồn nhập khẩu lớn thứ nhất của Việt Nam. Ngược lại, Việt Nam được xếp vào hàng thứ 27 trong số bạn hàng ngoại thương của Trung Quốc. Hai nước có rất nhiều điểm bổ sung lẫn nhau trong lĩnh vực kinh tế thương mại, nhiều sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như trái cây, cao su, dầu cọ... đều có thị trường tiêu thụ lớn ở Trung Quốc. Theo ông Dư Tiểu Đông, phía Tây Trung Quốc so với các khu vực kinh tế phát triển khác tương đối lạc hậu nên doanh nghiệp Việt Nam có rất nhiều cơ hội để thâm nhập thị trường này, đặc biệt là các sản phẩm thủy hải sản và trái cây nhiệt đới. Một số chuyên gia kinh tế cho rằng, riêng thị trường Quảng Tây mỗi năm cần nhập tới 100.000 tấn hải sản, nếu xuất tươi sống thì giá trị sẽ tăng hơn. Từ 1-2 năm nay, Trung Quốc đã miễn bỏ thuế nhập khẩu với 300 loại nông sản phẩm của Việt Nam, Lào, Mianma và Campuchia. Tới đây, ACFTA đi vào hoạt động (muộn nhất

là trước năm 2010), thị trường 1,3 tỷ người tiêu dùng này sẽ là mảnh đất màu mỡ với những doanh nghiệp biết làm ăn. Ông Dư Tiểu Đông khẳng định: Với những thuận lợi như vậy, mục tiêu 5 tỷ USD kim ngạch xuất nhập khẩu vào năm 2005 và 10 tỷ USD vào năm 2010 được đánh giá là không ngoài tầm tay. Nếu áp dụng thuế biên mậu đối với các mặt hàng tiểu ngạch thì thuế EHP cũng có lợi hơn.

Tuy nhiên cũng cần phải nhìn nhận từ một thực tế là nông sản là mặt hàng có tính thời vụ, giá cả phụ thuộc vào sản lượng thu hoạch và điều kiện thời tiết. Vì thế, Việt Nam cần tranh thủ để xuất khẩu mặt hàng nông, thuỷ sản. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam phần lớn vẫn chỉ xuất khẩu hàng nông sản chưa qua chế biến, hoặc mới dừng ở khâu sơ chế. Vì vậy, giá hàng hóa nông sản phụ thuộc rất nhiều vào giá cả thị trường nông sản chung trên thế giới, mà mức giá này lại biến động mạnh trong thời gian qua. Để giảm thiểu rủi ro này, các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến nông, thủy sản cần tập trung vào việc xuất khẩu hàng đã qua chế biến, chú ý đến bao bì và đóng gói sản phẩm, xây dựng thương hiệu hàng nông - thủy sản chế biến của Việt Nam. Về tổng thể Việt Nam đang nhập siêu từ Trung Quốc, nhưng đối với những mặt hàng cam kết theo chương trình EHP thì Việt Nam đang xuất siêu sang thị trường này. Bởi vậy, EHP có hiệu lực sẽ tạo thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam vào Trung Quốc. Chương trình này sẽ mang lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam khoảng 40-50 triệu USD mỗi năm.

Khi ACFTA được thực hiện, Việt Nam cũng có cơ hội là nơi trung chuyển hàng hóa của một số nước ASEAN sang Trung Quốc và ngược lại. Nhưng muốn vậy, chúng ta phải có bước chuẩn bị sẵn sàng trong các vấn đề dịch vụ. Một số tỉnh biên giới phía Bắc sẽ có những thế mạnh khá lớn về địa lý như Lạng Sơn. Hiện kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn Lạng Sơn mỗi năm cũng đã đạt con số 1 tỷ USD. Riêng mặt hàng hoa quả tươi, 3 tháng đầu năm 2004 đã xuất khẩu qua cửa khẩu này đạt khoảng 300 tỷ đồng; nhập khẩu 2,2 tỷ đồng. Lạng Sơn sẽ trở thành đầu mối giao lưu chính ngạch không chỉ giữa Trung Quốc - Việt Nam mà còn cả Thái Lan, Lào, Campuchia. Theo dự đoán của các chuyên gia, lượng hàng hóa từ ba nước Đông Nam Á này sẽ qua Lạng Sơn đi Trung Quốc tăng nhiều hơn so với hiện nay. Việc hội nhập sẽ giúp cho các doanh nghiệp tận dụng thị trường 1,3 tỷ dân của Trung Quốc, với nhiều thành phần có thu nhập khác nhau, phù hợp với mức tiêu thụ hàng hóa có giá cả chất lượng khác nhau. Hiện nay, Trung Quốc đang khuyến khích người dân làm giàu, đã xuất hiện những câu khẩu hiệu: Giàu là vinh quang... Chính vì vậy nó càng phân khúc thị trường đa dạng, phong phú. Việc trùng ngành hàng chưa hẳn là điều đáng lo vì lãnh thổ Trung Quốc rộng lớn, chúng ta có thể khai thác ưu thế về vận chuyển, cự ly tiêu thụ... Cụ thể như về than đá, dù Trung Quốc là một nước xuất khẩu than đá lớn nhất thế giới nhưng lượng than đá chúng ta xuất sang Trung Quốc

chiếm tỷ lệ 50% sản lượng than của ta. Vì than đá Trung Quốc vận chuyển từ Đông Bắc đến các tỉnh phía Nam làm giá thành tăng gấp đôi, trong khi đó vận chuyển từ Hòn Gai (Việt Nam) đến rẻ hơn nhiều.

- ACFTA tác động đến tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo đói của khu vực ven biên giới

Hiệp định khung ASEAN - Trung Quốc hướng tới việc cắt giảm và dần dần dỡ bỏ rào cản thuế quan và phi quan thuế đối với các hoạt động kinh doanh thương mại và đầu tư giữa các nước thành viên và do vậy buôn bán qua biên giới Việt - Trung sẽ tự do hơn và thông thoáng hơn với mức thuế suất ngày càng giảm và tiến tới bằng 0. Ngay sau khi Hiệp định về ACFTA có hiệu lực, những nước thành viên ASEAN không phải thành viên của WTO như Việt Nam đã được hưởng chế độ tối huệ quốc của Trung Quốc. Ngoài ra, thực hiện EHP cũng tạo cho Việt Nam nhanh chóng thâm nhập vào thị trường Trung Quốc với mức ưu đãi thuế quan đặc biệt với lộ trình sớm hơn thời hạn của Hiệp định đề ra. Điều kiện này chính là động lực thúc đẩy hợp tác biên giới và dải ven biển Móng Cái - Hải Phòng với Trung Quốc ngày càng phát triển với quy mô lớn hơn.

Việc mở cửa biên giới Việt - Trung, tăng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước sẽ tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế xã hội của các tỉnh biên giới và dải ven biển Móng Cái - Hải Phòng trên các mặt sau:

+ Thúc đẩy sản xuất trong nước góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế khu vực biên giới.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế các tỉnh có hoạt động biên mậu theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ và xây dựng, do nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng đô thị... đáp ứng cho quá trình giao lưu kinh tế biên giới trên quy mô ngày càng lớn.

+ Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng kinh tế cá thể do một bộ phận lớn nhân dân bỏ nghề nông và các nghề có thu nhập thấp sang buôn bán qua biên giới.

Song song với quá trình chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế là chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng nhanh tỷ lệ lao động thương mại - dịch vụ, tăng nhanh dân số đô thị và giảm dân số nông thôn.

+ Xoá đói giảm nghèo, cải thiện cơ bản mức sống dân cư vùng biên: nhà ở được xây dựng mới và nâng cấp do tăng thu nhập từ buôn bán qua biên giới; phương tiện nghe nhìn, giao thông, bưu chính viễn thông được trang bị đầy đủ hơn.

+ Có điều kiện thuận lợi tăng cường khai thác, phát triển du lịch song phương với các địa phương của Trung Quốc.

- ACFTA sẽ tạo điều kiện tận dụng những đặc điểm chung giữa các nước láng giềng ASEAN và Trung Quốc để phát triển thương mại đường biên

Tác động tích cực dễ nhận thấy nhất là trong quá trình

hợp tác sẽ dẫn tới quá trình thông thương qua biên giới thoáng, điều này sẽ làm giảm chi phí đầu vào trong sản xuất các loại hàng hóa và dịch vụ do khoảng cách về địa lý gần giữa các nước láng giềng nằm kề nhau, do các quy định giảm thuế giữa các nước thành viên cùng nằm chung trong một khu vực mậu dịch tự do, do Trung Quốc dành những ưu đãi riêng về thương mại và đầu tư cho các khu vực vùng biên. Nhờ đó mà các nước đều tiết kiệm được chi phí, thời gian vận chuyển, chi phí kho bãi lưu giữ hàng....

Mặt khác, ACFTA sẽ tạo điều kiện để phát triển các dự án thương mại và đầu tư đường biên giữa các nước láng giềng ASEAN và Trung Quốc trên nhiều phương diện. Các nước láng giềng cạnh nhau thường có các con đường chung (đường bộ, đường sông, đường biển...), có những dãy núi chung, thềm lục địa chung mà trước đây cũng như hiện nay đã từng là nguyên nhân tranh chấp biên giới. Nhưng trong tương lai, khi các nước láng giềng cùng ý thức được rằng, sự tranh chấp biên giới chỉ gây tổn thất nặng nề về tiền của, nhân lực và dễ tạo điều kiện cho các thế lực bên ngoài can thiệp, rằng nếu tạo được bầu không khí hợp tác khu vực thì sẽ biến những điểm chung của một nước thành chương trình hợp tác chung để đạt hiệu quả cao trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh và nền hoà bình khu vực. ACFTA sẽ vừa là sân chơi, vừa là bàn đàm phán, vừa là trọng tài cho các thành viên để đi tới

những vấn đề chung, có lợi cho tất cả các bên, mà điều quan trọng nhất là ổn định để cùng phát triển.

- ACFTA tạo điều kiện để giải quyết các tranh chấp thương mại, lãnh thổ, chủ quyền, biên giới một cách xây dựng

Các quy định của Hiệp định hợp tác ACFTA là nền tảng pháp lý để quản lý khu vực biên giới, thúc đẩy quan hệ song phương, duy trì và củng cố nền hoà bình, sự ổn định và thúc đẩy hợp tác trong khu vực. Thúc đẩy thương mại mạnh hơn cũng có nghĩa là cơ hội cho các tranh chấp thương mại nảy sinh. Nếu để mặc chúng thì những tranh chấp này có thể dẫn đến những xung đột nghiêm trọng. Ngoài ra, trong quá trình buôn bán kinh doanh cũng không tránh khỏi động chạm đến ba vấn đề lớn đang tồn tại trong quan hệ về biên giới lãnh thổ giữa Việt Nam, một số nước ASEAN và Trung Quốc: 1) Xác định đường biên giới đất liền; 2) Phân định Vịnh Bắc Bộ; 3) Xác định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng biển liên quan ở biển Đông. ACFTA là nhân tố tích cực có thể giúp giải quyết những tranh chấp này thông qua đàm phán hoà bình.

Đồng thời, ACFTA có thể góp phần bảo đảm an ninh biên giới chung giữa các nước láng giềng ASEAN và Trung Quốc. Sự hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc sẽ tạo ra một sức mạnh về kinh tế, quân sự đáng kể góp phần tăng lợi thế trong đàm phán với các nước ở khu vực khác và trên

thế giới. Đây chính là một đảm bảo an ninh chung cho tất cả các nước trong khu vực mà không phải nhờ cậy vào sự giúp đỡ bên ngoài, sự can thiệp của các tổ chức quốc tế.

- ACFTA tác động đến chiến lược kinh doanh, nâng cao năng lực cán bộ và phát triển du lịch

Việc đặt quan hệ hợp tác kinh tế ASEAN - Trung Quốc ở tầm Chính phủ sẽ tạo lòng tin cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xây dựng chiến lược kinh doanh mở rộng sang thị trường Trung Quốc - một thị trường tiềm năng mà nhiều nước trên thế giới dù mạnh hoặc yếu, dù xa hoặc gần đều muốn thâm nhập. Nhu cầu hợp tác thương mại mậu dịch ở cấp Chính phủ thông qua các hiệp định chung của ACFTA là một nhu cầu bức xúc mà các nước láng giềng dành cho những ưu đãi về thuế quan, thủ tục nhập hàng, thanh toán trực tiếp qua ngân hàng của hai nước tại khu vực biên giới, nhất là đối với mặt hàng nông sản.

Mặt khác, sự tiến triển của tiến trình thực hiện ACFTA tạo cơ hội nâng cao năng lực cán bộ hoạt động thương mại biên giới. Để đáp ứng quá trình hội nhập kinh tế do ACFTA đặt ra, đội ngũ cán bộ hoạt động kinh tế biên mậu và cán bộ quản lý tại các tỉnh ven biên giới cần phải được chuẩn hóa. Do vậy, đây là cơ hội để các cán bộ có thể tham gia các khóa huấn luyện nghiệp vụ, nâng cao tay nghề và bằng cấp do Nhà nước đầu tư.

Việc hợp tác du lịch giữa Trung Quốc và các nước

ASEAN có ba hướng chủ yếu: du lịch biên giới, du lịch dọc theo sông Mêkông, du lịch giữa vùng Tây Nam Trung Quốc; bán đảo Trung Nam Trung Quốc; vùng ven biển các nước ASEAN. Đây là cơ hội thuận lợi mà Việt Nam có thể tận dụng để phát triển các loại hình du lịch của mình. Tuy nhiên, để thu hút khách du lịch cần phải đơn giản hóa thủ tục xuất nhập cảnh giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, cùng nhau bố trí lộ trình và địa điểm thăm quan, đẩy mạnh việc sản xuất các sản phẩm phục vụ ngành du lịch mang bản sắc dân tộc của từng nước,... Những hoạt động này chỉ có thể được tiến hành thông qua quan hệ hợp tác trong khu vực.

Việt Nam đã tham gia vào AFTA, đồng thời cũng đã bước vào "sân chơi" với Trung Quốc và đang có những bước chuẩn bị tích cực để gia nhập WTO. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra ngày càng sôi động đòi hỏi sự nhanh nhạy của mỗi doanh nghiệp nếu không muốn bị chậm chân, thiệt thòi hoặc loại khỏi cuộc chơi.

**** Những khó khăn, thách thức***

- Bên cạnh những thuận lợi, Việt Nam với ACFTA vẫn tiềm ẩn những khó khăn, thách thức

- *Một là,* mặc dù triển vọng tăng cường xuất khẩu giữa Trung Quốc và ASEAN là rất lớn, song đối với Việt Nam, cơ cấu kinh tế và cơ cấu hàng hóa trao đổi để dẫn đến tình trạng quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc tiếp tục phát triển theo quan hệ hàng dọc, trong đó Việt Nam xuất

khẩu nguyên liệu, nông lâm thủy sản và nhập khẩu hàng công nghiệp của Trung Quốc (điều này khác với các nước ASEAN - 6 có quan hệ ngang hàng với Trung Quốc, xuất nhập khẩu đều chủ yếu là hàng công nghiệp). Do đó sẽ bất lợi cho Việt Nam cả trong quan hệ thương mại lẫn trong cố gắng công nghiệp hóa nền kinh tế. Hơn nữa, cán cân thương mại giữa Việt Nam - Trung Quốc sẽ tiếp tục phát triển theo hướng Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc ngày càng tăng.

- *Hai là,* sức ép cạnh tranh trên thị trường nội địa Việt Nam sẽ thêm nặng, đặc biệt đối với các ngành công nghiệp trẻ. Các doanh nghiệp Trung Quốc mạnh hơn doanh nghiệp Việt Nam ngay trong các ngành Việt Nam có lợi thế cạnh tranh như dệt may, da giầy, sản xuất hàng tiêu dùng. Đối với các ngành Việt Nam đang mong muốn đi vào phát triển như các sản phẩm công nghệ cao (thiết bị điện tử, công nghệ thông tin...) Trung Quốc đều đã và đang phát triển mạnh, với năng lực cạnh tranh cao. Khi hàng rào thuế và phi thuế quan được hạ thấp, hàng hóa và doanh nghiệp Trung Quốc sẽ dễ dàng thâm nhập vào thị trường Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam sẽ rất vất vả để có thể đứng vững trên thị trường nội địa. Vì vậy, để tận dụng được lợi thế và cân bằng lợi ích quốc gia trong quá trình hội nhập thì các nhà sản xuất và hoạt động xuất khẩu phải tận dụng tối đa chương trình EHP, đồng thời các doanh nghiệp sản xuất thiết bị may mặc và các mặt hàng tiêu dùng phải có những

chiến lược điều chỉnh sản xuất kinh doanh thích hợp cả về chất lượng và giá thành. Mặt khác, hàng tiêu dùng Việt Nam dường như khó chen chân sâu vào nội địa Trung Quốc, đặc biệt gặp khó khăn khi xuất hàng bằng con đường chính ngạch. Tuy nhiên, Việt Nam đã có nhiều mặt hàng tiêu dùng được thị trường Trung Quốc chấp nhận. Tại các thành phố lớn ở Trung Quốc đã có mặt hàng công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng của Việt Nam như nước hoa của mỹ phẩm Sài Gòn, giày dép Biti's, nệm Kymdan, kẹo Hải Hà, bánh đậu xanh Quê Hương, trà khổ qua của Cầu Tre, mít khô Vinamit, sản phẩm bóng Động Lực, một số dụng cụ thể thao… Ngay như cà phê Trung Nguyên cũng đã có tại Bắc Kinh, Thượng Hải và một số thành phố lớn khác. Điều đáng chú ý là nhiều người dân Trung Quốc cho rằng, hàng Sài Gòn tốt do người nước ngoài đầu tư nhiều, phù hợp với người sành điệu. Tuy vậy, có một thực tế cần khắc phục là khi thị trường Trung Quốc cần số lượng lớn thì chúng ta không đủ để đáp ứng.

Ba là, giao thông Việt Nam đang bị "thắt nút cổ chai": Mức độ chậm chạp và quá tải về nhu cầu giao thông đường sắt, đường bộ đang ngày càng bộc lộ rõ nét, gây sự kìm hãm "thắt nút cổ chai". Đây là vấn đề cần đột phá đầu tiên, không chỉ đáp ứng nhu cầu buôn bán ngày càng tăng cao mà còn phục vụ nhu cầu vận tải quá cảnh hàng hóa của Trung Quốc và ASEAN. Vì vậy, Chính phủ cũng cần có những giải pháp thu hút các nhà đầu tư Trung Quốc và các

nước ASEAN đến đầu tư tại các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp cùng nhau khai thác cơ hội kinh doanh tại thị trường Đại Tây Nam của Trung Quốc.

Bốn là, khó khăn trong cạnh tranh thu hút FDI. Sau khi gia nhập WTO, lượng FDI được thu hút vào Trung Quốc đã tăng lên đáng kể, chiếm khoảng 75% tổng FDI vào châu Á. ACFTA được thành lập sẽ tạo lợi thế nhiều hơn nữa cho Trung Quốc thu hút nguồn FDI trên thế giới, Việt Nam sẽ phải đối đầu với sự cạnh tranh quyết liệt này, nhất là trong điều kiện môi trường đầu tư của Việt Nam kém sức cạnh tranh so với Trung Quốc.

Năm là, cạnh tranh trong huy động nguyên liệu cho sản xuất trong nước, giảm thiểu giá trị trong nước. Do chưa thấy rõ lợi ích lâu dài của quá trình tự do hóa thương mại trong hội nhập nên nhiều cá nhân và tổ chức kinh tế Việt Nam khi thấy việc buôn bán qua biên giới tương đối thuận lợi hơn do thuế quan thấp, đi lại dễ dàng sẽ rất có thể vì lợi ích trước mắt mà chỉ tham gia xuất khẩu những mặt hàng ở dạng nguyên liệu thô chưa qua chế biến gây thiệt hại về giá, công ăn việc làm cho các cơ sở chế biến trong nước, giảm thiểu giá trị chế biến trong nước, đồng thời làm ảnh hưởng tới môi trường sinh thái.

Sáu là, buôn bán hàng cấm, hàng tồn hại đến sức khỏe con người và an ninh quốc gia, các tệ nạn xã hội có khả

năng tăng do nới lỏng quản lý buôn bán biên giới. Việc mở cửa đến các tỉnh biên giới làm ăn sinh sống, cũng có thể tạo điều kiện thuận lợi cho tham nhũng, tội phạm và các tệ nạn phát triển. Đối với công tác quản lý trong điều kiện mở cửa biên giới là phải nâng cao năng lực cán bộ quản lý, đổi mới thể chế quản lý xã hội cho phù hợp với điều kiện hội nhập.

Bảy là, các doanh nghiệp còn ít hiểu biết về kinh tế và các quy định về thể chế chính sách của Trung Quốc. Trong quá trình hội nhập nói chung và khi hội nhập vào ACFTA nói riêng, việc thực hiện nghĩa vụ thành viên sẽ kéo theo việc huỷ bỏ một loạt văn bản pháp luật đã lỗi thời và ra đời một loạt văn bản pháp luật mới tuân theo các nguyên tắc của các tổ chức mà nước thành viên đã chấp nhận tham gia. Nếu các doanh nghiệp Việt Nam không kịp thời cập nhập các thông tin về chính sách mới thì không những không tận dụng được những ưu đãi dành cho mình mà còn sẽ bị sốc, không kịp trở tay để ứng phó trước tình hình mới do đưa những hàng chưa đúng quy định mới ra cửa khẩu với khối lượng lớn để xuất khẩu.

*

*   *

Thực hiện ACFTA sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển về kinh tế xã hội cho Việt Nam, nhất là đối với vùng biên giới và dải ven biển Móng Cái - Hải Phòng, song cũng có nhiều thách thức không nhỏ, đòi hỏi có những đối sách

thích hợp. Việc thiết lập ACFTA là một thành công lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của cộng đồng các nước ASEAN và Trung Quốc. Thực hiện "Hiệp định chung về hợp tác kinh tế toàn diện" giữa ASEAN và Trung Quốc sẽ đem đến cho mỗi quốc gia thành viên nhiều cơ hội phát triển và những thách thức to lớn. Tuy nhiên, thách thức được xử lý tốt sẽ có thể biến thành cơ hội và ngược lại, có cơ hội mà không tận dụng cũng không thể thành công.

Trong quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc, Việt Nam cùng các nước sẽ cố gắng tập trung vào hợp tác trên các lĩnh vực có lợi thế phát triển. Việt Nam sẵn sàng là một "đầu cầu và cửa ngõ" cho khu vực thương mại tự do. Do vậy, Việt Nam sẽ cần có những chính sách và cơ chế phù hợp với tính chất "đầu cầu và cửa ngõ" của khu vực trong quá trình thực hiện ACFTA.

Chương 5

TRIỂN VỌNG CỦA KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC VÀ VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM

1. Thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển của ACFTA

**** Một số thuận lợi***

- Về lịch sử quan hệ và văn hóa

Các nước ASEAN và Trung Quốc từ rất sớm trong lịch sử đã có mối quan hệ mật thiết về dân tộc, về văn hóa và có sự hiểu biết lẫn nhau khá sâu sắc. Trung Quốc, Xingapo, Việt Nam đều thuộc vùng văn hóa Nho giáo. Ở một số nước khác cũng có một bộ phận chịu ảnh hưởng của vùng văn hóa này. Sự tương đồng văn hóa là một yếu tố thuận lợi cho sự phát triển bổ sung cho nhau về nhiều mặt. Trên thực tế, Trung Quốc và các nước ASEAN thông qua nhiều con đường giao lưu dân gian, giao lưu văn hóa lâu đời, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đó là yếu tố thuận lợi cho việc thực hiện ACFTA và là cơ sở quan trọng để cho hai bên tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị trong giai đoạn lịch sử mới.

Mặt khác, cả Trung Quốc lẫn ASEAN không những có nhiều nét tương đồng về văn hóa mà còn có chung thân phận lịch sử, đều từng chịu sự xâm lược và thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây, vì vậy hai bên đều hiểu rất rõ về giá trị của nền chính trị độc lập. Điều đó khiến Trung Quốc và các nước ASEAN xích lại gần nhau hơn. Đặc biệt, sau Hội nghị Á - Phi ở Băngđung (Inđônêxia) năm 1954, hai bên nhấn mạnh việc phát triển quan hệ với nhau trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi. Từ năm 1954 đến nay, các nước ASEAN và Trung Quốc đã khôi phục và thiết lập quan hệ ngoại giao, do đó việc tăng cường và mở rộng quan hệ văn hóa - xã hội, khoa học, kinh tế giữa ASEAN và Trung Quốc ngày càng được thúc đẩy, tuy vẫn còn tồn tại một số bất đồng về biên giới lãnh thổ, trong đó có vấn đề tranh chấp chủ quyền ở biển Đông. Hiện nay, hai bên đã ký Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông, nhằm tiến tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử ở biển Đông, mở đường cho một giải pháp cơ bản, lâu dài đối với các tranh chấp phức tạp tại đây. Ngoài ra, hai bên đã ký kết Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống. Những tuyên bố trên đánh dấu sự củng cố lòng tin về chính trị - an ninh giữa ASEAN và Trung Quốc đã phát triển lên một bước mới, tạo cơ sở và là điều kiện đảm bảo quan trọng cho việc thực hiện lộ trình ACFTA nói riêng và cho việc bảo vệ hòa bình ổn định ở khu vực nói chung.

- Về địa lý

Phía Đông Nam Trung Quốc giáp với nhiều nước ASEAN. Chính sự gần gũi về mặt địa lý này tạo không gian thuận lợi cho sự phát triển của quan hệ hợp tác trong khuôn khổ khu vực mậu dịch tự do giữa hai bên. ASEAN không tạo nên mối đe dọa với Trung Quốc và Trung Quốc có khả năng sẽ tăng cường được ảnh hưởng, đồng thời có thể khẳng định vị trí nước lớn của mình thông qua sự phát triển quan hệ với ASEAN. Xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị với các nước xung quanh, chính là khâu quan trọng trong bố cục chiến lược của Trung Quốc và đang là cơ sở tốt cho việc mở rộng hợp tác văn hóa - xã hội, kinh tế - xã hội hơn nữa giữa bên trong tương lai.

Do vị trí địa lý gần gũi, nên giao thông đi lại tương đối thuận tiện. Đặc biệt là tuyến đường bộ Băng Cốc - Côn Minh và tuyến đường sắt xuyên Á Xingapo - Côn Minh được khai thông sẽ góp phần quan trọng làm giảm chi phí vận chuyển đối với con người và hàng hóa. Từ đó làm cho mối quan hệ buôn bán, du lịch, đầu tư giữa Trung Quốc và ASEAN ngày càng thuận lợi và tăng cường.

- Về mặt kinh tế

Trung Quốc và đa số các nước trong khối ASEAN đều là những quốc gia đang phát triển đã và đang xây dựng, phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, đều có mục tiêu chung là coi trọng phát triển kinh tế, cố gắng tránh những

ảnh hưởng tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế. Mặt khác, nền kinh tế của Trung Quốc và ASEAN hiện có tính bổ sung cho nhau tương đối rõ rệt. Ngoài ra, nền kinh Trung Quốc đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao liên tục và sẽ tiếp tục duy trì một thời gian tiếp theo. Kinh tế của các nước ASEAN sau khi trải qua khủng hoảng năm 1997, hiện nay dần được phục hồi; riêng Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao và ổn định. Đó là tiền đề rất cơ bản thúc đẩy cho việc thực hiện tốt lộ trình ACFTA trong những năm tới.

Hiện nay, có trên 20 triệu người Hoa sống ở tất cả 10 nước ASEAN, đồng thời người Hoa còn sinh sống trải rộng trong vành đai kinh tế châu Á - Thái Bình Dương. Người Hoa và các nhà doanh nghiệp Trung Quốc có chung cội nguồn văn hóa, nên giữa họ có sự liên kết tự nhiên trong quá trình hợp tác và hình thành quan niệm "quốc gia" không có ranh giới địa lý. Họ đóng vai trò là chiếc cầu nối về hợp tác văn hóa - xã hội, kinh tế, khoa học - kỹ thuật giữa các nước ASEAN và Trung Quốc.

- Về chính trị

Trung Quốc và ASEAN có nhiều điểm chung về quan điểm đối với các vấn đề quốc tế đương đại. Đặc biệt, sau Chiến tranh lạnh, những xung đột, bất đồng về chính trị và hệ tư tưởng giữa hai bên đã giảm đi rất nhiều. Điều đó khiến cho Trung Quốc và ASEAN xích lại gần nhau hơn

trong việc đánh giá và xử lý các vấn đề trong khu vực và của từng nước. Mặt khác, sự thay đổi mạnh mẽ của tình hình quốc tế đã giúp cho mối quan hệ giữa Trung Quốc với ASEAN nói chung và giữa các nước ASEAN nói riêng phát triển nhanh chóng. Trong những năm gần đây, có thể nói quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN đang ở một giai đoạn tiến triển tốt nhất.

Với các nước ASEAN, Trung Quốc không chỉ là một nước lớn mà còn là một quốc gia có vị thế chính trị quan trọng. Tăng cường hợp tác với Trung Quốc là điều mà tất cả các nước ASEAN đều mong muốn và coi trọng. Trung Quốc mong muốn củng cố quan hệ với ASEAN mặc dù là các nước láng giềng nhỏ bé nhưng năng động hơn về kinh tế và có vị trí chiến lược quan trọng. Đó là hai yếu tố thúc đẩy tích cực mối quan hệ ASEAN - Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Thực tế cho thấy, hiện nay các nước ASEAN và Trung Quốc đều cải thiện và phát triển quan hệ một cách tích cực và chủ động chứ không phải chỉ là kế sách thích nghi tạm thời. Sự ra đời của ACFTA có thể coi là một thay đổi bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử sâu sắc, đồng thời là kết quả của sự thích ứng và dung hợp với trào lưu phát triển của khu vực và thế giới từ sau Chiến tranh lạnh. Mặt khác, cả hai bên từ sự nhận thức lại lợi ích cụ thể của từng quốc gia, nên đã và đang điều chỉnh chiến lược và sách lược phù hợp. Vả lại,

việc giữ gìn nền hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế ở khu vực không chỉ là lợi ích cụ thể của từng quốc gia ASEAN mà còn bao gồm cả lợi ích to lớn của Trung Quốc và đó cũng chính là mục tiêu hàng đầu của các quốc gia cùng theo đuổi lợi ích chung.

Đối với Trung Quốc, chính sách đối ngoại trong những năm đầu thế kỷ XXI được xác định nhằm phục vụ cho hai nhiệm vụ chiến lược là hiện đại hóa đất nước và "thống nhất Tổ quốc". Trong những thập niên tới, Trung Quốc cần một môi trường hoà bình ổn định để hoàn thành công cuộc hiện đại hóa đất nước và nhiệm vụ trung tâm là xây dựng kinh tế. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đều nhận thức sâu sắc rằng, vị thế của một cường quốc trên thế giới ngày nay trước hết phụ thuộc vào thực lực kinh tế và trình độ khoa học - kỹ thuật... Hướng tới mục tiêu "giàu mạnh" và với phương châm "trước giàu sau mạnh", các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhiều lần tuyên bố và nhấn mạnh rằng: "Hiện nay Trung Quốc không bành trướng xâm lược, sau này giàu mạnh lên cũng sẽ không bành trướng xâm lược", nhằm giảm mối quan ngại của các nước láng giềng, khu vực. Toàn bộ chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI sẽ dựa vào ảnh hưởng chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật để tăng cường quan hệ "song phương" với từng nước trong khối ASEAN, triệt để khai thác những lợi thế cho mình. Do đó, Trung Quốc sẽ kết

hợp sức mạnh quân sự với ảnh hưởng kinh tế, chính trị, văn hóa, thực hiện chính sách ngoại giao khôn khéo, vừa kiên quyết vừa mềm dẻo nhằm có thể đưa ASEAN vào "phạm vi ảnh hưởng" của mình, từng bước làm giảm ảnh hưởng của Mỹ và Nhật Bản.

Ngày 15-12-1997, Hội nghị Thượng đỉnh không chính thức lần thứ hai của ASEAN họp tại Malaixia đã nhất trí thông qua "Tầm nhìn ASEAN năm 2020", theo đó vào năm 2020 "ASEAN sẽ là một nhóm hài hoà các dân tộc Đông Nam Á hướng ngoại, sống trong hoà bình, ổn định và thịnh vượng, gắn bó với nhau bằng quan hệ đối tác, phát triển năng động và là cộng đồng các xã hội đùm bọc nhau... Khu vực ASEAN sẽ thực sự trở thành khu vực hoà bình, tự do trung lập". Người dân và chính phủ các nước Đông Nam Á đều mong muốn khu vực của mình sẽ đi những bước xa hơn, không chỉ là một khu vực hoà bình, an ninh thịnh vượng và phát triển đồng đều, mà còn là khu vực có vị thế cao hơn trong đời sống chính trị, kinh tế quốc tế.

**** Những khó khăn chủ yếu***

Bên cạnh những cơ hội thuận lợi để phát triển, việc thành lập ACFTA cũng đứng trước không ít khó khăn, thách thức. Có thể nêu một số khó khăn, thách thức chủ yếu sau:

Một là, Hiệp định về ACFTA trước tiên đặt ra trước từng nước ASEAN sự thách thức của nguy cơ cạnh tranh cao độ. Cũng giống như Nhật Bản, Trung Quốc chưa mở

cửa thị trường gạo và dầu cọ cho ASEAN. Trong khi họ mua đường của Thái Lan và trở thành nước nhập khẩu khí đốt thiên nhiên của Inđônêxia thì vô số hàng dệt may, xe máy, đồ điện tử giá rất rẻ ồ ạt vào ASEAN, khiến cho hầu như mọi thành viên ASEAN đều đứng trước sức cạnh tranh rất dữ dội.

Trong khi ASEAN chưa sẵn sàng cho thị trường tự do hoàn toàn, thì hàng hóa Trung Quốc giá rẻ đã tràn ngập khiến cho người tiêu dùng quay lưng lại với sản phẩm của chính nước họ. Điều này gây tổn thất cho các nhà sản xuất trong ASEAN và đe dọa đến việc làm của người lao động lành nghề trong khu vực. Những lo ngại này không phải là không có lý. Trung Quốc và các nước ASEAN đều có nguồn lực lao động và nguồn tài nguyên tự nhiên phong phú, trình độ phát triển và cơ cấu ngành về cơ bản là cùng thứ hạng, còn các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản và một số nước công nghiệp mới khác lại đều là đối tác thương mại và nguồn thu hút vốn chủ yếu. Là một khối thống nhất, song ASEAN đã dần dần mất đi địa vị là trung tâm chế tạo giá rẻ của thế giới. Trung tâm này đã dần dần chuyển sang Trung Quốc, cũng có thể chuyển dịch sang Ấn Độ và một số nước khác.

Xét từ cơ cấu xuất khẩu hàng hóa, những năm gần đây, cơ cấu hàng xuất khẩu của ASEAN và Trung Quốc ngày càng giống nhau, do vậy sự cạnh tranh trên thị trường thứ

ba ngày càng quyết liệt. Trong đó, hệ số giữa Trung Quốc và Thái Lan cao nhất, cơ cấu hàng xuất khẩu hai nước giống nhau nhất, mức độ cạnh tranh cũng cao nhất. Xem xét từ hàng xuất khẩu cụ thể cho thấy, hàng hóa của 6 nước ASEAN cũ và Trung Quốc khá tương đồng, tại thị trường thứ ba đã tồn tại sự cạnh tranh nhất định. Những mặt hàng này chủ yếu là dệt may, xuất khẩu hàng hóa cần nhiều lao động, hàng điện tử và cơ điện.

Hai là, ACFTA trên thực tế đẩy các nước ASEAN vào tình trạng bị cạnh tranh dữ dội về đầu tư. Hiện tại, ngay cả khi ACFTA chưa hoàn thành, thì cạnh tranh về thu hút FDI đã diễn ra rất quyết liệt. Năm 1995, ASEAN chiếm 30% tổng FDI vào châu Á, nhưng đến năm 2000, con số này giảm xuống còn 10%; trong khi đó FDI vào Trung Quốc lại tăng từ 14,38% tổng FDI vào châu Á năm 1990 lên 45,9% năm 2001. Làn sóng di chuyển vốn đang diễn ra ồ ạt từ ASEAN sang Trung Quốc. Ví dụ, chỉ trong 6 tháng đầu năm 2002, FDI từ Nhật Bản giảm 31,7% ở Xingapo, 44,4% ở Thái Lan, 31,7% ở Inđônêxia, 55% ở Malaixia và giảm tới 47,6% ở Việt Nam. Trong khi con số này lại tăng mạnh ở Trung Quốc đến 23,2%. ASEAN hiện tại đang chịu sức ép dữ dội từ phía Trung Quốc trên lĩnh vực đầu tư.

Ba là, sức ép cạnh tranh thương mại và đầu tư từ Trung Quốc đè nặng lên các thành viên mới của ASEAN nhiều hơn so với các thành viên cũ. Các thành viên mới này, với

sức sản xuất trong nước còn thấp, khả năng cạnh tranh của hàng hóa còn yếu, việc mở cửa thị trường sẽ có thể làm cho các nền kinh tế này tụt hậu và khoảng cách không được thu nhỏ mà thậm chí còn dãn rộng hơn đối với các thành viên cũ. Điều đó rất bất lợi cho ASEAN.

Bốn là, GDP của Trung Quốc lớn hơn GDP của các nước ASEAN cộng lại, thị trường tiêu thụ của ASEAN chỉ bằng 1/2 của Trung Quốc. Không một quốc gia riêng lẻ nào trong khối có thể so với Trung Quốc, vì vậy, nếu ASEAN không trở thành thực thể thống nhất, ASEAN sẽ bị thiệt hại nhiều hơn là được lợi trong liên minh thương mại với Trung Quốc. Việc thiết lập ACFTA tạo ảnh hưởng tích cực đối với các nước thành viên ASEAN, nhưng điều cần thiết là cần lôi kéo cả sự tham gia của Nhật Bản và Hàn Quốc, vì nếu không thế, Trung Quốc sẽ rất được lợi trên bàn cờ kinh tế này. Họ có nhiều lợi thế và họ có thể khai thác hiệu quả lợi thế của mình.

Năm là, sự khác nhau về chế độ xã hội và trình độ phát triển cũng là nhân tố gây khó khăn trong quá trình thực hiện ACFTA.

Trước hết phải kể đến *sự khác nhau về chế độ xã hội:* Không giống với EU hoặc NAFTA, ACFTA là một khu vực đa nguyên. Sự khác nhau về chính trị, kinh tế, tôn giáo, văn hóa cũng là trở ngại không nhỏ cho việc xây dựng khu vực mậu dịch tự do này. Chế độ xã hội khác nhau, mục tiêu hợp

tác có nhiều điểm không giống nhau, khiến các nước trong khu vực vẫn có thể tiếp tục dùng biện pháp thuế quan hoặc phi thuế quan để hạn chế xuất nhập khẩu một số mặt hàng với lý do an ninh quốc gia, giữ gìn văn hóa và đạo đức xã hội. Các vấn đề quan hệ song phương như tranh chấp lãnh thổ, xung đột tôn giáo, sắc tộc cũng ảnh hưởng nhất định đến giao lưu và hợp tác kinh tế thương mại giữa các nước.

Về sự chênh lệch trình độ phát triển, có thể thấy nếu so với EU, trình độ phát triển giữa các thành viên ACFTA có sự chênh lệch quá lớn. Xingapo có GDP bình quân đầu người/năm là 30.000 USD, thì đối với Mianma và Campuchia con số này chỉ là 260 USD, chênh lệch nhau hơn 100 lần. Hơn nữa, trong số các nước thành viên ACFTA, có những nước đứng vào hàng ngũ các nước công nghiệp phát triển, có những nước đã ở giai đoạn cuối của quá trình này, trong khi có nước đang hoặc chưa bước vào quá trình công nghiệp hóa. Điều đó tất yếu sẽ làm xuất hiện những vấn đề mới trong thực hiện lộ trình ACFTA một khi lợi ích của mỗi thành viên bị đe dọa.

Nhìn chung, với thế và lực của Trung Quốc hiện nay, tự do hóa thương mại ASEAN - Trung Quốc sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các nước ASEAN trước khả năng cạnh tranh cao của hàng hóa và dịch vụ từ Trung Quốc. Nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng, nếu chỉ dừng lại ở mô hình ASEAN+1 thì khó có khả năng đem lại sự thịnh vượng đồng đều cho tất cả các thành viên ASEAN bởi những lý do sau:

+ ASEAN sẽ mất dần thị phần của mình tại thị trường Trung Quốc. Việc ASEAN đạt được thặng dư mậu dịch hiện nay với Trung Quốc là nhờ ở một số mặt hàng nhất định. Tuy nhiên, nguồn xuất khẩu đó không đủ để ASEAN đạt tốc độ phát triển khả quan về lâu dài, trong khi Trung Quốc đang thu hút đầu tư nước ngoài để xây dựng cho mình một hệ thống công nghiệp chế biến vốn là thế mạnh của ASEAN với giá rẻ nhờ lương công nhân thấp. Do đó, trong tương lai, hàng hóa xuất khẩu lợi thế của ASEAN không những khó xâm nhập vào thị trường Trung Quốc mà ngược lại còn bị hàng hóa Trung Quốc chiếm lĩnh hầu hết thị trường của mình nhờ thực hiện ACFTA.

+ Việc hợp tác kinh tế - thương mại giữa ASEAN - Trung Quốc, trên một phương diện nhất định, sẽ không có lợi cho các nước ASEAN xét về lâu dài, nếu các nước này không kịp thời xây dựng và triển khai một chiến lược phát triển mới phù hợp. Thực tiễn trong ba thập kỷ qua kể từ khi thành lập, các nước ASEAN đã thực hiện chiến lược phát triển khá sáng suốt và nhờ đó tận dụng được lợi thế so sánh của mình để phát triển. Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, đặc biệt là khi triển khai lộ trình thực hiện ACFTA, các chiến lược kinh tế này xuất hiện những nhược điểm của nó. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997-1998 là một dấu hiệu về những nhược điểm của chiến lược phát triển dựa vào sự tiếp nhận đầu tư của các công ty xuyên quốc gia nhằm khai thác khu vực chế biến để xuất

khẩu với giá rẻ nhờ giá lao động thấp. Do đó, một khi ACFTA được thực hiện thì những lợi thế này sẽ mất đi và điều đó sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN.

Sáu là, những khó khăn liên quan đến cơ chế vận hành của ACFTA.

Trước tiên, vấn đề đặt ra là xây dựng khu mậu dịch tự do theo mô hình mở hay theo mô hình khép kín? Đây là câu hỏi đặt ra một cách cấp bách và cần trả lời trước khi xúc tiến những bước tiếp theo đối với cả hai phía Trung Quốc và ASEAN. APEC luôn chủ trương xây dựng khu vực hợp tác mở, đó là khu vực châu Á - Thái Bình Dương rộng lớn, còn đối với ACFTA là khu vực nhỏ hơn nằm trong khu vực mở này. Nhưng ngay bản thân APEC theo nguyên tắc mở cũng đang gặp nhiều thách thức và trở ngại. APEC đang đối mặt với tình trạng các thành viên không đáp ứng được những yêu cầu theo qui định về thời gian cam kết tự do hóa, cho nên lợi ích thực tế mà các thành viên APEC thu được so với các khu vực có tổ chức chặt chẽ thì không được bao nhiêu. Xét theo xu thế phát triển hiện nay, người ta có xu hướng xây dựng APEC theo hướng có tổ chức chặt chẽ. Do vậy, giữa mô hình mở và cơ chế thì cả Trung Quốc lẫn ASEAN phải vượt qua rất nhiều khó khăn. Trước hết, phải xử lý tốt hai mối quan hệ: 1) Giải quyết như thế nào về mối quan hệ giữa tổ chức của mô hình mở với mô hình khép kín. 2) Xử lý phân phối lợi ích như thế

nào giữa những quốc gia thành viên có chế độ và trình độ phát triển khác nhau.

Bảy là, vấn đề vai trò lãnh đạo khu vực mậu dịch tự do.

Trong khi đàm phán để xây dựng khu vực mậu dịch tự do, cho dù phía Trung Quốc đã đồng ý bảo lưu ý kiến về vai trò lãnh đạo khu vực mậu dịch tự do của ASEAN, đồng thời còn đồng ý thực hiện chế độ ưu đãi đặc biệt đối với các thành viên kém phát triển của ASEAN. Nhưng, trong quá trình khởi động ACFTA, vấn đề vai trò lãnh đạo vẫn luôn luôn là nội dung nổi lên và rất khó giải quyết. Vì trong các nước ASEAN, không có nước nào có sức mạnh kinh tế có thể so sánh nổi với Trung Quốc; và ASEAN là một tập thể, thực lực kinh tế tuy xấp xỉ Trung Quốc, nhưng trong quá trình hợp tác sẽ có khả năng phân hóa, lúc đó vấn đề vai trò lãnh đạo sẽ là vấn đề hết sức gây cấn.

Có quan điểm cho rằng, khu vực mậu dịch tự do có lợi nhiều hơn đối với các nước ASEAN, các nước ASEAN muốn bảo vệ mô hình 10+3 hiện nay để thu hút sự tham gia của Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc và cuối cùng là xây dựng EAFTA nhằm tránh việc mất đi vai trò chủ đạo của ASEAN. Trong lúc đó, Hàn Quốc lại rất quan tâm đến tác dụng của Khu vực mậu dịch tự do Đông Bắc Á, hy vọng với sức mạnh kinh tế và truyền thống văn hóa của cả Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản, 3 nước này sẽ trước hết xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Đông Bắc Á, sau đó thu

hút ASEAN tham gia và cuối cùng là xây dựng Cộng đồng kinh tế Đông Á. Mấy năm gần đây, ảnh hưởng của Nhật Bản đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương có phần giảm sút, ngoài việc tăng tỷ trọng trong buôn bán với Trung Quốc ra, đối với Hàn Quốc và ASEAN, tỷ trọng buôn bán của Nhật Bản có chiều hướng giảm sút. Do đó, ý đồ của Nhật Bản là muốn tăng cường quan hệ song phương với Trung Quốc và Hàn Quốc ở Đông Bắc Á nhằm xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Đông Bắc Á.

Tám là, những khó khăn trong xử lý trong quan hệ hợp tác kinh tế - kỹ thuật và tự do hóa đầu tư mậu dịch song phương.

Trong kiến nghị do Nhóm chuyên gia hai bên tham gia nêu ra, nội dung chủ yếu tập trung ở vấn đề hợp tác mậu dịch và viện trợ kinh tế, còn nội dung về tự do hóa đầu tư mậu dịch thì có ít hơn. Hiện nay trình độ phát triển kinh tế cũng như các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia thành viên của ACFTA có chênh lệch khá lớn. Năng lực tự do hóa đầu tư mậu dịch và mục tiêu hợp tác kinh tế - kỹ thuật có khác nhau. Trong lúc đó, mức thuế quan của cả Trung Quốc lẫn một số nước thành viên vẫn còn khá cao. Trong điều kiện đó mà xây dựng khu vực mậu dịch tự do thì mức tăng trưởng mậu dịch rất có thể sẽ chuyển sang các nước bên ngoài khu vực. Do cơ cấu kinh tế các nước trong khu vực có nhiều điểm giống nhau cho nên sẽ gây nên tình

trạng cạnh tranh lẫn nhau. Điều này buộc nhiều xí nghiệp phải điều chỉnh chiến lược phát triển. Ngoài ra, xét dưới góc độ qui mô kinh tế thì ACFTA khá mỏng manh cho nên hiệu quả đưa lại sẽ còn khiêm tốn.

Chín là, những vấn đề cần được giải quyết cũng nổi lên như tranh chấp chủ quyền biển Đông, buôn lậu các chất ma túy, di dân bất hợp pháp, tội phạm quốc tế, khủng bố quốc tế, v.v..

Vấn đề tranh chấp chủ quyền quần đảo Trường Sa, cho dù là vấn đề lịch sử, nhưng do ở đây có nguồn tài nguyên to lớn, đặc biệt là dầu khí; cho nên trong quá trình hợp tác xây dựng ACFTA, thì vấn đề này lại càng cần đòi hỏi phải giải quyết, tìm kiếm một phương án mà các bên đều chấp nhận được. Đây thực sự là vấn đề vô cùng khó khăn. Ngoài ra, do những nguyên nhân lịch sử và đặc điểm khu vực, việc buôn lậu các chất ma tuý ở các nước Đông Nam Á và các hoạt động tội phạm xuyên quốc gia khá nghiêm trọng, do đó việc hợp tác song phương để giải quyết những vấn đề này cũng là hết sức khó khăn.

2. Triển vọng của ACFTA

Hiện tại, ASEAN là bạn hàng lớn thứ 5 của Trung Quốc, còn Trung Quốc là bạn hàng lớn thứ 6 của ASEAN. Từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX trở lại đây, lượng giao dịch thương mại hai bên mỗi năm tăng khoảng 20%. Theo

thống kê của Hải quan Trung Quốc, từ năm 2002 kim ngạch xuất nhập khẩu hai bên đã đạt 54,8 tỷ USD, tăng 13,2 tỷ so với 2001, tốc độ tăng tương đương 31%. Trong đó, ASEAN xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 31,2 tỷ USD, tăng 34,4%; xuất khẩu từ Trung Quốc sang ASEAN đạt 23,6 tỷ USD, tăng 28,4%. Nhìn từ góc độ thu hút đầu tư nước ngoài, thì Trung Quốc và ASEAN phải cạnh tranh gắt gao với nhau, song nếu xét trong phạm vi khu vực, thì tiềm năng đầu tư giữa hai bên cũng rất lớn. Chỉ tính đến tháng 9-2002, các nước ASEAN có khoảng 19.000 dự án đầu tư sang Trung Quốc với tổng số vốn thực tế lớn đến hơn 28 tỷ USD. Còn đầu tư từ Trung Quốc sang các nước ASEAN cũng tăng khá mạnh, đến cuối năm 2002 đã có hơn 800 dự án với tổng số vốn là 1,15 tỷ USD.

	Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN (CAFTA)	Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA)	Liên minh châu Âu (EU)	Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR)
Dân số *(triệu người)*	1.800	411	376	214
GDP *(tỷ USD)*	2.000	11.100	7.837	1.033

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Xúc tiến đối tác kinh tế của Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản, 12-2002; Báo cáo Phát triển và Dân chủ Nam Mỹ (Viện Nghiên cứu chiến lược và quan hệ quốc tế Mỹ, 2002).

Việc thành lập ACFTA vào năm 2010 sẽ tạo ra một thị trường rộng lớn, gồm khoảng 1,8 tỷ người tiêu dùng, với GDP ước tính đạt 2.000 tỷ USD và kim ngạch thương mại đạt 1.230 tỷ USD. Đây là khu vực tự do thương mại lớn nhất thế giới về dân số, đồng thời cũng là khu vực lớn nhất trong số các nước đang phát triển cả về dân số, GDP và thương mại.

**** Triển vọng đối với xuất khẩu***

Việc giảm thuế quan sẽ khiến lượng giao dịch thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc tăng đáng kể. Theo đánh giá của Nhóm chuyên gia hai bên, lượng xuất khẩu từ ASEAN sang Trung Quốc sẽ tăng khoảng 13 tỷ USD (tương đương 48%), và từ Trung Quốc sang ASEAN tăng 10,6 tỷ USD (khoảng 55,1%). Trong ASEAN, các nước được hưởng lợi nhiều nhất từ xuất khẩu sẽ là những thành viên có thực lực kinh tế tương đối mạnh như Inđônêxia, Malaixia, Xingapo và Thái Lan.

Tuy nhiên, cả ASEAN và Trung Quốc sẽ phải chấp nhận sự giảm thiểu thương mại với các đối tác khác, bao gồm Mỹ, Nhật Bản và một số nước khác trên thế giới. Nếu xét cả sự chuyển hướng thương mại đó, thì lượng xuất khẩu thuần của ASEAN sẽ chỉ tăng 5,6 tỷ USD, tương đương với 1,5%. Còn Trung Quốc cũng chỉ tăng lượng xuất khẩu của mình lên 6,8 tỷ USD, tương đương với 2,4%.

Nếu phân tích kỹ sự thay đổi trong xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc theo nước và theo từng lĩnh vực, có thể thấy ASEAN hưởng lợi nhiều nhất là từ ngành dệt may, linh kiện điện tử và máy móc.

Dự báo về xuất khẩu
từ ASEAN sang Trung Quốc năm 2010

Đơn vị: triệu USD

	Inđônêxia	Malaixia	Philíppin	Xingapo	Thái Lan	Việt Nam	Tổng cộng
1. Thức ăn	5,57	4,86	42,05	1,27	129,56	6,02	153,90
2. Dầu thực vật	42,97	505,54	4,21	38,47	2,83	20,88	614,91
3. Các sản phẩm nông nghiệp khác	139,26	145,65	12,27	72,91	290,77	30,08	690,95
4. Sản phẩm tinh luyện	55,91	25,72	52,18	18,86	9,89	12,28	174,83
5. Dệt may	735,35	465,62	68,54	101,93	1.698,77	9,39	3.079,59
6. Hoá chất	94,75	186,37	14,54	369,29	164,89	9,05	838,90
7. Môtô xe máy	287,91	618,62	5,03	755,72	60,11	150,29	1.877,67
8. Thiết bị điện tử	28,02	495,07	58,82	1.344,15	230,28	0,30	2.156,63
9. Thiết bị máy móc khác	1.281,84	773,63	77,34	948,33	323,73	44,50	3.449,36
10. Dịch vụ	(4,34)	(4,07)	(4,17)	(9,21)	(3,06)	(3,72)	(28,58)
Tổng cộng	2.656,09	3.207,28	330,80	3.639,18	2.907,76	267,04	13.008,15

Nguồn: Ban Thư ký ASEAN (*www.aseansec.org*).

Cũng tương tự, nếu phân tích lượng xuất khẩu của Trung Quốc sang các nước ASEAN theo từng lĩnh vực, có thể thấy Trung Quốc hưởng lợi nhiều nhất cũng từ dệt may, linh kiện điện tử và thiết bị máy móc.

Dự báo về xuất khẩu từ Trung Quốc sang ASEAN năm 2010

Đơn vị: triệu USD

	Inđônêxia	Malaixia	Philíppin	Xingapo	Thái Lan	Việt Nam	Tổng cộng
1. Thức ăn	58,75	163,54	82,93	117,12	115,82	31,96	570,12
2. Dầu thực vật	42,39	1,64	0,67	6,09	10,67	0,10	61,56
3. Các sản phẩm nông nghiệp khác	31,08	11,47	14,47	80,36	40,32	5,00	182,70
4. Sản phẩm tinh luyện	18,03	1,90	0,00	(0,68)	13,54	0,23	33,03
5. Dệt may	402,76	307,61	622,66	58,62	869,89	240,71	2.502,25
6. Hoá chất	97,98	105,69	179,24	13,94	196,81	31,32	624,97
7. Môtô xe máy	74,44	45,67	173,97	54,82	357,69	50,78	757,37
8. Thiết bị điện tử	114,31	361,36	813,43	(12,15)	794,09	80,26	2.151,31
9. Thiết bị máy móc khác	527,94	453,95	1.169,78	329,84	742,79	499,15	3.723,45
10. Dịch vụ	3,92	3,50	0,01	(4,02)	(1,46)	5,31	7,26
Tổng cộng	1.371,60	1.456,34	3.057,17	643,94	3.140,16	944,81	10.614,02

Nguồn: Ban Thư ký ASEAN (www.aseansec.org).

*** Ảnh hưởng đối với GDP**

Từ những thay đổi về thương mại, có thể suy đoán được sự thay đổi về GDP. Sự ra đời của khu vực tự do thương mại sẽ khiến GDP của Trung Quốc và các nước ASEAN cùng tăng cao và đều ở mức 7,6 tỷ USD. Như vậy, tỷ lệ GDP của Trung Quốc sẽ chỉ tăng thêm 0,27%, tương đương với 2,2 tỷ USD. Còn với các nước ASEAN, Việt Nam sẽ đạt mức cao nhất về tốc độ (%), Inđônêxia sẽ đạt mức tăng tuyệt đối (USD) cao nhất.

Mức tăng GDP

	GDP thực tế *(triệu USD)*	Mức tăng tuyệt đối *(triệu USD)*	Mức tăng tương đối *(%)*
Inđônêxia	204.031,4	2.267,8	1,12%
Malaixia	98.032,3	1.133,5	1,17%
Philíppin	71.167,1	229,1	0,32%
Xingapo	72.734,9	753,3	1,05%
Thái Lan	165.516,0	673,6	0,41%
Việt Nam	16.110,9	339,1	2,15%
Mỹ	7.120.465,5	-2.594,5	-0,04%
Nhật Bản	5.078.704,5	4.452,0	-0,09%
Trung Quốc	815.163,0	2.214,9	0,27%
Các nước còn lại	14.657.026,0	-6.272,0	-0,04%
Tổng cộng	28.298.952,1	-5.706,9	-0,02%

Nguồn: Ban Thư ký ASEAN (www.aseansec.org).

Tuy nhiên, mức tăng GDP của ACFTA cũng đem lại một số ảnh hưởng tiêu cực cho các nước và khu vực khác. GDP của Mỹ, Nhật Bản và các nước còn lại trên thế giới đều bị giảm sút. Trong đó, sự giảm sút của Nhật Bản và các nước còn lại là lớn nhất. Như vậy, nếu đánh giá một cách tổng thể thì ACFTA sẽ dẫn đến sự sụt giảm của GDP toàn cầu, sự gia tăng của Trung Quốc và các nước ASEAN không thể bù đắp lại những thiệt hại mà đối tác của các nước này phải gánh chịu.

**** Các ảnh hưởng khác***

Việc dỡ bỏ các hàng rào thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN sẽ làm giảm giá cả hàng hóa, gia tăng thương mại nội vùng và đẩy mạnh hiệu ích kinh tế. Tự do thương mại sẽ dẫn đến sự chuyên môn hóa cao hơn trên cơ sở sắp xếp các ưu thế so sánh, sản phẩm trong nước sẽ được thay thế bởi những sản phẩm cùng loại với giá rẻ hơn nhập từ thành viên khác. Xét từ góc độ này, thì người tiêu dùng của Trung Quốc và ASEAN sẽ được hưởng lợi nhiều nhất.

Sau khi ACFTA hình thành, các doanh nghiệp trong nước vốn trước đây vẫn được bảo hộ bằng hàng rào thương mại, giờ sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh mới của các doanh nghiệp trong khu vực. Điều này khiến các doanh nghiệp càng phải năng động hơn, đồng thời chất lượng sản phẩm và hiệu suất kinh tế của doanh nghiệp được nâng cao. Những doanh nghiệp tồn tại được sẽ có đủ năng lực cạnh tranh quốc tế. Tuy nhiên, với những ngành đòi hỏi sự tập

trung sức lao động (chẳng hạn như lắp ráp máy móc, thiết bị điện tử), thì các nước ASEAN sẽ phải chịu khá nhiều sức ép từ phía Trung Quốc.

ACFTA cũng sẽ khiến nguồn vốn đầu tư tăng nhiều hơn và đa dạng hơn. Do những yếu tố bất ổn và rủi ro thị trường được giảm thiểu, không chỉ các công ty của Trung Quốc hay ASEAN, mà cả các tập đoàn ngoài khu vực của Mỹ, Nhật Bản hay EU cũng sẽ hứng thú hơn đối với thị trường châu Á, các dự án hợp tác như vậy cũng sẽ nhiều hơn. Trong một thị trường rộng lớn, sức ép cạnh tranh sẽ khiến các doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn cho nghiên cứu và phát triển, từ đó thúc đẩy sự sáng tạo kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới.

Tuy nhiên, sự ra đời của ACFTA cũng đem lại không ít thách thức. Trong đó nổi bật lên là các ngành nghề tương tự như nhau giữa các nước sẽ phải cùng cạnh tranh khốc liệt, dẫn đến sự điều chỉnh và hợp lý hóa ở một số ngành nghề hoặc doanh nghiệp, đặc biệt là với những doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hậu quả của nó có thể sẽ dẫn đến nạn thất nghiệp gia tăng ở một số lĩnh vực và khu vực nhất định, từ đó làm phát sinh các vấn đề xã hội.

Trong tương lai, với ACFTA, ASEAN và Trung Quốc sẽ thiết lập được một trật tự chính trị kinh tế mới ở Đông Á. Về kinh tế, hai bên từ chỗ điều chỉnh để đi tới chỗ thích ứng. Về chính trị, hai bên do cùng muốn tìm kiếm lợi ích chung mà đi tới chỗ tăng cường hợp tác. Như vậy, hai bên

có thể từng bước tìm ra một mô hình hợp tác, ứng xử để vừa xử lý các công việc khu vực, vừa thúc đẩy nền kinh tế khu vực phát triển.

Theo các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc thì việc xây dựng ACFTA là một bước đi đúng đắn theo xu hướng liên kết kinh tế khu vực cũng như toàn cầu hiện nay. Hiệp định sẽ cho phép hai bên tận dụng tối đa những lợi thế kinh tế của mình, cũng như khai thác những cơ hội phát triển và tránh được những rủi ro trong quá trình toàn cầu hóa. Trung Quốc và ASEAN cũng sẽ xây dựng một "mặt bằng tổng thể" về đầu tư trực tiếp, về sản xuất và chuyển giao công nghệ. Hai bên cũng có cơ hội hưởng lợi từ hợp tác trong xuất khẩu.

Các chuyên gia kinh tế nhấn mạnh muốn cho ACFTA thành công, các nước hữu quan cần xem xét những vấn đề chủ yếu sau:

+ Áp dụng giải pháp hội nhập từng bước, tiến hành tự do hóa sớm hơn đối với các khu vực hoặc ngành nghề có điều kiện tương đối thích hợp.

+ Tăng cường mối liên hệ để hoà nhập hơn nữa vào thị trường, điều này liên quan đến giao thông và thông tin giữa ASEAN và Trung Quốc, đồng thời giảm bớt những hạn chế trong việc trao đổi nguồn nhân lực và nguồn vốn giữa các nước, về vấn đề này hiện đã đạt được những kết quả nhất định.

Về giao thông, tuyến đường quốc tế dọc sông Mêkông

đã được khai thông năm 2001, song Trung Quốc còn có kế hoạch tiếp tục đầu tư để cải tạo tuyến đường này. Các nước ASEAN đã quyết định chi 2,5 tỷ USD để xây dựng tuyến đường bộ Băng Cốc - Côn Minh.

Về vấn đề con người, Trung Quốc đã nới lỏng việc cho phép người dân tới một số nước ASEAN du lịch. Việc này có lợi cho các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ tiến hành khảo sát thị trường đầu tư.

+ Nhanh chóng định ra qui hoạch phát triển lưu vực sông Mêkông để thu hút nguồn vốn đầu tư.

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, tiềm lực của ACFTA rất khả quan. Nếu tính về mậu dịch đối ngoại và giá trị sản xuất của các nước thành viên hiện nay thì nó chỉ đứng thứ ba sau NAFTA và EU. Tuy nhiên, tiềm lực phát triển của ACFTA còn lớn hơn nhiều, vì nhiều nước thành viên của nó có tiềm lực phát triển kinh tế to lớn và tổng số dân ACFTA gấp 4 lần so với hai khu vực mậu dịch tự do nêu trên. Mười năm sau, nếu như kinh tế Trung Quốc tăng gấp đôi, thì chỉ tính sức mua bình quân cũng đã lớn gấp 7 đến 8 lần so với Mỹ. Hơn nữa, qui mô kinh tế của các nước ASEAN cũng khá lớn, nên ảnh hưởng của ACFTA sẽ có lợi cho sự phát triển kinh tế thế giới. Qua đó, ảnh hưởng của Mỹ và Nhật Bản đối với khu vực này sẽ giảm thiểu tương đối.

ACFTA sẽ tạo cơ sở thiết lập trật tự kinh tế - chính trị mới ở Đông Á, đồng thời tạo điều kiện cho ASEAN và

Trung Quốc phát triển thành cường quốc kinh tế. Tuy nhiên, ASEAN và Trung Quốc cũng có thể phải trả giá nhất định do phải điều chỉnh sâu hơn nữa cho thích ứng với khu vực mậu dịch tự do giữa hai bên. Môi trường chính trị, kinh tế Đông Á tốt đẹp sẽ mang lại lợi ích to lớn cho các nước trong khu vực và trên thế giới.

Về động thái phát triển, trong vòng 10 năm tới, khả năng thâm nhập vào khu vực của Nhật Bản và Hàn Quốc vẫn còn rất lớn. Khả năng hợp tác giữa khu vực Nhật Bản - Hàn Quốc và khu vực Trung Quốc - ASEAN không phải là không có. Điều này sẽ giúp nâng cao vai trò của cả Trung Quốc lẫn ASEAN tại châu Á, từ đó góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế toàn châu lục, đồng thời sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến chính trị - kinh tế thế giới ít nhất là nửa đầu thế kỷ XXI.

Từ thực tế phát triển của quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc và sự hình thành khu vực mậu dịch tự do giữa hai bên trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay, có thể thấy, từ giác độ của ASEAN, để thúc đẩy mối quan hệ ASEAN - Trung Quốc và nhất là đối với tiến trình hiện thực hóa ACFTA, các nước trong Hiệp hội cần chú trọng một số vấn đề sau:

Thứ nhất, sự phát triển mối quan hệ giữa ASEAN - Trung Quốc và ACFTA sẽ tác động nhiều mặt đến tình hình quốc tế và khu vực, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, các nước ASEAN và Trung Quốc cần phải có sự đầu tư thoả đáng những chương trình nghiên cứu về tự do hóa thương

mại trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa trên thế giới hiện nay. Sự nghiên cứu này nhằm cung cấp những luận cứ khoa học và khách quan cho việc hoạch định các chính sách hội nhập khu vực một cách hiệu quả thiết thực, làm rõ hơn thực chất những thuận lợi và những thách thức đặt ra trong quá trình thúc đẩy lộ trình ACFTA. Trên cơ sở đó, các bên tham gia có thể tìm kiếm những giải pháp thích hợp để khắc phục khó khăn, phát huy và tận dụng các nhân tố thuận lợi cho sự phát triển chung. Từ sự nghiên cứu một cách thấu đáo những cơ sở đảm bảo cho sự vận hành của ACFTA, các bên có thể khai thác tiềm năng bổ sung lẫn nhau, hạn chế mặt tiêu cực nảy sinh trong quá trình phát triển quan hệ với nhau.

Thứ hai, do sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật và tiến trình lịch sử, truyền thống văn hóa, nên các nước ASEAN và Trung Quốc chọn chế độ xã hội và xác định hệ quan niệm giá trị văn hóa xã hội không hoàn toàn giống nhau. Chính vì sự khác nhau về chế độ xã hội, quan niệm giá trị, trình độ phát triển, truyền thống lịch sử và văn hóa đã tạo nên tính đa dạng trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực. Cho nên, rất cần thiết phải tính đến vấn đề này cả trong tiến trình xây dựng ACFTA. Hai bên cần hiểu rõ và tôn trọng lẫn nhau đối với những khác biệt về lợi ích trong quá trình hội nhập; cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đối phó với những thách thức nội bộ và từ bên ngoài có thể gây phương hại cho sự hình thành ACFTA.

Thứ ba, cả ASEAN và Trung Quốc đều mong muốn quan hệ ASEAN - Trung Quốc phát triển lên tầm cao mới trên mọi lĩnh vực, trong đó có việc thúc đẩy hợp tác liên kết kinh tế, thương mại. Điều đó chỉ có được nếu các nước trong ASEAN và Trung Quốc liên hệ chặt chẽ với nhau, cùng chia sẻ những lợi ích chung, những giá trị chung và những trách nhiệm chung. Nghĩa là quan hệ ASEAN - Trung Quốc cần nâng cao tính cộng đồng khu vực và liên kết hơn nữa. Mặt khác, ASEAN cũng cần đẩy mạnh liên kết quốc tế và khu vực một cách đa dạng, rộng rãi nhằm tạo thế cân bằng trong quan hệ với Trung Quốc.

Thứ tư, Trung Quốc là một nước lớn, vì vậy trong quan hệ với Trung Quốc, cần chú ý mối quan hệ Trung Quốc với các nước lớn khác như Mỹ, Nhật Bản và EU. Các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU đều có lợi ích và ý đồ riêng trong quan hệ với ASEAN. Vì vậy, các nước ASEAN cần thiết phải tính toán một cách đầy đủ về nhân tố các nước lớn trong chính sách đối ngoại của mình. Điều này sẽ giúp cho các nước ASEAN có thể vượt ra khỏi những tình thế bất lợi trong quan hệ quốc tế có liên quan đến việc xây dựng ACFTA.

Thứ năm, các nước ASEAN, nhất là các nước có trình độ phát triển còn thấp rất cần thiết phải đẩy mạnh cải cách trên nhiều lĩnh vực, nhưng trước hết là cải cách kinh tế, tạo ra hệ thống chính sách và luật pháp kinh tế đồng bộ và có hiệu năng, thích ứng với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Các cải cách kinh tế cần tập trung đổi mới cơ cấu kinh tế

theo hương hiện đại, mở cửa tham gia tích cực vào quá trình phân công lao động khu vực và quốc tế, tạo môi trường và động lực để có thể tham gia một cách hiệu quả vào ACFTA. Đồng thời, các chính phủ ASEAN cần có chính sách đúng đắn với Hoa kiều nhằm phát huy năng lực của họ góp phần thúc đẩy mối quan hệ ASEAN - Trung Quốc và khu vực mậu dịch tự do giữa hai bên.

Thứ sáu, để tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc trong thế kỷ XXI, cả hai bên cần phải cùng nhau khắc phục những khó khăn tồn tại, nhất là đối với những tranh chấp phức tạp có tính chất lịch sử về biên giới, lãnh thổ, lãnh hải, chủ quyền và đặc quyền kinh tế... Tinh thần chỉ đạo chung trong quan hệ hai bên là phải thực sự cầu thị, đổi mới tư duy, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, nâng cao độ tin cậy, tìm ra những giải pháp hữu hiệu hơn nữa nhằm đẩy mạnh quan hệ hợp tác trên tất cả các lĩnh vực vì lợi ích của mỗi bên và lợi ích chung của cả khu vực.

Tóm lại, với sự nỗ lực tập thể và thiện chí của hai bên, hoàn toàn có thể hy vọng trong tương lai, ACFTA sẽ đưa lại những kết quả khả quan nhất. Sự thành công của khu vực mậu dịch tự do sẽ làm cho mối quan hệ giữa hai bên ngày càng trở nên sâu đậm, nương tựa và bổ sung lẫn nhau. Điều đó sẽ giúp cho quan hệ hợp tác toàn diện giữa ASEAN - Trung Quốc vượt qua những trở ngại và phát triển tốt đẹp, nâng cao vai trò, vị trí của mỗi bên trên trường quốc tế; đồng thời góp phần phát triển khu vực Đông Á

thành một khu vực hoà bình, hợp tác, ổn định và phát triển, đóng góp tích cực cho sự tiến bộ chung của nhân loại.

3. Vai trò của Việt Nam trong quá trình phát triển của ACFTA

Việt Nam là một thành viên quan trọng trong cộng đồng ASEAN. Với sự cố gắng của mình, trong nhiều năm qua Việt Nam đã có nhiều đóng góp tích cực trên phương diện liên kết kinh tế - thương mại, văn hóa - xã hội, chính trị - an ninh của ASEAN. Thực trạng nền kinh tế của Việt Nam còn thấp kém hơn một số nước trong ASEAN, nhưng xét về triển vọng, xu hướng vận động, nền kinh tế Việt Nam sẽ có vai trò lớn trong ASEAN. Chắc chắn Việt Nam có vị trí cao trong các hoạt động đối nội và đối ngoại của ASEAN.

Sự nghiệp đổi mới của Việt Nam 20 năm qua đã gặt hái được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội. Trong nhiều năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức khá cao từ 6 đến 8% năm. Việt Nam là nước đông dân thứ hai của ASEAN (82 triệu người) chỉ sau Inđônêxia (khoảng 200 triệu người) sẽ là một bộ phận hợp thành quan trọng của thị trường ASEAN nhiều triển vọng.

Hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đối nội và đối ngoại của ASEAN ngày càng rộng lớn và sâu sắc, trong đó có quan hệ với Trung Quốc. Xét về mối quan hệ này, Việt Nam có nhiều thuận lợi để thúc đẩy phát triển. Lịch sử quan hệ Việt Nam và Trung Quốc có nhiều năm đoàn kết,

hữu nghị và thân thiện. Nhân dân hai nước đã để lại nhiều tình cảm tốt đẹp về nhau và chắc chắn sẽ ngày càng tốt hơn nữa. Hiện nay, Trung Quốc là một trong những đối tác quan hệ được xếp vào diện ưu tiên của Việt Nam. Trung Quốc là một nước xã hội chủ nghĩa, nước láng giềng và là nước lớn. Không phải nước ASEAN nào cũng có những điều kiện hội tụ đủ cả ba yếu tố như trên.

Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đang phát triển mạnh mẽ, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, thương mại, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng. Hai nước đã xác định rõ khuôn khổ quan hệ hợp tác với 16 chữ: "*Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện; ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*" và gần đây lãnh đạo cấp cao hai nước tiếp tục khẳng định, bổ sung thêm quan hệ 4 tốt "*Láng giềng tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt, bạn bè tốt*". Từ quan điểm và chủ trương trên, Việt Nam và Trung Quốc đã vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại để quan hệ hai nước ngày càng phát triển tốt đẹp. Quan hệ kinh tế - thương mại, đầu tư, chính trị, văn hóa, xã hội, du lịch... giữa hai nước không ngừng phát triển. Năm 2003, kim ngạch mậu dịch của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt hơn 4 tỷ USD, và chắc chắn rằng thị phần hàng hóa của Trung Quốc sang Việt Nam cũng là rất lớn.

Về chính trị, một trong những thành tựu to lớn của quan hệ Việt Nam - Trung Quốc là đã hình thành cơ chế quan hệ cấp cao thường xuyên hàng năm giữa lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước. Sự kiện nổi bật là hai nước đã ký được

các hiệp định phân định biên giới trên đất liền và Vịnh Bắc Bộ. Đây là một việc làm vô cùng khó khăn phức tạp nhưng đã có kết quả tốt. Điều đó tạo ra một không gian, môi trường thuận lợi cho sự giao lưu Việt Nam - Trung Quốc nói riêng và ASEAN - Trung Quốc nói chung. Những vấn đề nêu trên cho thấy nhân tố Việt Nam trong quá trình phát triển của ACFTA là rất quan trọng. Điều đó có lợi cho Việt Nam, có lợi cho Trung Quốc và có lợi cho cả khối ASEAN.

Vai trò của Việt Nam đối với quá trình hình thành ACFTA còn do vị trí địa-chiến lược quan trọng của Việt Nam tạo dựng lên cùng với điều kiện địa lý tự nhiên, hai nước có biên giới chung trên đất liền và biển. Việt Nam là nước nằm trên bán đảo Đông Dương, án ngữ đường giao thông huyết mạch quan trọng trong sự giao lưu thương mại ASEAN - Trung Quốc. Việt Nam lại có bờ biển dài 3.260 km với nhiều cảng nước sâu từ Bắc tới Nam. Nếu phát triển tốt các hệ thống đường bộ xuyên Á theo hướng Đông - Tây và Bắc - Nam thì các cảng biển này sẽ thực sự trở thành cửa ngõ cho quan hệ kinh tế ASEAN - Trung Quốc. Một số tỉnh phía Nam Trung Quốc có thể qua cảng Hải Phòng, Lào Cai tới các nước ASEAN. Trung Quốc có thể qua cảng miền Trung và ở Nam Bộ Việt Nam tới Lào, Đông Bắc Thái Lan, Campuchia, Mianma. Việt Nam cũng có thể là một điểm trung chuyển chế xuất sang các nước Đông Nam Á. Việt Nam sẽ là một "đầu cầu và cửa ngõ" cho sự phát triển quan hệ ASEAN - Trung Quốc và ngược lại, vì vị trí địa lý của Việt Nam cho phép Việt

Nam có vai trò này. Vai trò của Việt Nam còn tùy thuộc vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng cần thiết cho một "đầu cầu và cửa ngõ", đó là đường hàng không, các tuyến đường xe lửa, đường cao tốc xuyên Á thuận lợi.

Mặt khác, các nước ASEAN - Trung Quốc có nhu cầu sử dụng "đầu cầu và cửa ngõ" Việt Nam. Do vậy, họ cần có các chính sách và đầu tư thích hợp. Quan hệ Việt Nam và Trung Quốc phát triển tốt đẹp, những mâu thuẫn tranh chấp về biên giới trên đất liền, trên Vịnh Bắc Bộ và biển đảo ở biển Đông một khi được tháo gỡ sẽ ảnh hưởng to lớn đến tiến trình phát triển quan hệ ASEAN - Trung Quốc. Trung Quốc đến với các nước ASEAN sẽ thuận lợi hơn rất nhiều nếu tận dụng được nhân tố Việt Nam và ngược lại. Hiện tại Việt Nam và Trung Quốc đã và đang thúc đẩy hình thành những hành lang kinh tế - thương mại như: Vân Nam - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Quảng Tây - Móng Cái và Quảng Tây - Lạng Sơn - Hải Phòng,... Một khi những hành lang kinh tế ấy đi vào vận hành nền nếp có hiệu quả cao thì chắc chắn rằng sẽ có tác động lớn đến các nước ASEAN khác.

Như vậy, quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc là mối quan hệ có vai trò vị trí quan trọng không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với cả các nước ASEAN. Mỗi nước thành viên ASEAN đều có vai trò vị trí nhất định của mình trong phát triển quan hệ mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Tuy nhiên vai trò, vị trí của mỗi nước là có sự khác nhau, mà điều quan trọng nhất là mỗi nước biết nhận rõ vai trò, vị

trí của mình, nỗ lực đóng góp cho việc hình thành và phát triển ACFTA cũng như đối với các sự kiện có tầm quan trọng của mỗi nước, trong khu vực và toàn thế giới.

Để phát huy vai trò, vị trí cũng như tác động của Việt Nam đến tiến trình phát triển mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, Việt Nam chủ động tích cực thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc, coi đó là đóng góp thiết thực, là những bài học kinh nghiệm của Việt Nam đối với toàn khối ASEAN. Những bước tiến triển trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc chịu sự tác động và ảnh hưởng lớn của mối quan hệ song phương Việt - Trung. Việt Nam có điều kiện thuận lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội để thúc đẩy sự phát triển quan hệ ASEAN - Trung Quốc. Không phải nước thành viên ASEAN nào cũng có quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác toàn diện với Trung Quốc. Không phải nước ASEAN nào cũng có điều kiện từ lịch sử đến hiện tại, từ lý luận đến thực tiễn để hiểu rõ về Trung Quốc bằng Việt Nam. Đồng thời, không phải nước ASEAN nào cũng có sự tin tưởng và có nhiều điểm ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mình đối với Trung Quốc như Việt Nam.

Để đóng được vai trò quan trọng trên lộ trình tự do hóa mậu dịch ASEAN - Trung Quốc, Việt Nam cần:

Trước hết, tập trung làm tốt các chương trình hợp tác Việt Nam - ASEAN về kinh tế, thương mại, chính trị (hợp tác Nghị viện ASEAN), an ninh quốc phòng (Diễn đàn an ninh khu vực), văn hóa, khoa học công nghệ (xây dựng

Cộng đồng văn hóa), đặc biệt phải khẩn trương thực hiện lộ trình tham gia AFTA mà Việt Nam phải hoàn tất một cách đầy đủ vào năm 2006.

Hai là, chú trọng phát triển quan hệ đoàn kết hữu nghị hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Trung Quốc, coi đó là một đóng góp quan trọng nổi bật của Việt Nam đối với ASEAN trong quá trình xây dựng ACFTA. Điều đó cũng chính là vì lợi ích của Việt Nam, Trung Quốc, ASEAN và thế giới.

Ba là, trong thời gian tới cần tập trung giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp về biên giới, biển đảo giữa Việt Nam với Trung Quốc và giữa Việt Nam với các nước ASEAN khác, bằng con đường thương lượng, đàm phán hoà bình, giải pháp chính trị không dùng bạo lực, hoặc đe dọa dùng bạo lực trong quá trình giải quyết. Việc tạo lập được môi trường hoà bình ổn định của Việt Nam, Trung Quốc và ASEAN là tiền đề chính trị quan trọng hàng đầu cho việc hình thành ACFTA. Điều đó ảnh hưởng từ nhân tố Việt Nam là rất lớn.

Bốn là, Việt Nam cùng các nước ASEAN thực hiện thành công chính sách đối ngoại của ASEAN với các tối tác trên thế giới thông qua cơ chế hoạt động ASEAN+3 về kinh tế - thương mại, về Diễn đàn an ninh khu vực, về quan hệ hợp tác Á - Âu..., gắn kết hợp tác tự do thương mại với các quan hệ chính trị, văn hóa xã hội, an ninh giữa ASEAN và Trung Quốc.

Năm là, Việt Nam cùng với ASEAN và Trung Quốc

tăng cường phối hợp, cùng nhau cảnh giác chống lại những âm mưu và hành động chống phá, cản trở của một số thế lực quốc tế đối với tiến trình tự do hóa mậu dịch ASEAN - Trung Quốc, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực của nhân tố quốc tế và khu vực.

Sáu là, cần có quan điểm thích hợp đối với một số chương trình hội nhập quốc tế và khu vực. Trước hết, phải đàm phán vào WTO càng sớm càng tốt, càng có lợi trong việc thu hút các nước đặc biệt là các nước lớn mở rộng đầu tư, hợp tác kinh tế với Việt Nam, thúc đẩy Việt Nam tiến sâu vào đổi mới, mở cửa kinh tế, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực. Các cấp, các ngành cần vượt lên những tính toán cục bộ, vì lợi ích quốc gia, tích cực đổi mới, nâng cao sức cạnh tranh, tham gia WTO để hội nhập kinh tế toàn cầu.

Đẩy mạnh các nỗ lực củng cố ASEAN thành cộng đồng vững mạnh. Cần phải thấy rằng, Đông Nam Á cho đến nay vẫn là vùng tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế mà Việt Nam ở vào vị trí quan trọng, được các nước lớn quan tâm hơn. ASEAN trở thành cộng đồng vững mạnh với vai trò ngày càng tăng của Việt Nam sẽ tạo ra lợi thế quan trọng cho ASEAN trong đó có Việt Nam quan hệ bình đẳng hơn nữa với các nước lớn, thu hút nhiều hơn nguồn lực từ các nước lớn vào phát triển kinh tế xã hội, củng cố nền an ninh khu vực.

Bảy là, quán triệt sâu sắc tinh thần chủ động hội nhập

kinh tế khu vực, xử lý khôn khéo quan hệ các nước lớn vào một số chương trình kinh tế trọng điểm quốc gia.

Đối với chương trình kinh tế trọng điểm miền Bắc: Cần đứng trên tầm nhìn hội nhập kinh tế khu vực, với quyết tâm khai thác thị trường Trung Quốc, biến vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc thành hành lang, thành trung tâm kinh tế không chỉ của cả nước mà của toàn khối ASEAN tiến vào thị trường Trung Quốc, đặc biệt là thị trường Tây Nam đang mở rộng, nhiều sức hấp dẫn do chiến lược khai phá miền Tây của Trung Quốc đưa tới. Từ quan điểm này, chúng ta sẽ có những bước tiến đột phá trong chiến lược phát triển hành lang Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội - Côn Minh (Trung Quốc) và tuyến Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội - Nam Ninh (Trung Quốc), cũng như các kế hoạch phát triển các khu vực mậu dịch tự do dọc biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Chương trình kinh tế trọng điểm miền Trung cần đứng trên tầm nhìn hội nhập kinh tế toàn khối ASEAN, gắn nó với chương trình phát triển hành lang Đông - Tây, biến vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thành đầu mối giao thông toàn khối ASEAN nhờ ưu thế biển cảng nước sâu, với tuyến đường bộ xuyên Á sẽ hình thành qua quá trình phát triển hành lang Đông - Tây. Hoàn toàn có thể khai thác vị trí trung tâm hàng không quốc tế và khu vực tại Đà Nẵng, có khả năng cạnh tranh với Băng Cốc trong tương lai. Trọng điểm kinh tế miền Trung cũng cần đứng trên tầm nhìn hội nhập quốc tế và chiến lược khai thác biển Đông,

cần biến tất cả các cảng nước sâu vùng này thành thương cảng quốc tế, có khả năng cạnh tranh với thương cảng quốc tế Hồng Công, Xingapo.

Các ý tưởng trên sẽ có sức hấp dẫn mạnh đối với tất cả các nước lớn, đặc biệt là Nhật Bản và Mỹ, nó sẽ cải thiện vị thế của Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

Mặt khác, cần khôn khéo khai thác nhân tố bên ngoài mạnh hơn nữa trong chương trình hợp tác phát triển kinh tế tiểu vùng sông Mêkông, làm sao thu hút được cộng đồng thế giới, đặc biệt là Nhật Bản, Mỹ, EU, kể cả Liên hiệp quốc đối với chương trình phát triển kinh tế xã hội tiểu vùng này. Chỉ có như vậy mới có đủ nguồn lực, cũng như áp lực đối với 6 nước có chung dòng sông đi theo hướng hợp tác lành mạnh, cùng khai thác, cùng bảo vệ dòng sông, biến Mêkông thành con sông hoà bình, sạch đẹp, mang lại lợi ích kinh tế cho cả 6 quốc gia thuộc tiểu vùng này. Đây là tuyến bảo vệ an ninh phía Tây quan trọng của Việt Nam.

Chiến lược khai thác biển Đông - tuyến an ninh phía Đông, cần vận dụng quan điểm hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, ứng xử khôn khéo quan hệ với các nước lớn, lấy sức mạnh của cộng đồng quốc tế ngăn chặn "biển Đông nổi sóng". Lấy miền Trung làm trọng điểm khai phá biển Đông, mở rộng phạm vi chiến lược khai thác biển Đông ra toàn tuyến thềm lục địa Việt Nam, coi trọng khai phá thương cảng quốc tế trên toàn tuyến.

Kết luận

Trung Quốc và các thành viên ASEAN đều là những nước đang phát triển với thực lực kinh tế có hạn và mức độ dựa vào thị trường bên ngoài khá cao, nên sự phát triển của kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của mỗi nước. Do vậy, khi chủ nghĩa bảo hộ ngày càng thể hiện rõ trong chính sách thương mại của Mỹ, EU hay NAFTA, thì sự ra đời của một khu vực mậu dịch tự do giữa Trung Quốc và ASEAN là cần thiết hơn bao giờ hết.

Với ACFTA, hai bên sẽ có một thị trường rộng lớn hơn để tiến hành điều chỉnh cơ cấu, sắp xếp sử dụng tài nguyên, phát huy ưu thế. Chính sự hợp tác giữa Trung Quốc và ASEAN sẽ khiến sản phẩm của hai bên ngày càng có đủ năng lực cạnh tranh quốc tế. Từ cơ sở tự do thương mại, sự hợp tác toàn diện cũng sẽ được đẩy mạnh. Các lĩnh vực khoa học công nghệ, du lịch, khai thác tài nguyên, năng lượng, nông nghiệp,... sẽ được mở rộng hợp tác.

Với nền tảng là sự thuận lợi về địa lý cùng những nét tương đồng trong lịch sử và nền văn hóa, việc Trung Quốc tham gia Hiệp ước thân thiện và hữu nghị Đông Nam Á, thừa nhận sự cần thiết phải có Bộ quy tắc ứng xử biển Đông và đặc biệt là cùng ASEAN thành lập khu vực tự do thương mại chắc chắn sẽ thúc đẩy các bên xích lại gần nhau hơn. Mặc dù những thách thức, trở ngại trong quá trình thành lập

và vận hành ACFTA là không thể tránh khỏi, song nhìn về tổng thể, thì nó sẽ đem lại nhiều cơ hội hơn cho các bên tham gia, đồng thời cũng là sự đảm bảo cho nền hoà bình và ổn định của khu vực, góp phần thực hiện ý tưởng về một Đông Á cùng phát triển, phồn vinh.

ACFTA được xây dựng, điều đó có ý nghĩa quan trọng không những tăng cường sự hợp tác kinh tế vốn có giữa hai bên, mà còn có lợi cho việc mở rộng mậu dịch, đầu tư và du lịch song phương. Ngoài ra, đây sẽ là bước đầu quan trọng cho tiến trình nhất thể hóa kinh tế khu vực Đông Á, góp phần làm phồn vinh khu vực Đông Á. Trong sự phồn vinh ấy, vị thế của ASEAN và Trung Quốc nhất định sẽ được nâng cao hơn nữa.

Trong ACFTA, Việt Nam với vị trí cầu nối hai thị trường lớn ASEAN - Trung Quốc, nếu Việt Nam nhanh chóng tranh thủ chuyển dịch cơ cấu, chuẩn bị tốt các điều kiện (cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, v.v..), tận dụng thời cơ, chuyển hóa thành cơ hội thì nhất định sẽ có sự phát triển mới trong thời gian tới. Đây là vấn đề đòi hỏi không chỉ bản lĩnh vững vàng, mà cả khả năng ứng phó cơ động, linh hoạt và hiệu quả trong tiến trình chủ động hội nhập quốc tế của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

ACFTA được hình thành không những phù hợp với lợi ích của nhân dân Trung Quốc và nhân dân các nước ASEAN, mà còn có lợi cho việc thúc đẩy hòa bình, ổn định và phồn vinh của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cũng như trên toàn thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1991.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2001.
4. Maridôn Tuarenơ: *Sự đảo lộn của thế giới địa chính trị thế kỷ XXI* . Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996.
5. Vụ ASEAN - Bộ Ngoại giao: *Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)*. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1998.
6. Đặng Như Toàn (Chủ biên): *Địa lý kinh tế Việt Nam*. Đại học Kinh tế quốc dân, H. 1998.
7. *Dự báo thế kỷ XXI*. Nxb. Thống kê, H. 1998.
8. Lý Kinh Văn: *Kinh tế Trung Quốc bước vào thế kỷ XXI*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1998.
9. Richard Muir: *Địa chính trị hiện đại*. Mac Millan, London, 1988 (tiếng Anh).
10. Kiệt Minh, Trương Tây Ninh, Trương Thao, Khúc Khắc Mẫn: *Mười hai mối quan hệ lớn - Con đường cất cánh của Trung Quốc*. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1999.

11. Nguyễn Kim Bảo: *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc từ 1979 đến nay*, Nxb. Khoa học xã hội, H. 2000.

12. Tấn Ngôn Trước: *Thời đại kinh tế tri thức*. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2001.

13. Trung tâm Kinh tế châu Á- Thái Bình Dương: *Chiến lược quan hệ quốc tế Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, H. 2002.

14. Lưu Lực: *Toàn cầu hoá kinh tế lối thoát của Trung Quốc là ở đâu?*, Nxb. Khoa học xã hội, H. 2002.

15. Nguyễn Duy Quý: *Thế giới trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002.

16. Nguyễn Đức Bình, Lê Hữu Nghĩa, Trần Hữu Tiến: *Góp phần nhận thức thế giới đương đại*. Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2003.

17. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Tòng: *Toàn cầu hoá - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2004.

18. Nguyễn Xuân Thắng: *Sự điều chỉnh chiến lược hợp tác khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong bối cảnh quốc tế mới*. Nxb. Khoa học xã hội, H. 2004.

19. ASEAN và Trung Quốc xúc tiến kế hoạch xây dựng khu vực tự do thương mại, Báo *Nhân dân*, ngày 7-10-2003.

20. *Tuyên bố chung về đối tác chiến lược ASEAN - Trung Quốc đánh dấu một bước ngoặt mới trong quan hệ giữa hai bên*, Báo *Nhân dân*, ngày 10-10-2003.

21. Nguyễn Nam Dương: *Chủ nghĩa khu vực mới ở Đông Á*. Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 4-2002.

22. Nguyễn Thế Lực, Nguyễn Hoàng Giáp: *Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thành tựu và một số vấn đề đặt ra*, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, 6-2003.

23. Tôn Khánh Linh: *Những thuận lợi và thách thức đối với hợp tác Đông Á*, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 40-2004.

24. Luận Thùy Dương: *Vai trò của ASEAN trong việc xây dựng cộng đồng Đông Á*, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 57-2004.

25. Trần Cao Thành: *ASEAN thực hiện và mở rộng khu vực thương mại tự do*, Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 2-2002.

26. Phạm Đức Thành: *Hợp tác Đông Á (ASEAN+3): hiện trạng và triển vọng*, Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 5-2002.

27. Nguyễn Văn Hà: *Những vấn đề về thể chế trong liên kết kinh tế ASEAN - hiện trạng và triển vọng*. Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 1-2003.

28. Nguyễn Chu Hồi: *Hợp tác ASEAN về môi trường biển*. Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 6-2003.

29. Nguyễn Huy Quý: *Đôi điều suy nghĩ về quan hệ ASEAN - Trung Quốc*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3-1997.

30. Trần Khánh: *Sự tiến triển trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, tháng 2-2004.

31. Nguyễn Hoàng Giáp: *Sự phát triển quan hệ Trung Quốc - ASEAN tác động đến quan hệ quốc tế ở khu vực châu*

Á - Thái Bình Dương, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1-2005.

32. Nguyễn Minh Hằng: *Trung Quốc với sự phát triển kinh tế của các nước ASEAN...*, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 1-1999.
33. Nguyễn Thế Tăng: *Hợp tác kinh tế ASEAN - Trung Quốc cơ hội và thách thức*, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6-1999.
34. Lưu Hàm Nhạc: *Ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với kinh tế - xã hội Trung Quốc*, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 5-2001.
35. Lê Thiếu Liêm: *Công tác đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ mới*, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc,* số 2-2003.
36. Cổ Tiểu Tùng: *Trung Quốc - chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ*, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc,* số 2-2003.
37. Lê Văn Sang: *Về các ý tưởng liên kết kinh tế Đông Á*. Tạp chí *Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 4-2002.
38. Lê Văn Sang: *Nhân tố ASEAN trong sự phát triển kinh tế của Trung Quốc*, Tạp chí *Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 25-2003.
39. *Kinh tế Trung Quốc và sự nhất thể hoá nền kinh tế thế giới*. Tạp chí *Thông tin lý luận*, số 12-1997.
40. Nguyễn Kim Lân: *Hợp tác ASEAN và Trung Quốc: Cơ hội và thách thức*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 7-2004.

41. Nguyễn Văn Dân (Chủ biên): *Vị trí chiến lược vấn đề biển và luật biển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*. Thông tin Khoa học xã hội - Chuyên đề, H. 1998.

42. Thông tấn xã Việt Nam: *Trung Quốc: Chính sách ngoại giao đa phương*, Tài liệu tham khảo số 2 và 3-2002.

43. Thông tấn xã Việt Nam: *Thách thức, cơ hội và tiềm lực của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc*, Tin tham khảo chủ nhật, ngày 25-4-2004.

44. *Quan hệ Trung Quốc - Đông Nam Á và sự hình thành Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN*, Bản tin *Những vấn đề chính trị - xã hội*. Viện Thông tin khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, số 47 và 48, tháng 12-2003.

45. *Vấn đề đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc*. Tạp chí *Inside China Mainland* (tiếng Anh), số 10-1998.

46. V. Mikhêép: *Trung Quốc dưới ánh sáng xu hướng toàn cầu hoá và chủ nghĩa khu vực Á châu*, Tạp chí *Những vấn đề Viễn Đông* (Nga), số 3-2000 (tài liệu dịch của Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

47. Website của Ban Thư ký ASEAN: http://www.aseansec.org

48. Website Đảng Cộng sản Việt Nam: http://www.cpv.org.vn

Mục lục

KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TRIỂN VỌNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
PGS, TS Vũ Đình Hòe

Chịu trách nhiệm nội dung
PGS, TS Đường Vinh Sường

Biên tập nội dung: Dương Văn Vinh
Đỗ Tuấn Đông
Biên tập kỹ - mỹ thuật: Lưu Quang Đà
Đọc soát bản in: Dương Văn Vinh
Trình bày bìa: Kim Chung

In 700 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Xí nghiệp In II - Công ty cổ phần Nhà in Khoa học và công nghệ. Giấy phép xuất bản số: 296-2006/CXB/01-5/LLCT, cấp ngày 21-4-2006. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2006.